

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
LIÊN HIỆP HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT KHÁNH HÒA




BẢN BÁO CÁO KẾT QUẢ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỈNH

"ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI
Ở KHÁNH HÒA"




Cơ quan chủ trì

Liên hiệp các Hội KHKT Khánh Hòa


Phạm Đăng Khánh

Cơ quan quản lý

Sở KH & CN Khánh Hòa
GIAM ĐỐC


Nguyễn Văn Hoạt

NHA TRANG 11/2005

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA
LIÊN HIỆP HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT KHÁNH HÒA**



**BẢN BÁO CÁO KẾT QUẢ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỈNH**

**"ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI
Ở KHÁNH HÒA"**

Chủ nhiệm đề tài:

Th.s Nguyễn Chí Tâm

Đơn vị thực hiện đề tài:

Trung tâm nghiên cứu khoa học KT-XH Khánh Hòa

Các cộng tác viên đề tài:

Trần Thái Mẫn: Nghiên cứu sinh

Đỗ Văn Hải: Kỹ sư nông nghiệp

Nguyễn Văn Tuyên: Cử nhân kinh tế

Nguyễn Thị Hòa: Kỹ sư thủy sản

Nguyễn Thị Anh Đào: Cử nhân kinh tế

NHA TRANG 11/2005

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
-----------------	---

CHƯƠNG I

CÁC QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN RA ĐỜI CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI	3
---	---

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI.	3
--	---

I.1. Khái niệm về kinh tế trang trại.....	3
---	---

I.2. Đặc trưng cơ bản của kinh tế trang trại	3
---	---

I.3. Xu hướng hình thành và phát triển khách quan về kinh tế trang trại ở nước ta.....	6
--	---

I.3.1. Những giới hạn của kinh tế nông hộ trong sản xuất sản phẩm hàng hóa.....	6
---	---

I.3.2. Xu hướng hình thành kinh tế trang trại	7
---	---

I.3.3. Xu hướng phát triển.	8
----------------------------------	---

I.3.4. Nhận xét.	9
-----------------------	---

I.4. Sự khác nhau giữa kinh tế trang trại với kinh tế nông hộ.....	10
--	----

I.5. Vai trò, vị trí của kinh tế trang trại trong phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam.....	13
---	----

II. CÁC QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN RA ĐỜI CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI.....	17
--	----

II.1. Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho kinh tế trang trại Việt Nam ra đời.....	17
--	----

II.2. Chủ trương và chính sách phát triển kinh tế trang trại của Nhà nước ta.....	20
---	----

II.2.1. Về chủ trương.	20
-----------------------------	----

II.2.2. Một số chính sách cơ bản của Nhà nước đối với kinh tế trang trại.....	21
---	----

CHƯƠNG II.

THỰC TRẠNG KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA.....	24
--	----

I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA.....	24
--	----

I.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên tỉnh Khánh Hòa.	24
---	----

I.2. Những ưu thế và hạn chế về điều kiện tự nhiên	24
--	----

Chủ nhiệm đề tài: Thạc Sĩ Nguyễn Chí Tâm

I.3. Đặc điểm nông nghiệp nông thôn Khánh Hòa.....	25
I.4. Lược sử sự hình thành và phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa.....	26
I.4.1. Một số văn bản của UBND tỉnh.....	26
I.4.2. Quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại.....	26
I.4.3. Thực trạng kinh tế trang trại ở Khánh Hòa hiện nay.....	28
II. ĐÁNH GIÁ CHUNG.....	40
II.1. Những mặt được.....	40
II.2. Những yếu kém, tồn tại.....	41
II.3. Nguyên nhân của yếu kém, tồn tại.....	42

CHƯƠNG III

NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA.....	45
I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HOÀ..	45
II. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ.....	46
II.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.....	46
II.2. Về đất đai.....	46
II.3. Về vốn.....	48
II.4. Về phát triển nguồn nhân lực.....	49
II.5. Về thị trường.....	50
II.6. Về khoa học-công nghệ.....	52
II.7. Về thuế.....	53
II.8. Về phát triển công nghiệp chế biến nông sản.....	53
II.9. Về quy hoạch vùng, ngành phát triển kinh tế trang trại.....	54
II.10. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế trang trại.....	54
II.11. Giải pháp về cơ chế chính sách.....	54
- NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ, KẾT LUẬN.....	56
I. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	57
I.1. Một số vấn đề chung.....	57
I.2. Một số vấn đề cụ thể.....	58

II. KẾT LUẬN	60
- LỜI CẢM ƠN	61
- TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	62
- PHỤ LỤC.....	64
I. TIÊU CHÍ TRANG TRẠI.....	64
II. CÁC BIỂU BẢNG.....	65
III. SỰ HÌNH THÀNH KINH TẾ TRANG TRẠI Ở NƯỚC TA.....	65
IV. NHỮNG MÔ HÌNH LÀM GIÀU TỪ KINH TẾ TRANG TRẠI	99

**BẢNG CHÚ GIẢI CÁC CHỮ VIẾT TẮT,
KÝ HIỆU, ĐƠN VỊ ĐO...**

NN: nông nghiệp
LN: lâm nghiệp
TS: thủy sản
TT t/sản: trang trại thủy sản
NL: nông lâm
TN TH: tốt nghiệp tiểu học
TN THCS
TN THPT: tốt nghiệp trung học phổ thông
SC: sơ cấp
TC: trung cấp
CD,ĐH: cao đẳng, đại học
LĐ: lao động
CNQSD: chứng nhận quyền sử dụng
KTTT: kinh tế trang trại
KHKT: khoa học kỹ thuật
TX: thường xuyên
TV: thời vụ

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

- MỞ ĐẦU
- CHƯƠNG I
- CHƯƠNG II
- CHƯƠNG III
- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ, KẾT LUẬN
- LỜI CẢM ƠN
- TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI MỞ ĐẦU.

Kinh tế trang trại đã và đang phát triển rộng khắp ở các địa phương, góp phần tạo ra một bước tiến quan trọng trong sự phát triển của sản xuất nông nghiệp và kinh tế-xã hội nông thôn. Các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Bình Thuận, TP Hồ Chí Minh...đều có đề tài nghiên cứu về phát triển kinh tế trang trại ở địa phương mình. Các phương tiện thông tin đại chúng của nước ta đã giới thiệu nhiều mô hình trang trại sản xuất-kinh doanh đạt hiệu quả cao, đồng thời một số hội nghị, hội thảo về mô hình này cũng đã được tổ chức. Các hội thảo đã trình bày và làm sáng tỏ nhiều quan điểm và nhận định của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giúp những người hoạch định chính sách phát triển kinh tế được phù hợp.

Phát triển kinh tế trang trại là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tạo bước chuyển biến tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra khối lượng lớn sản phẩm hàng hoá, có tác động thúc đẩy hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh tổng hợp và phát triển bền vững theo hướng khuyến khích ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Đồng thời vẫn bảo vệ được nguồn lợi nông, lâm, thủy, hải sản và môi trường sinh thái ở nông thôn.

Ở Khánh Hòa, việc đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại được đưa vào danh mục các chương trình, đề tài cấp tỉnh năm 2004. Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và của liên ngành: KH&CN-Liên hiệp các Hội KHKT. UBND tỉnh đã ra quyết định phê duyệt nghiên cứu đề tài khoa học "Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa" từ tháng 11/2004.

Trong quá trình nghiên cứu chủ nhiệm đề tài cùng các cộng tác viên đã kế thừa các kết quả nghiên cứu chung của Trung ương và các tỉnh bạn, đồng thời khảo sát thực tế của địa phương, phân tích tình hình cụ thể để đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giúp cho lãnh đạo tỉnh có hoạch định các phương án phát triển kinh tế trang trại phù hợp.

• Mục tiêu nghiên cứu đề tài.

1. Phản ánh được thực trạng kinh tế trang trại ở Khánh Hoà.
2. Đề xuất những giải pháp nhằm phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hoà trong thời gian tới.

• Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đề tài lấy đối tượng và phạm vi nghiên cứu là một số trang trại trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên phạm vi tỉnh Khánh Hòa năm 2004.

• Phương pháp nghiên cứu đề tài.

Điều tra thực trạng về KTTT của các huyện, thị, thành phố qua các phiếu trưng cầu ý kiến các cán bộ lãnh đạo, chuyên môn cấp xã, huyện và một số ban ngành của tỉnh.

Điều tra thực trạng về KTTT qua phiếu điều tra các chủ trang trại: Phương

Đề tài:Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

pháp chọn mẫu, căn cứ số liệu điều tra năm 2004, **chỉ chọn 30% số trang trại** theo từng loại để điều tra. **Thời gian nghiên cứu là một năm** từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2005

Chọn khoảng 10 mô hình trang trại hội đủ các giải pháp dự kiến đề xuất để nghiên cứu làm cơ sở khoa học cho tính khả thi của giải pháp đề xuất.

Thống kê, xử lý số liệu điều tra, phân tích, tổng hợp, kết hợp với lấy ý kiến chuyên gia, hội thảo.

CHƯƠNG I

CÁC QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN RA ĐỜI CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI.

I.1. Khái niệm về kinh tế trang trại.

Để hiểu rõ khái niệm kinh tế trang trại, trước hết cần phải phân biệt thuật ngữ "trang trại" và "kinh tế trang trại".

Về thực chất trang trại và kinh tế trang trại là những khái niệm không đồng nhất. Kinh tế trang trại là tổng thể các yếu tố vật chất của sản xuất và các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình tồn tại và hoạt động của trang trại; còn trang trại là nơi kết hợp các yếu tố vật chất của sản xuất và là chủ thể của các quan hệ kinh tế đó.

Như vậy, nói kinh tế trang trại là nói mặt kinh tế của trang trại. Ngoài mặt kinh tế, còn có thể nhìn nhận trang trại từ mặt xã hội và mặt môi trường.

Về mặt xã hội, trang trại là một tổ chức cơ sở của xã hội, trong đó các quan hệ xã hội đan xen nhau: quan hệ giữa các thành viên của hộ trang trại, quan hệ giữa chủ trang trại với những người lao động thuê ngoài, quan hệ giữa những người lao động làm thuê với nhau,...

Về mặt môi trường, trang trại làm cho không gian sinh thái, trong đó diễn ra các quan hệ sinh thái đa dạng. Không gian sinh thái trang trại có quan hệ chặt chẽ và có ảnh hưởng qua lại trực tiếp với hệ sinh thái của vùng.

Như vậy, khái niệm trang trại rộng hơn khái niệm kinh tế trang trại. Tuy nhiên trong các mặt kinh tế, xã hội và môi trường thì mặt kinh tế là mặt cơ bản chứa đựng những nội dung cốt lõi của trang trại. Vì vậy, trong nhiều trường hợp khi nói tới kinh tế trang trại, tức là nói tới mặt kinh tế của trang trại, người ta thường gọi tắt là trang trại.

Vậy có thể hiểu khái niệm kinh tế trang trại là thế nào?

Nghị quyết 03 ngày 02-02-2000 của Chính phủ đã chỉ rõ: "*Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản*".

Theo tôi nhất trí khái niệm như trong Nghị quyết. Trên cơ sở thống nhất nhận thức về khái niệm kinh tế trang trại, từ đó nhận định, đánh giá, xem xét, tìm ra giải pháp để phát triển kinh tế trang trại ngày một tốt hơn.

I.2. Đặc trưng cơ bản của kinh tế trang trại

I.2.1. Mục đích cơ bản là sản xuất nông sản phẩm hàng hóa theo nhu cầu thị trường.

Kinh tế trang trại là hình thức kinh tế từng bước đưa một số nông dân từ hộ nông nghiệp tự cấp, tự túc lên các hộ nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Vai trò của kinh tế trang trại gắn liền với tính hai mặt của hộ nông dân, với trình độ phát triển của sản xuất nông nghiệp và sự giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn.

Nông hộ vừa là đơn vị trực tiếp sản xuất ra sản phẩm cần thiết cho cuộc sống, vừa là đơn vị trực tiếp tiêu dùng của xã hội. Do vậy sản xuất tự cấp tự túc là cái vốn có của kinh tế hộ nông dân. Các hộ nông dân muốn làm giàu thì phải thoát khỏi tình trạng sản xuất tự cung, tự cấp và từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa theo hình thức trang trại.

Như vậy các hình thức sản xuất nông nghiệp tập trung trước kinh tế thị trường, mặc dù sản xuất ra khối lượng nông sản phẩm lớn hơn so với hình thức sản xuất phân tán, song mục đích chủ yếu vẫn là nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp của chính người chủ. Còn kinh tế trang trại ngay từ khi ra đời đã mang tính hàng hóa và tính chất, trình độ sản xuất hàng hóa của nó ngày càng được nâng cao.

Các trang trại gia đình đều đi lên từ kinh tế hộ nông dân khi kinh tế hộ phá vỡ vỏ bọc tự cung tự cấp vốn có. Như vậy, quá trình hình thành và phát triển trang trại gia đình là quá trình nâng cao, mở rộng tính chất và trình độ sản xuất hàng hóa của chủ trang trại, đồng thời cũng là quá trình thu hẹp tính chất sản xuất tự cung tự cấp vốn có của kinh tế hộ nông dân.

Đặc trưng về mục đích sản xuất hàng hóa là đặc trưng quan trọng nhất, bởi vì mục đích sản xuất hàng hóa chi phối và ảnh hưởng rất lớn, thậm chí quyết định tới tất cả các đặc trưng khác của kinh tế trang trại. Đặc trưng về mục đích sản xuất hàng hóa có thể biểu thị về mặt lượng bằng những chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Giá trị sản xuất hàng hóa (nông-lâm-thủy sản) được tạo ra trong một năm của trang trại.
- Tỷ suất hàng hóa của trang trại.

1.2.2. Tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của một người chủ độc lập.

Người chủ độc lập ở đây là người hoàn toàn có quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: đối tượng, hình thức sản xuất, sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, nguồn vốn ở đâu, tiêu thụ sản phẩm bằng cách nào...song chủ trang trại không phải là người biệt lập, tách rời với các mối quan hệ liên kết và hợp tác với các chủ thể kinh tế khác. Chủ trang trại có thể liên doanh, liên kết, hợp tác với các chủ thể kinh tế khác.

1.2.3. Các yếu tố sản xuất, trước hết là ruộng đất và tiền vốn được tập trung với quy mô nhất định theo yêu cầu phát triển của sản xuất hàng hóa.

Trong công nghiệp cũng như các ngành sản xuất vật chất khác, sản xuất hàng hóa chỉ có thể được tiến hành khi các yếu tố sản xuất được tập trung tới quy mô nào đó. Do đó, ở các trang trại, sản xuất hàng hóa chỉ có thể được thực

hiện khi ruộng đất, tiền vốn, tư liệu sản xuất... được tập trung tới quy mô cần thiết. Đặc trưng này được quy định bởi chính đặc trưng về mục đích sản xuất của trang trại.

Đặc trưng về sự tập trung các yếu tố sản xuất của kinh tế trang trại có thể biểu thị về mặt lượng bằng những chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Quy mô diện tích ruộng đất hoặc số lượng gia súc, gia cầm... của trang trại.

- Quy mô vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh của trang trại.

1.2.4. Cách tổ chức và quản lý sản xuất tiến bộ dựa trên cơ sở chuyên môn hóa sản xuất, thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, thực hiện hạch toán, điều hành sản xuất hợp lý và thường xuyên tiếp cận thị trường.

Về trình độ chuyên môn hóa sản xuất trong các trang trại:

Chuyên môn hóa sản xuất của trang trại là quá trình gắn liền với việc chuyển phương hướng sản xuất kinh doanh của trang trại từ sản xuất đa dạng, đa canh, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi sang sản xuất chuyên canh, tập trung vào một số sản phẩm hàng hóa có lợi thế so sánh và khả năng sinh lời cao hơn.

Để phản ánh trình độ chuyên môn hóa, có thể sử dụng các chỉ tiêu sau:

- Cơ cấu giá trị sản lượng của trang trại.

- Cơ cấu giá trị sản phẩm hàng hóa của trang trại.

Trình độ thâm canh trong các trang trại được nâng dần từ thâm canh truyền thống sang thâm canh kết hợp truyền thống với hiện đại, rồi sang hiện đại.

Những chỉ tiêu chủ yếu có thể sử dụng để biểu hiện trình độ thâm canh là:

- Vốn đầu tư cho mỗi đơn vị diện tích hoặc một đầu gia súc.

- Vốn đầu tư cho công nghệ sản xuất tiến bộ trên một đơn vị diện tích hoặc đầu gia súc.

- Năng suất cây trồng vật nuôi.

Về cách thức điều hành sản xuất.

Một khi đã coi sản xuất hàng hóa là hướng đi chính, mục tiêu ổn định, lợi nhuận lâu dài thì đòi hỏi phải có phương án hợp lý lựa chọn vật nuôi, cây trồng, quy hoạch ruộng đất, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật sản xuất, áp dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất thâm canh... Do vậy, việc điều hành quản lý phải được tiến hành trên cơ sở những kiến thức cần thiết về nông học, sinh học và phương pháp tiến hành sản xuất.

Về hoạt động tài chính và hạch toán của trang trại.

Khi mà trang trại hoạt động sản xuất kinh doanh gần như một doanh nghiệp thì hoạt động tài chính không còn đơn giản, không có hoặc chỉ ghi chép sơ sài, mà yêu cầu phải đi vào chiều sâu, có sổ ghi chép đầy đủ, bao gồm các

nội dung: kế hoạch tài chính, hạch toán giá thành, lợi nhuận...thậm chí đòi hỏi phải có kiến thức về nghiệp vụ kế toán, hạch toán nhất định.

Về tiếp cận thị trường.

Một khi đã coi hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại là cuộc sống của mình, thì chủ trang trại cần tiếp cận thị trường, hiểu biết về thị trường, phải có chiến lược và thực hiện linh hoạt trong kinh doanh nhằm đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường, chủ động trong cạnh tranh.

1.2.5. Chủ trang trại là người có ý chí, có năng lực tổ chức quản lý, có kiến thức và kinh nghiệm sản xuất, đồng thời có hiểu biết nhất định về kinh doanh.

Người chủ trang trại là người có những tố chất cần thiết để tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại. Những yếu tố cần thiết và chủ yếu của chủ trang trại là:

- Có ý chí và quyết tâm làm giàu từ nghề nông.
- Có năng lực tổ chức quản lý sản xuất.
- Có kiến thức và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, đồng thời có hiểu biết nhất định về hạch toán, phân tích kinh doanh, tiếp cận thị trường...Mức độ hoàn thiện của các tố chất gắn liền với các giai đoạn phát triển của trang trại.

1.2.6. Các trang trại đều có thuê mướn lao động.

Các trang trại trong nông, lâm, ngư nghiệp đều có quy mô sản xuất lớn hơn hẳn so với quy mô sản xuất của hộ nông dân. Điều này dẫn đến nhu cầu về lao động trong các trang trại đều vượt quá khả năng của gia đình và do đó các trang trại đều có thuê lao động. Quy mô thuê lao động trong các trang trại khác nhau và phụ thuộc chủ yếu vào các loại hình trang trại và quy mô sản xuất của các trang trại.

Các trang trại có quy mô sản xuất lớn thì thuê lao động thường xuyên và lao động thời vụ nhiều, trong đó lao động thường xuyên là chủ yếu. Còn các trang trại quy mô sản xuất nhỏ hơn các loại khác nên thường là đi thuê lao động thời vụ.

1.3. Xu hướng hình thành và phát triển khách quan về kinh tế trang trại ở nước ta.

1.3.1 Những giới hạn của kinh tế nông hộ trong sản xuất sản phẩm hàng hóa.

Kinh tế nông hộ-kinh tế tiểu nông nói chung, sản xuất chủ yếu nhằm để thỏa mãn nhu cầu của mình, còn việc đưa sản phẩm ra thị trường rất ít. Vì vậy, kinh tế nông hộ có những hạn chế nhất định:

- Tư liệu sản xuất rất phân tán, manh mún, đặc biệt là ruộng đất, sự rải đều ruộng đất cho mỗi nông hộ, tuy có đáp ứng được yêu cầu “nông dân có ruộng”, nhưng lại cản trở sự hình thành các vùng chuyên canh và kéo theo đó là cản trở quá trình đổi mới kỹ thuật sản xuất.

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra chậm chạp. Bản thân kinh tế nông hộ cũng không đáp ứng được những yêu cầu của nghiên cứu, ứng dụng, triển khai tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới cho có hiệu quả. Do vậy, việc ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ vào sản xuất rất hạn chế, khoa học-công nghệ khó thực hiện vai trò động lực cho sự phát triển.

- Do sự phân tán, manh mún của kinh tế nông hộ, mà khả năng thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài bị hạn chế.

- Trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật của lao động nông nghiệp, nông thôn nói chung và các nông hộ nói riêng còn thấp và hạn chế. Sự thấp kém này làm cho năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất thấp, cản trở sự chuyển dịch cơ cấu lực lượng lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tóm lại, kinh tế nông hộ hiện nay về tổng thể vẫn ở trong trạng thái của sản xuất hàng hóa giản đơn, còn mang nhiều đặc trưng của kinh tế tự cung, tự cấp. Ruộng đất, vốn, kỹ thuật, thị trường... bị hạn hẹp dẫn đến năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất thấp. Đó là những giới hạn của kinh tế nông hộ-tiểu nông.

1.3.2. Xu hướng hình thành kinh tế trang trại.

Các trang trại ở nước ta được hình thành từ các hướng chủ yếu sau:

- Các hộ nông dân tự khai phá và được nhà nước giao đất sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với quy mô đủ lớn lập trang trại trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

- Các hộ nông dân lập trang trại trên cơ sở tập trung ruộng đất thông qua chuyển nhượng và chuyển đổi ruộng đất cho nhau.

- Một số hộ nông dân thuê đất 5%, nhận thầu cơ sở sản xuất (vườn cây, chuồng trại, ao đìa) của các tổ chức kinh tế để lập trang trại.

- Một số người có vốn đến những nơi có điều kiện khai phá, sang nhượng hoặc thuê đất lập trang trại.

Hướng hình thành trang trại diễn ra không đồng đều giữa các vùng do có các điều kiện khác nhau về đất đai, dân số, sự phát triển của kết cấu hạ tầng...

Ở đồng bằng sông hồng, quỹ đất nông nghiệp ít, sức ép dân số và lao động cao chưa thể tập trung ruộng đất với quy mô lớn. Do vậy việc hình thành các trang trại ở đây diễn ra chậm và quy mô diện tích của các trang trại nhỏ. Sự hình thành của trang trại chủ yếu trên cơ sở cơ cấu lại sản xuất của nông hộ theo hướng chuyển sang sản xuất các loại nông sản phẩm có giá trị kinh tế lớn và tỷ suất hàng hóa cao.

Ở đồng bằng sông Cửu Long quỹ đất lớn. Vùng này có truyền thống sản xuất hàng hóa, việc chuyển nhượng đất đai giữa các hộ nông dân khá thuận lợi, các hộ có vốn đều có thể mở rộng quy mô đất đai, sử dụng cơ giới hóa và các

thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa hàng hóa theo phương thức trang trại. Ngoài sản xuất lúa, ở đồng bằng sông Cửu Long còn hình thành các trang trại trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản...

Ở trung du miền núi các trang trại hình thành tương đối nhanh do có nhiều đất rừng và đất trồng cây lâu năm. Các trang trại vùng Đông Bắc chủ yếu trồng cây ăn quả, trồng rừng; các trang trại vùng Tây Bắc chủ yếu phát triển cây công nghiệp và trồng rừng. Tuy số lượng trang trại nhiều, nhưng quy mô của các trang trại phần lớn là nhỏ. Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ sản xuất thấp, kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi...) còn thấp kém.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam bộ, các trang trại được hình thành nhanh do có điều kiện thuận lợi về đất đai: quỹ đất rộng, điều kiện thời tiết khí hậu thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê, trồng rừng...). Quy mô trang trại ở các vùng này tương đối lớn.

Vùng Duyên hải Trung bộ là vùng có nguồn tài nguyên nông, lâm, ngư nghiệp đa dạng, có điều kiện phát triển kinh tế toàn diện, nhưng cũng có nhiều bất lợi như: địa hình đồi núi chia cắt phức tạp, cơ sở hạ tầng thấp kém, thời tiết khí hậu bất thường, lũ lụt hạn hán thường xuyên xảy ra, quỹ đất nông nghiệp ít lại kém màu mỡ, mật độ dân số cao, sản phẩm nông sản hàng hóa không nhiều, thị trường không ổn định và kém phát triển. Do đó các trang trại hình thành rất chậm, quy mô nhỏ, hiệu quả sản xuất thấp. Phần lớn trang trại ở Duyên hải Trung bộ được hình thành nhằm khai thác đất và mặt nước ven biển để nuôi trồng hải sản.

1.3.3. Xu hướng phát triển.

Các trang trại hình thành sẽ phát triển theo hướng chủ yếu sau:

- *Tích tụ và tập trung sản xuất.*

Sau khi hình thành các trang trại vẫn diễn ra quá trình tích tụ và tập trung sản xuất. Tuy nhiên tính chất và mức độ tích tụ và tập trung lúc này không hoàn toàn giống như tích tụ và tập trung các yếu tố sản xuất để hình thành trang trại. Tích tụ và tập trung để phát triển trang trại là nhằm mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường.

Phần lớn các trang trại sẽ tích lũy vốn, tăng vốn tự có của trang trại để đầu tư thâm canh, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Ở những nơi có điều kiện các trang trại vẫn có xu hướng mở rộng quy mô diện tích bằng đầu tư khai hoang, nhận chuyển nhượng, nhận thầu hoặc thuê đất để sản xuất.

- *Chuyên môn hóa sản xuất.*

Sản xuất ngày càng đi vào chuyên môn hóa là xu thế tất yếu trong phát triển kinh tế trang trại. Tuy vậy do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp đòi hỏi các chủ trang trại phải biết kết hợp giữa sản xuất chuyên môn hóa với sản xuất đa dạng một cách hợp lý mới có thể khai thác có hiệu quả các nguồn lực về đất đai, lao động, điều kiện khí hậu, cơ sở vật chất kỹ thuật, đồng thời hạn chế rủi

ro về thiên tai và biến động bất lợi của thị trường.

Xu hướng sản xuất chuyên môn hóa của các trang trại biểu hiện:

+ Trên cơ sở quy hoạch của nhà nước các trang trại bố trí sản xuất một số sản phẩm hàng hóa chính phù hợp với yêu cầu của thị trường và điều kiện sản xuất của mình.

+ Dựa vào một số sản phẩm chính mà kết hợp sản xuất một số loại sản phẩm bổ sung để hỗ trợ cho sản phẩm chính, đồng thời sử dụng có hiệu quả điều kiện đất đai, lao động, tư liệu sản xuất của trang trại.

Phát triển theo hướng trên sẽ xuất hiện nhiều trang trại sản xuất chuyên môn hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao như: trang trại trồng cao su, trang trại trồng cà phê, trang trại trồng cây ăn quả, trang trại trồng rau cao cấp, trang trại trồng hoa cây cảnh, trang trại nuôi thủy sản, trang trại nuôi lợn, trang trại nuôi gà, trang trại nuôi bò...

- *Nâng cao kỹ thuật trong sản xuất.*

Quá trình tích tụ, mở rộng quy mô sản xuất đòi hỏi các trang trại phải nâng cao trình độ kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Sẽ không mang lại hiệu quả khi trang trại mở rộng quy mô sản xuất (phát triển về số lượng) trên cơ sở vật chất kỹ thuật thấp kém và lao động thủ công.

Để nâng cao trình độ kỹ thuật các trang trại phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất, tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất. Mặt khác phải kết hợp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong từng trang trại với cơ sở vật chất kỹ thuật trong vùng. Mỗi trang trại không thể hoàn toàn tự mình nâng cao trình độ kỹ thuật mà cần có sự hỗ trợ của nhà nước theo phương châm “nhà nước và chủ trang trại cùng làm”.

- *Hợp tác và cạnh tranh.*

Sản xuất hàng hóa của trang trại tất yếu tạo ra xu thế hợp tác, trước hết các trang trại tự hợp tác với nhau để giải quyết tốt hơn những vấn đề sản xuất kinh doanh, hợp tác với tổ chức cung ứng vật tư đầu vào, hợp tác với các tổ chức thương mại dịch vụ để tiêu thụ nông sản phẩm. Mặt khác có những hoạt động tự trang trại không làm được hoặc làm không hiệu quả cần có sự hợp tác liên kết, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng và chế biến tiêu thụ nông sản.

Đi đôi với hợp tác, các trang trại còn phải cạnh tranh với các tổ chức và đơn vị kinh tế khác để tiêu thụ nông sản hàng hóa với giá cả hợp lý. Muốn vậy trang trại phải tăng năng suất, hạ giá thành, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

1.3.4. Nhận xét.

Từ việc nghiên cứu cơ bản về trang trại ở nước ta có một số nhận xét sau:

- Trang trại là một hình thức tổ chức sản xuất cơ sở trong nông-lâm-ngư

ngiệp, hình thành và phát triển trong nền nông nghiệp nhiều thành phần ở nước ta là tất yếu. Trang trại có vai trò tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Trang trại chỉ phát triển được trên cơ sở sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm hàng hóa theo yêu cầu thị trường.

- Trang trại ở nước ta hình thành và phát triển trong điều kiện nền nông nghiệp còn lạc hậu, công nghiệp kém phát triển, diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp. Muốn phát triển được các trang trại phải tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ và tăng cường hợp tác và cạnh tranh.

Để tạo điều kiện cho các trang trại phát triển theo xu hướng nêu trên nhà nước cần có các chính sách khuyến khích phát triển phù hợp, trong đó chính sách tài chính, chính sách đất đai, chính sách phát triển công nghiệp chế biến nông-lâm-thủy sản, chính sách khoa học công nghệ, chính sách thị trường có vai trò quan trọng.

I.4. Sự khác nhau giữa kinh tế trang trại với kinh tế nông hộ.

Kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại là hai loại hình kinh tế khác nhau.

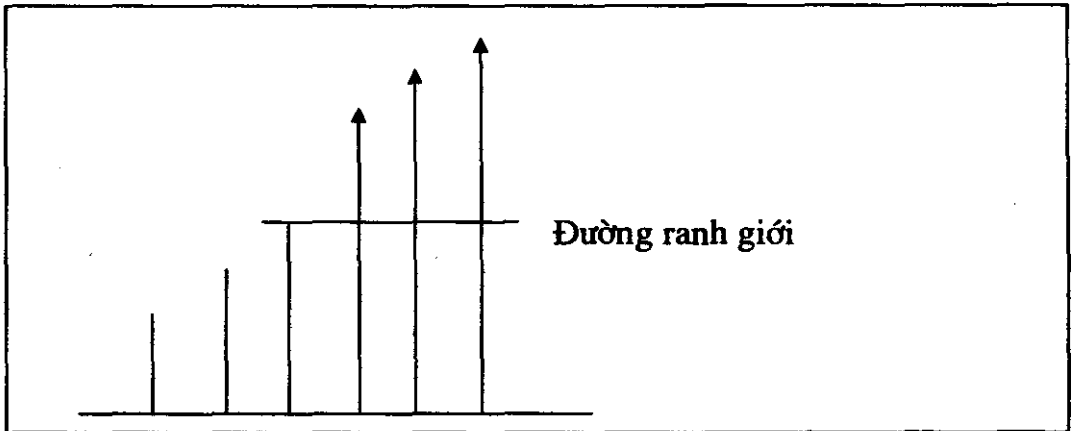
Hiện nay, có người đã nhầm lẫn mà nhập cả kinh tế trang trại vào kinh tế nông hộ rồi cho rằng kinh tế nông hộ đã sản xuất ra hàng hóa có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao...mà không thấy được sự khác nhau cơ bản giữa chúng. Trong nông trại, lâm trại, ngư trại mà chúng ta gọi chung là trang trại, nếu phân theo quy mô thì sẽ có trang trại nhỏ, trang trại vừa, trang trại lớn...Song không thể nhập kinh tế nông hộ vào kinh tế trang trại rồi gọi chung là trang trại nhỏ. Giữa kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại có ranh giới nhất định, vượt qua ranh giới này nó sẽ trở thành một loại hình kinh tế khác. Do vậy, nếu nhập lại làm một sẽ không có ý nghĩa giá trị về mặt lý luận và thực tiễn.

Về mặt lý luận.

Thực chất của kinh tế nông hộ là kinh tế tiểu nông với vỏ bọc là sản xuất tự cấp, tự túc khép kín, đại bộ phận sản phẩm làm ra chỉ để cho tiêu dùng trong gia đình là chính, việc mua bán, trao đổi diễn ra rất ít, có khi không có. Còn kinh tế trang trại thực chất là hình thức kinh tế của nền kinh tế nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Khác với kinh tế tiểu nông, nó phá bỏ cái vỏ bọc sản xuất tự cấp, tự túc, khép kín để vươn lên sản xuất nhiều nông sản hàng hóa, tiếp cận với thị trường, từng bước thích nghi với nền kinh tế cạnh tranh.

Sự khác biệt giữa kinh tế hộ với kinh tế trang trại có thể được khái quát như sau:

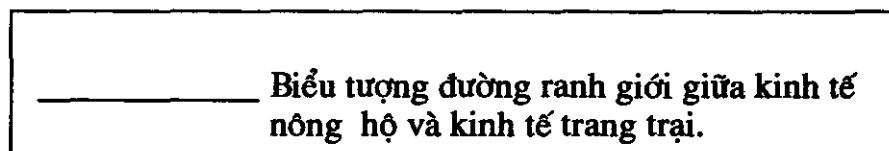
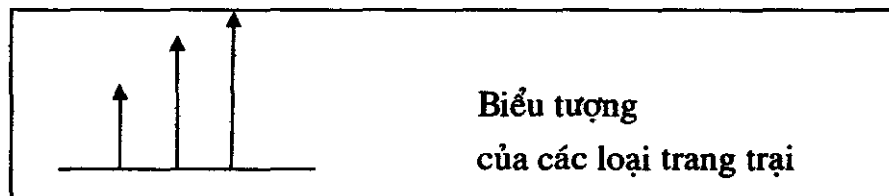
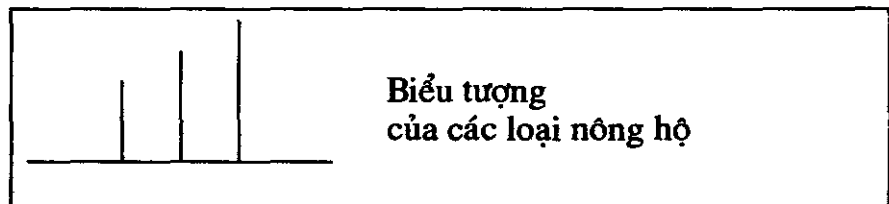
Ranh giới giữa kinh tế hộ và kinh tế trang trại .



Phía trên đường ranh giới là kết quả sản xuất hàng hóa, điều kiện về đất canh tác, điều kiện về vốn, điều kiện về kỹ thuật công nghệ, điều kiện về quản lý kinh doanh của các trang trại.

Phía dưới đường ranh giới là kết quả sản xuất, điều kiện về đất canh tác, điều kiện về vốn, điều kiện về kỹ thuật công nghệ, điều kiện về quản lý kinh doanh của các nông hộ

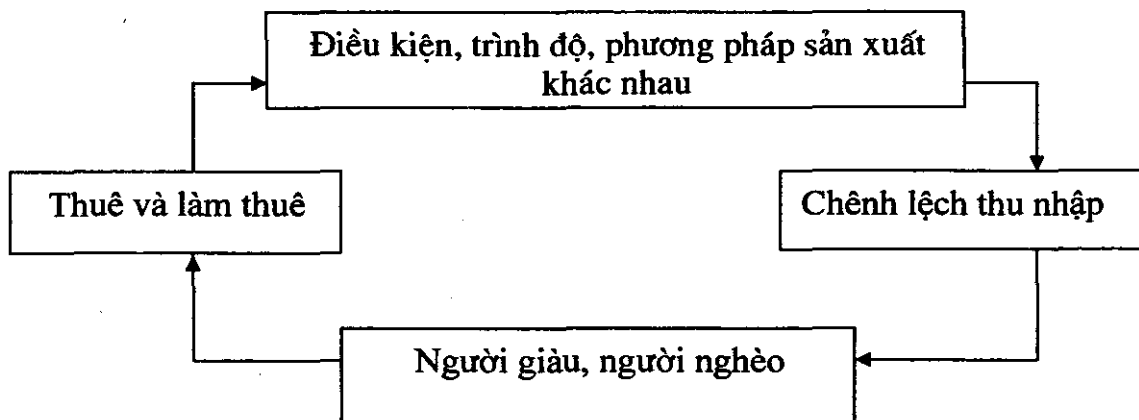
Ghi chú



Sơ đồ trên không chỉ nói lên mối quan hệ giữa kết quả sản xuất kinh doanh và những điều kiện chủ yếu của sản xuất hàng hóa mà còn thể hiện rất rõ ranh giới giữa kinh tế hộ và kinh tế trang trại. Chuyển từ kinh tế hộ lên kinh tế trang trại là một quá trình có mối quan hệ theo quy luật của phép biện chứng duy vật là từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất.

Về mặt thực tiễn.

Thực tiễn cho thấy, trong nền kinh tế thị trường, các loại nông hộ có những điều kiện, trình độ và phương pháp sản xuất, dịch vụ khác nhau dẫn đến có sự chênh lệch thu nhập, có người giàu, người nghèo và tất yếu có người đi thuê mướn lao động, và có người đi làm thuê, mối quan hệ đó không ngừng lặp lại.



Từ 2 mặt lý luận và thực tiễn cho thấy: nếu nhập kinh tế nông hộ vào kinh tế trang trại hoặc ngược lại thì không những sai về mặt lý luận mà còn không phản ánh đúng sự phát triển các hình thức kinh tế của 2 loại hình kinh tế trên. Sai lầm đó sẽ có tác hại rất lớn trong việc đề ra các chủ trương, chính sách và thực hiện những chủ trương, chính sách kinh tế-xã hội...Do đó không nên đồng nhất 2 loại hình kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại làm một.

Kinh tế trang trại khác với kinh tế nông hộ ở mức độ tích tụ tập trung các yếu tố sản xuất, nhất là tích tụ tập trung vốn gắn với kỹ thuật và công nghệ cao hơn, tốt hơn, để có quy mô sản xuất lớn hơn, với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn.

Về mặt giá trị, sản phẩm hàng hóa từ kinh tế trang trại tạo ra lớn gấp nhiều lần so với kinh tế hộ gia đình. Tính đến năm 2003, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ của kinh tế trang trại làm ra là 7.047 tỷ đồng(bình quân một trang trại tạo ra giá trị sản xuất hàng hóa là 98 triệu đồng, tăng từ 6 đến 8 lần so với bình quân một hộ nông nghiệp). Kinh tế trang trại đã tỏ rõ sự vượt trội về nhiều mặt so với kinh tế hộ gia đình.

Một số tiêu thức cơ bản phân biệt sự khác nhau giữa kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình nông dân.

Số TT	Tiêu thức	Kinh tế hộ gia đình nông dân	Kinh tế trang trại
1	Mục đích sản xuất	Chủ yếu để tiêu dùng	Chủ yếu để bán
2	Quy mô sản xuất	Nhỏ	Lớn
3	Trình độ sản xuất	Thấp	Cao

4	Mức độ quan hệ với thị trường	Ít	Nhiều
5	Khả năng tích lũy tái sản xuất	Ít	Nhiều
6	Đặc trưng cơ bản	Sản xuất tự túc theo nhu cầu của gia đình	SX hàng hóa theo nhu cầu thị trường

I.5. Vai trò, vị trí của kinh tế trang trại trong phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam.

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, chúng ta phải đầu tư công sức, vốn, trí tuệ, thị trường cho phát triển nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp. Trong quá trình đó chúng ta phải khuyến khích việc tích tụ ruộng đất, tích tụ vốn để hình thành các hộ gia đình làm ăn giỏi, hình thành các trang trại để tạo ra tỷ suất hàng hóa lớn.

Ở nước ta, kinh tế trang trại mặc dù mới phát triển trong những năm gần đây, song lại có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội và môi trường nói chung, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng.

Vai trò của kinh tế trang trại được thể hiện ở một số mặt sau:

Các trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao, khắc phục dần tình trạng sản xuất phân tán, manh mún, tạo nên những vùng chuyên môn hóa, tập trung hàng hóa và thâm canh cao. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất ở nông thôn.

Phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn; làm tăng số hộ giàu trong nông thôn, tạo thêm việc làm và tăng thêm thu nhập cho lao động; thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng trong nông thôn, đổi mới bộ mặt xã hội nông thôn nước ta; góp phần to lớn trong việc khai thác một cách tốt nhất những tiềm năng thế mạnh về đất đai, lao động, vốn, kỹ thuật vào quá trình phát triển kinh tế xã hội. Biểu hiện cụ thể là:

- Về sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai.

Việc hình thành và phát triển của các trang trại chủ yếu là dựa vào đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chủ trương phủ xanh đất trống, đồi trọc của Nhà nước bằng vốn của các chương trình 327, 120, và dựa vào 2 nguồn cơ bản khác nữa là đất đai hoang hoá và nguồn lao động dồi dào.

Theo số liệu điều tra năm 2003 của 45 tỉnh, thành phố, các trang trại đã sử dụng 407.702 ha đất và mặt nước. Diện tích đất bình quân của một trang trại trong cả nước là 5,6 ha. Điều này cho thấy, cùng với việc hình thành và phát triển các trang trại, tài nguyên đất đã dần dần được đưa vào sử dụng hợp lý, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang hoá, đất trống đồi trọc bị bỏ quên lãng phí, thay vào đó là những diện tích rừng được khoanh nuôi, bảo vệ, chăm sóc, trồng mới...; là diện tích các loại cây hoa màu, cây công nghiệp được phát

triển...Điều này có thể khẳng định kinh tế trang trại đã góp phần to lớn trong việc khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai.

- Về khai thác vốn trong dân.

Về cơ cấu vốn, chủ yếu là vốn tự có của các chủ trang trại, chiếm khoảng 70%, phần còn lại là vay ngân hàng và vay mượn của người thân. Trong đó, phần vốn vay của ngân hàng chiếm một tỷ lệ rất khiêm tốn. Điều này cho thấy phát triển kinh tế trang trại đã khai thác được nguồn vốn trong nhân dân để phát triển kinh tế-xã hội, không để đồng tiền nằm yên, ứ đọng.

- Về giải quyết lao động xã hội.

Hầu hết các trang trại đều lấy lao động gia đình làm nòng cốt, bên cạnh đó, ít nhiều cũng có thuê mướn lao động thường xuyên hoặc theo thời vụ. Điều này rất có ý nghĩa trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm, một trong những vấn đề bức xúc của nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay.

Những cơ sở sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp mang đặc trưng cơ bản của sản xuất hàng hoá, đã khơi dậy sức mạnh sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm làm giàu bằng chính sức lao động, vốn kiến thức của mình. Kinh tế trang trại phát triển đã tạo ra nhiều hộ nông dân, gia đình khá giả và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, thu nhập và đời sống nông dân dần tăng lên.

Trong quan hệ làm ăn, các trang trại đã thu hút và điều tiết lao động nông nghiệp trong vùng, giải quyết công ăn việc làm, góp phần làm giảm sức ép dân số cho các vùng đô thị, tạo thu nhập cho nhiều hộ nông dân nghèo, góp phần đáng kể xoá đói giảm nghèo...Điều đó cho thấy kinh tế trang trại đã có vai trò tích cực trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và dần từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

Kinh tế trang trại đã góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế ngành và cơ cấu kinh tế vùng.

Trong nội bộ ngành nông nghiệp, cơ cấu cây trồng đã có sự thay đổi lớn, trong những năm trước đây trồng cây lương thực là chủ yếu, nay chuyển sang trồng cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả xuất khẩu có giá trị cao; từ trồng trọt là chủ yếu đã từng bước thay đổi tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản lượng ngành nông nghiệp và tỷ trọng này ngày một tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Sản xuất kiểu kinh tế trang trại còn góp phần phá bỏ thể độc canh và sản xuất tự cung tự cấp, kích thích nền kinh tế hàng hóa phát triển, tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Kinh tế trang trại phát triển còn là động lực thúc đẩy cho việc hình thành và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã theo tinh thần chỉ thị 68/BCT của Bộ Chính trị. Bởi vì muốn kinh tế trang trại phát triển thì hàng loạt các vấn đề về vốn, lao động, khoa học công nghệ, cơ sở vật chất, kỹ thuật và đặc biệt là thị trường tiêu thụ sản phẩm...đòi hỏi phải đáp ứng đầy đủ, đồng bộ và ổn định. Những vấn đề này nếu để riêng lẻ từng chủ trang trại tự lo thì không thể giải

quyết tốt được, tất yếu phải có một tổ chức và các hình thức hợp tác giữa các trang trại và giữa các trang trại với các thành phần kinh tế khác để có thể mạnh đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn, mô hình kinh tế trang trại đã làm thay đổi cách quản lý theo kiểu tinh gọn, tổ chức các hình thức hợp tác liên kết trong hộ tộc, thay đổi một số tập quán canh tác lạc hậu, kém hiệu quả. Bởi vì hầu hết các trang trại, người chủ là người trực tiếp quản lý và là người trực tiếp lao động, vạch ra kế hoạch sản xuất kinh doanh cho trang trại. Bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ của hộ tộc, bạn bè...trên cơ sở các bên cùng có lợi. Với cách quản lý này, các chủ trang trại đã góp phần đáng kể vào việc giảm chi phí nhân công và tạo nên sự chặt chẽ về thời gian và tài chính.

Nhìn từ góc độ khác, sự phát triển với quy mô ngày càng tăng của kinh tế trang trại sẽ là những điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nông-lâm-ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Về mặt môi trường, do sản xuất kinh doanh tự chủ và vì lợi ích thiết thực lâu dài của mình mà các chủ trang trại luôn có ý thức khai thác hợp lý và quan tâm bảo vệ các yếu tố môi trường, trước hết là trong phạm vi sinh thái của trang trại và sau nữa là phạm vi từng vùng.

Các trang trại ở trung du và miền núi đã góp phần quan trọng vào việc trồng rừng và bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc...không những cho thấy đã góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên đất mà còn góp phần tích cực vào việc cải tạo và bảo vệ môi trường sinh thái trên các vùng.

Nhìn chung, kinh tế trang trại tuy mới xuất hiện và còn là một lực lượng sản xuất nhỏ bé nhưng đã góp phần đáng kể vào phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng lao động, đất đai, tiền vốn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Việc hình thành các trang trại đã và sẽ đem lại những lợi ích sau đây:

- + Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, tích tụ vốn.
- + Nâng cao trình độ thâm canh.
- + Tạo điều kiện để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- + Sử dụng nhân công có hiệu quả hơn.
- + Thu hút vốn nhân rời trong các hộ gia đình và các kênh khác để mở rộng sản xuất làm giàu cho mỗi gia đình và đất nước.
- + Tạo điều kiện để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.
- + Góp phần tạo ra sự phát triển bền vững cho nền kinh tế.

Bước đầu kinh tế trang trại đã có tác dụng tích cực khá rõ nét như sau:

Một là, góp phần đáng kể vào việc phát huy nội lực qua khai thác một bộ

phận tiềm năng về đất đai, lao động và vốn trong dân để đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa với khối lượng và giá trị tương đối lớn cho thị trường nội địa và xuất khẩu, đặc biệt là các vùng chuyên canh cây công nghiệp, hoa quả, hải sản...; tận dụng các đồi, bãi hoang hóa, đầm hồ...

Hai là, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn theo hướng tập trung chuyên canh, sản xuất hàng hóa; làm tiền đề cho phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; đưa công nghiệp và các hoạt động dịch vụ vào nông thôn; thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm có giá trị cao hơn. Sự chuyển dịch đó cũng góp phần cải thiện môi trường sinh thái, phủ xanh đất trống đồi trọc, hạn chế nạn phá rừng, thúc đẩy việc lấn biển, mở mang diện tích canh tác.

Ba là, tạo thêm việc làm cho số lao động dư thừa ở nông thôn; qua đó xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống văn hóa ở những vùng hẻo lánh; dân trí và ý thức dân chủ được nâng lên, tiếp cận dần với lối sống công nghiệp; giảm khoảng cách giữa thành thị với nông thôn, giữa miền xuôi với vùng cao. Từ đó hình thành các khu dân cư mới, đô thị mới.

Bốn là, do phải cạnh tranh trên thị trường, nhiều trang trại có yêu cầu hợp tác, liên doanh với nhau và với các đơn vị thuộc kinh tế nhà nước, cùng nhau giải quyết các nhu cầu về cơ sở hạ tầng chung và phúc lợi xã hội (như cầu đường, thủy lợi, điện, y tế, giáo dục...) nhu cầu đó thúc đẩy sự hình thành các HTX kiểu mới...

Ngoài ra kinh tế trang trại còn tận dụng thời gian nhàn rỗi trong nông nghiệp, tạo dựng vốn, xóa bỏ tư duy an phận và đói nghèo, phát triển tư duy năng động, thích ứng với nền kinh tế thị trường...

Kinh tế trang trại đã có bước phát triển mạnh mẽ và mang lại hiệu quả thiết thực cho nông dân, nông nghiệp và nông thôn:

- Góp phần khai thác diện tích mặt nước, đất hoang hóa, đất ven sông, ven biển... đưa vào sản xuất nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai; tạo ra những vùng sản xuất tập trung với khối lượng hàng hóa lớn, thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ, tạo điều kiện cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển; cải thiện môi trường sinh thái. Báo cáo của Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 06-5-2004, năm 2002, các trang trại đã sử dụng 369.600 ha đất mặt nước, trong đó đất trồng cây hàng năm chiếm 37,3%, trồng cây lâu năm chiếm 26%, đất lâm nghiệp chiếm 18,7%, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản chiếm 18%. Diện tích đất sử dụng bình quân là 6,08 ha /TT.

Với kết quả đầu tư cải tạo đất, lựa chọn mô hình sản xuất, kinh doanh hợp lý theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh tế trang trại đã khai thác hiệu quả tiềm năng đất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đa dạng, thúc đẩy công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển. Năm 2003, giá trị sản lượng bình quân/ha canh tác của trang trại đạt từ 30-35 triệu đồng, trong khi giá trị sản lượng nông nghiệp bình quân/ha canh tác của cả nước đạt 17 triệu đồng; thậm chí có trang trại nuôi trồng thủy sản hoặc cây đặc sản đạt giá trị sản lượng trên 100 triệu

đồng/ha canh tác. Kết quả đã mở ra khả năng và hướng đầu tư phát triển kinh tế trang trại. Nhiều trang trại đã ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; sản phẩm hàng hoá và thu nhập của các trang trại ngày một nâng cao.

- Kinh tế trang trại đã góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; đã định hướng cho nông dân dần từ bỏ sản xuất tự cấp, tự túc, vươn tới sản xuất hàng hoá quy mô lớn gắn với thị trường; đồng thời, tạo ra nhu cầu đẩy nhanh tiến trình hợp tác kinh tế trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Nhiều trang trại đã chú trọng áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như kỹ thuật nuôi con giống thủy sản, kỹ thuật nuôi heo hướng nạc, gà công nghiệp; kỹ thuật trong ngành trồng trọt và biết lựa chọn bố trí cây trồng, vật nuôi hợp lý đạt hiệu quả kinh tế cao. Một số trang trại có vốn lớn mua sắm trang thiết bị từng bước thực hiện cơ giới hoá quá trình sản xuất như: trang bị ô tô, máy kéo, máy bơm, xây dựng chuồng trại, bể nuôi, ươm và các trang thiết bị tiên tiến khác.

- Kinh tế trang trại phát triển đã thu hút một khối lượng lớn tiền vốn trong dân vào sản xuất nông nghiệp; tạo thêm việc làm, góp phần xoá đói, giảm nghèo ở nông thôn; tạo xu hướng hợp tác và phát triển mới trong sản xuất, kinh doanh. Việc thu hút, giải quyết việc làm của các trang trại đã làm giảm bớt áp lực do thiếu việc làm, góp phần cải thiện đời sống cho nhiều hộ nông dân. Phát triển kinh tế trang trại đã mở ra hướng làm ăn mới được đông đảo hộ gia đình nông dân tích cực tham gia, hình thành đội ngũ nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm.

II. CÁC QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN RA ĐỜI CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI.

II.1. Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho kinh tế trang trại Việt Nam ra đời.

Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo môi trường cho kinh tế trang trại phát triển. Trên phạm vi cả nước, từ đầu thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang thực hiện những chủ trương, chính sách, biện pháp nhất quán theo hướng tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển, đó cũng là những chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế trang trại ra đời và phát triển.

Ngày 13-01-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị 100 CT-TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, đã từng bước khôi phục lại quyền tự chủ đối với sản xuất cho hộ gia đình. Chỉ thị 100 chủ trương khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động: " Tổ chức tốt việc giao diện tích ruộng đất cho đội sản xuất, cho nhóm và người lao động sử dụng để thực hiện sản lượng khoán, tránh để đồng ruộng bị chia cắt manh mún, gây trở ngại cho việc sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất". Điều

đó có ý nghĩa rất quyết định trong việc xác định quyền tự chủ về sức lao động của nhóm và hộ nông dân.

Ngày 14-12-1983, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết 154 HĐBT về việc hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Ngày 18-01-1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 35-CT/TW khuyến khích và hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình.

Ngày 26-11-1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết 146-HĐBT về việc phát triển kinh tế gia đình, khẳng định vị trí quan trọng của kinh tế gia đình trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đặc biệt ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10/NQ-TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đã xác định rõ: " Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế cá thể, tư nhân trong quá trình đi lên CNXH; thừa nhận tư cách pháp nhân, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, bảo hộ quyền làm ăn chính đáng và thu nhập hợp pháp của các hộ cá thể, tư nhân và quyền thừa kế sử dụng doanh nghiệp của con cái họ; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các thành phần này phát triển trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản, chế biến nông, lâm, thủy sản, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp và mở mang ngành nghề ở nông thôn. Mọi hành vi xâm phạm các quyền nói trên đều phải xử lý theo pháp luật; các định kiến hẹp hòi đối với kinh tế cá thể, tư nhân phải được xóa bỏ".

Ngày 20-4-1988, Hội đồng Bộ trưởng đã ra chỉ thị số 67-HĐBT về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Theo tinh thần của Nghị quyết này, người nông dân được hưởng trên dưới 40% sản lượng nhận khoán; do vậy đã khuyến khích nông dân đầu tư thêm lao động, tiền vốn để phát triển sản xuất. Đây là khâu đột phá thúc đẩy sản xuất phát triển, kinh tế trang trại thật sự được khởi động.

Sau Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, ngày 10-11-1988, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 06-NQ/TW về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn đã chỉ rõ "Ở nông thôn hiện nay đang phát triển mô hình kinh tế trang trại nông nghiệp, phổ biến là các trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, sử dụng lao động, tiền vốn của gia đình là chủ yếu để sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Một bộ phận trang trại ngoài lao động của gia đình, có thuê thêm lao động để sản xuất, kinh doanh, quy mô diện tích đất canh tác xoay quanh mức hạn điền ở từng vùng theo quy định của pháp luật. Nhà nước có chính sách khuyến khích phát triển hình thức trang trại gia đình như các loại hình sản xuất khác của kinh tế hộ gia đình. Đặc biệt khuyến khích các hộ nông dân, các trang trại gia đình và các thành phần kinh tế khác liên kết với nhau, hình thành các tổ chức, các hình thức kinh tế hợp tác để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thu hút và hỗ trợ các hộ gia đình còn khó khăn".

Ngày 14-11-1988, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết số 170-HĐBT ban

hành bản Quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, xí nghiệp tư doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp mà nội dung chủ yếu là Nhà nước công nhận, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi và bảo hộ các quyền của các hộ kinh tế cá thể.

Những chủ trương quan trọng trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VII tháng 6/1993 tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nông thôn, trong đó vấn đề sử dụng đất đai cũng đã nhấn mạnh một cách rõ hơn về việc khuyến khích phát triển khu vực kinh tế trang trại: “Khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư khai thác đồi núi trọc, bãi bồi ven biển, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt ngoài khơi. Khuyến khích các nhà kinh doanh từ thành phố, thị xã về nông thôn sản xuất kinh doanh nông nghiệp”.

Ngày 14-7-1993, Quốc hội thông qua Luật đất đai, Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau Luật đất đai 1993, ngày 27-9-1993 Chính phủ ra Nghị định số 64-CP ban hành bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ngày 15-01-1994 Chính phủ ra Nghị định số 02-CP ban hành bản Quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Nghị quyết lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa VIII (22-12-1997) xác định: “Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (Nhà nước, tập thể, tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất; khuyến khích việc khai phá đất hoang vào mục đích này”

Ngày 13-5-1998, Chính phủ ra Nghị định số 30/1998/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó quy định những hộ làm kinh tế trang trại đã sản xuất kinh doanh ổn định, có giá trị hàng hóa và lãi lớn được giảm thấp nhất mức thuế suất, nhằm khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

Nghị quyết Trung ương sáu (lần 1) khóa VIII tháng 10/1998 chỉ rõ: “khuyến khích mọi thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư thuê đất theo dự án sản xuất kinh doanh để khai thác, sử dụng đất vào mục đích phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với nhiều hình thức (vườn đồi, vườn rừng...) trong đó có hình thức kinh tế trang trại theo quy định của pháp luật.”. “Sớm kết luận hình thức kinh tế trang trại ở các vùng, các địa bàn khác nhau nhằm phát huy hiệu quả sản xuất”.

Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương sáu (lần 1) đồng chí Tổng bí thư Lê Khả Phiêu khẳng định “Đổi mới chính sách và tháo gỡ các ách tắc để thực sự giải phóng sức sản xuất ở nông thôn và thu hút các nguồn lực để phát triển toàn diện, bền vững; khuyến khích thật mạnh việc khai thác, đưa vào sử dụng đất trống, đồi núi trọc và đất còn hoang hóa; đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất; tăng sức mua, và phát triển ổn định thị trường nông thôn.”

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 10, kỳ họp lần thứ 4 ngày 02-12-1998 lần đầu tiên thông qua Nghị quyết xác định “ khuyến khích phát triển hình thức trang trại gia đình, hình thức trang trại quy mô lớn

để khai thác có hiệu quả đất trồng, đồi núi trọc, đất hoang hóa".

Ngày 29-6-1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/1999/NĐ-CP cho phép các trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh trong một số lĩnh vực được phép vay vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển của nhà nước.

Ngày 28-8-1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 85/1999/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài và ngày 16-11-1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 163/1999/NĐ-CP về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Đặc biệt ngày 02-02-2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết 03/2000/NQ-CP về kinh tế trang trại. Đây thực sự là một luồng không khí mới, một vị trí mới cho kinh tế trang trại phát triển.

Ngày 15-6-2000, Chính phủ có Nghị quyết 09 về một số chủ trương và chính sách chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng, tạo điều kiện cho các hình thức kinh tế mới ở nông phát triển, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội và ổn định đời sống nhân dân.

Tất cả những văn bản của Đảng và Nhà nước đã tạo ra một môi trường xã hội thuận lợi cho việc phát triển kinh tế hộ gia đình và phát triển thành một đơn vị sản xuất cơ sở và độc lập.

Bằng các chủ trương và biện pháp thích hợp, chúng ta đã đổi mới về sở hữu và sử dụng các yếu tố đầu vào của sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, thừa nhận và khuyến khích phát triển kinh tế cá thể và tư nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn với những chủ trương và biện pháp mạnh mẽ đã làm thay đổi về sở hữu và sử dụng các nguồn lực đầu vào cho sản xuất, kinh tế trang trại đã ra đời và không ngừng phát triển. Mặc dù còn nhiều vướng mắc trên con đường phát triển, cần phải tháo gỡ, nhưng về cơ bản đến nay kinh tế trang trại đã ra đời và phát triển khá nhanh và thuận lợi.

II.2. Chủ trương và chính sách phát triển kinh tế trang trại của Nhà nước ta.

II.2.1. Về chủ trương.

Trong Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02-02-2000 xác định:

- Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản.

- Phát triển kinh tế trang trại nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý góp phần phát triển nông nghiệp bền vững; tạo việc làm, tăng thu nhập; khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói giảm nghèo;

phân bổ lại lao động, dân cư, xây dựng nông thôn mới.

- Quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất hình thành các trang trại gắn liền với quá trình phân công lại lao động ở nông thôn, từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang làm các ngành phi nông nghiệp, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong nông nghiệp và nông thôn.

II.2.2. Một số chính sách cơ bản của Nhà nước đối với kinh tế trang trại

II.2.2.1. Một số chính sách cơ bản lâu dài

- Nhà nước khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại. Các hộ gia đình, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế trang trại được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài theo pháp luật để sản xuất kinh doanh.

- Nhà nước đặc biệt khuyến khích việc đầu tư khai thác và sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc ở trung du, miền núi, biên giới, hải đảo, tận dụng khai thác các loại đất còn hoang hóa, ao hồ, đầm, bãi bồi ven sông, ven biển, mặt nước eo vịnh, đầm phá để sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng chuyên canh với tỷ suất hàng hóa cao. Đối với vùng đất hẹp, người đông khuyến khích phát triển kinh tế trang trại sử dụng ít đất, nhiều lao động, thâm canh cao gắn với chế biến và thương mại, dịch vụ, làm ra nông sản có giá trị kinh tế lớn. Ưu tiên giao đất, cho thuê đất đối với những hộ nông dân có vốn, kinh nghiệm sản xuất, quản lý, có yêu cầu mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hàng hóa và những hộ không có đất sản xuất nông nghiệp mà có nguyện vọng tạo dựng cơ nghiệp lâu dài trong nông nghiệp.

- Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát huy kinh tế tự chủ của hộ nông dân, phát triển kinh tế trang trại đi đôi với chuyển đổi hợp tác xã cũ, mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất-kinh doanh giữa các hộ nông dân, các trang trại, các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác để tạo động lực và sức mạnh tổng hợp cho nông nghiệp, nông thôn phát triển.

- Nhà nước hỗ trợ về vốn, khoa học-công nghệ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho các trang trại phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước để các trang trại phát triển lành mạnh, có hiệu quả.

II.2.2.2. Một số chính sách cụ thể về phát triển kinh tế trang trại

II.2.2.2.1. Chính sách đất đai.

Chính phủ đã, đang và sẽ tiếp tục ban hành các chính sách về đất đai nhằm giải quyết quan hệ sở hữu, sử dụng ruộng đất hợp lý, đúng pháp luật, phát huy quyền tự chủ của người nông dân.

Luật đất đai, Nghị định 64/CP (1993), Nghị định 02/CP (1994), Nghị quyết 04-NQ/HNTW (1997), Nghị định số 85/1999/NĐ-CP, Nghị định số 163/1999/NĐ-CP, đặc biệt Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 2/2/2000 của Chính phủ về kinh

tế trang trại, với việc giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, đồng thời khuyến khích việc khai phá đất hoang hóa vào mục đích phát triển kinh tế trang trại. Và gần đây nhất là Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, tất cả đều tạo điều kiện cho các hộ nông dân an tâm sản xuất lâu dài trên đất được giao

II.2.2.2.2. Chính sách thuế.

Chính phủ ban hành Nghị định số 30/1998/NĐ-CP giảm thấp nhất mức thuế suất, nhằm khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

Các trang trại được miễn giảm tiền thuê đất khi thuê đất trồng, đồi núi trọc, đất hoang hóa để trồng rừng sản xuất, trồng cây lâu năm và khi thuê diện tích ở các vùng nước tự nhiên chưa có đầu tư cải tạo vào mục đích sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

II.2.2.2.3. Chính sách đầu tư và tín dụng.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, thông tin, cơ sở chế biến để khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân phát triển kinh tế trang trại sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Nghị định 43/1999/NĐ-CP tạo điều kiện cho trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực quy định được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước.

Quyết định 67/1999/QĐ-TTg, Nghị định 178/1999/NĐ-CP quy định trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh được vay vốn tín dụng thương mại của các ngân hàng thương mại quốc doanh.

Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 cũng đã chỉ rõ "Nhà nước hỗ trợ về vốn, khoa học-công nghệ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho các trang trại phát triển bền vững".

II.2.2.2.4. Chính sách lao động.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ để các chủ trang trại mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh...Nhà nước có kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho lao động làm trong trang trại bằng nhiều hình thức tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

II.2.2.2.5. Chính sách thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

Chính sách thị trường và tiêu thụ sản phẩm là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển kinh tế trang trại. Vì vậy Nhà nước đã ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện cho trang trại ra đời và phát triển đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế như:

Quy hoạch, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở chế biến nông sản.

Mở rộng lưu thông hàng hóa, khuyến khích tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

Tạo đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, bảo hiểm, bảo hộ xuất khẩu, hỗ trợ giá...nhằm giúp nông dân yên tâm sản xuất.

II.2.2.2.6. Chính sách khoa học-công nghệ và khuyến nông.

Nhu cầu áp dụng khoa học-công nghệ vào quá trình sản xuất ở các trang trại đang là vấn đề hết sức bức thiết. Do vậy, Nhà nước sử dụng các trang trại như là một đầu mối để chuyển giao khoa học-công nghệ và thực hiện công tác khuyến nông.

Khuyến khích các chủ trang trại ủng hộ quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, đào tạo, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật áp dụng vào trang trại và làm dịch vụ kỹ thuật cho nông dân trong vùng.

CHƯƠNG II.

THỰC TRẠNG KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA.

I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA.

I.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên tỉnh Khánh Hòa.

Khánh Hòa là tỉnh ở cực nam Duyên Hải miền Trung, phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên, Tây giáp tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, Nam giáp tỉnh Ninh Thuận, Đông giáp biển Đông. Khánh Hòa nằm trên trục giao thông quan trọng quốc lộ 1A có chiều dài là 160 km và tuyến đường sắt xuyên Việt nối các tỉnh từ Bắc vào Nam; quốc lộ 26 nối Khánh Hòa với các tỉnh Tây Nguyên. Tỉnh có 2 cảng biển chính: Nha Trang và Cam Ranh là cảng nước sâu, tàu có trọng tải lớn ra vào dễ dàng, đặc biệt là cảng Cam Ranh-một trong ba cảng biển có điều kiện tự nhiên nổi tiếng trên thế giới. Vịnh Vân Phong với diện tích mặt nước rộng 43.500 héc ta, trong đó bán đảo Hòn Gôm và Hòn Lớn rộng 13.000 héc ta, có độ dài tuyến nước sâu gấp 3 lần cảng Cam Ranh, tạo điều kiện để xây dựng cảng trung chuyển công-ten-nơ quốc tế. Khánh Hòa còn có đường hàng không nằm trong hành lang bay nội địa Bắc-Nam. Diện tích tự nhiên của Khánh Hòa, gồm đất liền và hơn 200 đảo, quần đảo là 5.197 Km², trong đó diện tích đất liền 4.626 km².

Bờ biển Khánh Hòa kéo dài từ mũi đại lãnh tới cuối vịnh Cam Ranh, có độ dài khoảng 385 km (tính theo mép nước) với nhiều cửa lạch, đầm vịnh, với hàng trăm đảo lớn nhỏ và vùng biển rộng lớn (1.000 km² đầm, vịnh, phá; 1.658 km² đất ngập mặn; 10.000 km² thềm lục địa).

Sông ngòi ở Khánh Hòa không lớn, nhưng mật độ sông, suối khá dày. Toàn tỉnh có khoảng trên 40 con sông, suối, trong đó có hai sông chính là sông cái Nha Trang dài 79 km và sông cái Ninh Hòa dài 49 km.

Nằm trong khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Khánh Hòa chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng khô ráo và ôn hòa, quanh năm nắng ấm, thường chỉ có hai mùa rõ rệt: mùa khô kéo dài 8-9 tháng, mùa mưa ngắn chỉ khoảng 3-4 tháng, nhiệt độ trung bình năm thường trên dưới 26⁰C. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng từ 1.200-1.800mm.

I.2. Những ưu thế và hạn chế về điều kiện tự nhiên :

Năm 2004, Khánh Hoà có số dân 1.111.349 người, trong đó có 670.809 người sống ở nông thôn, chiếm 60,4%. Diện tích tự nhiên 5.197 km² với 8 huyện, thị, thành phố. Khánh Hoà có vị trí hết sức thuận lợi trong việc tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường và giao lưu kinh tế. Công nghiệp chế biến của tỉnh đang ở tốp các tỉnh dẫn đầu về qui mô và tốc độ tăng trưởng công nghiệp các tỉnh miền Trung, Tây nguyên. Có các xí nghiệp chế biến thủy sản, chế biến nông sản như hạt điều, mía cây ... là những yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế trang trại trong tỉnh.

Với chiều dài bờ biển 385 km, có nhiều ruộng ngập mặn và nguồn nước lợ phong phú là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình trang trại nuôi trồng thủy sản. Ngoài ưu thế giáp biển, các huyện, thị có diện tích tự nhiên lớn như Ninh

Hoà, Cam Ranh và các huyện miền núi Khánh Vĩnh, Khánh Sơn có điều kiện để phát triển các loại hình trang trại trồng cây hàng năm, cây lâu năm và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Tuy nhiên, địa hình Khánh Hoà cũng tương đối phức tạp: phía Tây là núi, phía Đông là biển, hơn 70% diện tích của tỉnh là đồi núi có độ dốc lớn đã bao quanh chia cắt các vùng đồng bằng nhỏ hẹp ven biển gây không ít khó khăn cho việc hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung với qui mô lớn và thủy lợi phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

Địa hình Khánh Hòa được chia làm hai khu vực lớn: vùng núi bán sơn địa và vùng đồng bằng, hẹp và thon ở hai đầu, có nơi chỉ rộng từ 10-15 km, nơi rộng nhất ở gần trung tâm tỉnh trên 60 km, đất nông nghiệp có điều kiện thuận lợi cho sản xuất các loại cây lương thực, cây công nghiệp và cây ăn trái có giá trị. Có bờ biển dài với nhiều cửa lạch, đầm vịnh, với hàng trăm đảo lớn, nhỏ và vùng biển rộng lớn, có điều kiện phát triển nuôi trồng thủy sản.

Đất nông nghiệp của Khánh Hòa chỉ có 11,6%, đồng bằng vừa hẹp lại vừa dốc chạy dọc theo biển, lượng mưa tương đối thấp, trung bình 1.200-1800 mm/năm, mùa khô kéo dài, tỷ lệ bốc hơi cao, đó là những đặc điểm ảnh hưởng không ít đến sản xuất nông, lâm nghiệp.

Hệ thống sông ngòi ở Khánh Hòa không lớn nhưng mật độ sông suối khá dày. Trên các sông suối, mực nước giữa mùa mưa và mùa khô, giữa mặt nước và mặt đất sản xuất chênh lệch cao và thường khô cạn vào mùa khô, nên việc chủ động nguồn nước, nhất là nước tưới cho sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

1.3. Đặc điểm nông nghiệp nông thôn Khánh Hòa.

Khánh Hòa là tỉnh có khoảng 60,4% dân số sống ở nông thôn với 104 xã, 5 thị trấn (còn lại 28 phường).

Năm 2004, trong cơ cấu GDP của tỉnh, nông, lâm nghiệp-thủy sản chiếm tỷ trọng là 19,43%, công nghiệp-xây dựng 40,97%, dịch vụ-du lịch 39,60%. Giá trị sản xuất: nông, lâm nghiệp-thủy sản đạt 2.264 tỷ đồng (công nghiệp, xây dựng đạt 4.775 tỷ, dịch vụ đạt 4.615 tỷ).

Điều kiện tự nhiên tỉnh Khánh Hòa có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất nông nghiệp: lương thực, thực phẩm và nuôi trồng thủy sản.

Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ở Khánh Hòa không tách khỏi đặc điểm của sản xuất nông nghiệp nói chung, đó là tính mùa vụ rất cao, chịu ảnh hưởng rất lớn của thời tiết khí hậu; thị trường tiêu thụ chưa rộng mở, giá nông sản ở Việt Nam lên xuống thất thường, nhiều khi sản xuất ra không có người mua, không gian của nó rộng lớn, không thể chia cắt, cho nên hệ thống phục vụ sản xuất nông nghiệp như thủy lợi, thủy nông...các hộ nông dân phải sử dụng chung.

Sản xuất nông nghiệp ở Khánh Hòa cơ bản vẫn mang tính thủ công, lạc hậu, người nông dân Khánh Hòa còn phải đối mặt với các vấn đề nan giải như thiếu vốn sản xuất, thiếu kỹ thuật thích hợp, thiếu tư liệu sản xuất, thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm, thiếu kiến thức kỹ năng sản xuất, quản lý và tổ chức đời sống...

I.4. Lược sử sự hình thành và phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa.

I.4.1. Một số văn bản của UBND tỉnh.

Ngày 01/9/2000 UBND tỉnh ra Thông báo số 386 kết luận tại cuộc họp về phát triển kinh tế trang trại, trong đó khẳng định: kinh tế trang trại là mô hình kinh tế sản xuất hàng hóa phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông-lâm-thủy sản. Tỉnh ta có tiềm năng lớn, cần tập trung đầu tư để phát huy hiệu quả.

Ngày 07/11/2000 UBND tỉnh Ban hành Chỉ thị số 35 về việc giải quyết vốn vay để phát triển nuôi trồng thủy sản, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai, mặt nước, lao động kỹ thuật và điều kiện tự nhiên của tỉnh để phát triển nuôi trồng thủy sản, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng kim ngạch xuất khẩu.

Ngày 12/12/2000 UBND tỉnh Ban hành Quy định số 5628 về chính sách khuyến nông, khuyến lâm, trong đó ghi rõ:

1. Phổ biến những tiến bộ kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, công nghệ chế biến, bảo quản nông-lâm-thủy sản và giới thiệu những kinh nghiệm sản xuất kinh doanh giỏi.

2. Bồi dưỡng, phát triển kỹ năng sản xuất và kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân để sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng cung cấp cho nông dân về thị trường, giá cả nông sản để nông dân bố trí sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Ngày 27/4/2001 UBND tỉnh Ban hành Quyết định số 1515 Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chính sách khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình và các nhân nhận đất khoán rừng vào mục đích sản xuất lâm nghiệp và bảo vệ rừng. Thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước đối với đồng bào dân tộc các huyện miền núi và khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận đất khoán rừng vào mục đích sản xuất lâm nghiệp và bảo vệ rừng.

Đặc biệt ngày 26/02/2002 UBND tỉnh Ban hành Quyết định số 21 Về Chính sách phát triển kinh tế trang trại. Quyết định đã cụ thể hóa Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của chính phủ về kinh tế trang trại.

I.4.2. Quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại:

Cũng giống như một số tỉnh khác ở miền Trung, Khánh Hoà đã có quá trình hình thành mô hình kinh tế trang trại từ khá xa nhưng ban đầu nó được xuất hiện dưới hình thức điền trang, thái ấp từ thời Lê - Nguyễn đến các đồn điền thời Pháp thuộc, Mỹ - Ngụy.

Thực dân Pháp sử dụng giai cấp địa chủ phong kiến làm chỗ dựa cho chế độ thuộc địa cộng với chính sách bóc lột của bọn thực dân đã làm cho nhân dân lao động ngày càng phá sản, ruộng đất ngày càng tập trung vào tay địa chủ. Theo Yves Henry "L'conomie agricole de l'Indochine", Hà Nội, 1932 thì ở Trung kỳ (không tính ba tỉnh Tây nguyên) có 50 địa chủ lớn có trên 50 ha trở lên, chiếm 80.000 ha,

tức 10% diện tích trồng cây. Ngoài ra còn có 8.900 địa chủ nhỏ và vừa có từ 5 – 50 ha chiếm 120.000 ha, tức 19% diện tích trồng cây.

Đến thời Mỹ - Ngụy thì vấn đề tư hữu đã phát triển ở mức cao, đặc biệt là sau sắc luật 034/67 ngày 29 tháng 8 năm 1967 xác lập quyền sở hữu tư nhân trên đất định canh và luân canh, hiện tượng mua bán, nhượng, cầm cố đất đai diễn ra rất phổ biến đã làm cho đất đai ngày càng tập trung hơn vào tay một số địa chủ lớn, làm cho qui mô trang trại đồn điền thời kỳ này cũng phát triển rộng hơn. Đặc trưng chính của phương thức sản xuất ở các trang trại đồn điền này là bóc lột sức lao động, sản xuất hàng hoá chưa phát triển, tác động của công nghiệp vào nông nghiệp không đáng kể.

Hoà bình được lập lại, cùng với các chính sách cải cách nông nghiệp ở miền Nam, đến năm 1980 toàn tỉnh đã thành lập được 116 hợp tác xã, 79 tập đoàn sản xuất, thu hút 96% số hộ nông dân và 71% diện tích đất nông nghiệp vào hợp tác xã. Từ khi có Chỉ thị 100 CT/TW của Ban Bí thư trung ương ngày 13/1/1981 về thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã lôi cuốn mọi người hăng hái lao động sản xuất, sử dụng tốt đất đai và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng cường quan hệ sản xuất XHCN ở nông thôn. Đặc biệt, từ khi có Nghị quyết 10 ngày 05/4/1988 của Bộ chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp của tỉnh nói chung và kinh tế trang trại nói riêng có sự phát triển cả về lượng lẫn về chất. Người lao động đã được giao đất sản xuất theo lao động và nhân khẩu, những diện tích còn lại được đấu thầu theo khả năng của từng hộ. Sản xuất nông nghiệp thời kỳ này đã mang tính năng động hơn trước do nhân dân tự chủ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường đầu tư thâm canh.

Theo báo cáo của Cục Thống kê Khánh Hòa, tháng 8/2004 về tình hình trang trại, hợp tác xã tỉnh Khánh Hòa năm 2004, số trang trại tăng lên từng năm được thể hiện theo sơ đồ như sau:

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI CỦA KHÁNH HÒA.

Năm	Toàn tỉnh	thêm	Chia ra													
			Nha Trang		Cam Ranh		Vạn Ninh		Ninh Hòa		Diên Khánh		Khánh Vĩnh		Khánh Sơn	
			TT th/sản	TT nông lâm	TT th/sản	TT nông lâm	TT th/sản	TT nông lâm	TT th/sản	TT nông lâm	TT th/sản	TT nông lâm	TT th/sản	TT nông lâm	TT th/sản	TT nông lâm
Trước 1990	232		3		20	29	35	5	47	92						1
1991-1995	611	379	29	4	104	41	85	6	164	161		3		9		5
1996	756	145	34	5	109	42	125	6	223	187		3		16		6
1997	900	144	40	6	128	42	157	7	260	213		4		37		6

1998	1140	240	48	10	138	47	250	7	329	244	4	51	12
1999	1368	228	55	12	157	52	296	8	411	267	6	88	16
2000	1593	225	60	12	184	62	374	10	457	286	10	120	18
2001	1799	206	68	14	212	68	388	11	503	367	13	137	18
2002	1958	159	72	17	233	74	389	13	525	457	16	144	18
2003	1997	39	73	17	237	83	389	16	529	471	20	144	18
2004	2011	14	73	17	238	84	390	21	530	475	21	144	18
	2011		90		322		411		1.005		21	144	18

1.4.3. Thực trạng kinh tế trang trại ở Khánh Hòa hiện nay.

1.4.3.1. Các cuộc điều tra, khảo sát trang trại trên địa bàn tỉnh:

Tính đến nay đã có 5 cuộc điều tra, khảo sát về thực trạng kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà do các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh tổ chức gồm:

* Cuộc điều tra khảo sát về kinh tế trang trại ở tỉnh Khánh Hoà vào tháng 4/1999 do Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội tiến hành. Ở thời điểm điều tra, do chưa có thông tư số 69/2000/TTLB/BNN-TCTK của Liên Bộ NNPTNT và Tổng cục thống kê qui định tiêu chí thống nhất trong cả nước xác định trang trại nên Ban chủ nhiệm dự án kinh tế trang trại của Trường đã đặt ra tiêu thức riêng. Kết quả khảo sát cho biết, tính đến thời điểm 30/4/1999, toàn tỉnh Khánh Hoà có 3.095 trang trại, gồm:

- Trang trại trồng cây hàng năm có 2.500, chiếm 80,7% tổng số trang trại toàn tỉnh.
- Trang trại trồng cây công nghiệp lâu năm có 62, chiếm 2%.
- Trang trại trồng cây ăn quả lâu năm có 150, chiếm 4,9%.
- Trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm có 100, chiếm 3,2%
- Trang trại chăn nuôi trâu bò có 10, chiếm 0,3% .
- Trang trại lâm nghiệp có 5, chiếm 0,2%.
- Trang trại nuôi trồng thủy sản có 268, chiếm 8,7%.

* Cuộc điều tra khảo sát về kinh tế trang trại ở tỉnh Khánh Hoà lần thứ hai vào tháng 4/2000 do Sở nông nghiệp và PTNT Khánh Hoà tổ chức. Cuộc khảo sát tiến hành theo tiêu chí riêng của tỉnh do chưa có qui định thống nhất trong cả nước về tiêu chí trang trại: giá trị sản lượng hàng hóa nông, lâm, ngư nghiệp phải đạt từ 90 triệu đồng trở lên; thu nhập 40 triệu đồng/năm (tính theo tổng giá trị sản lượng trừ đi chi phí vật chất và tiền công thuê lao động); lao động thuê thường xuyên trong năm ít nhất là 2 người. Những trang trại trong thời kỳ xây dựng cơ bản không tính những tiêu thức giá trị sản lượng và thu nhập; quy mô sản xuất tối thiểu: diện tích cây hàng năm là 2 ha; cây lâu năm là 3 ha; trồng rừng là 10 ha; khoanh nuôi bảo vệ rừng là 30 ha; chăn nuôi bò thịt 50 con; bò sữa 15 con; dê, cừu 200 con; heo thịt 100 con; heo nái 15 con; gà, vịt 2000 con; chim cút 10.000 con;

nuôi tôm thịt 2 ha; nuôi tôm giống 10 triệu con/ năm; nuôi tôm lồng là 15 lồng.

Kết quả khảo sát cho biết, tính đến thời điểm 30/4/2000, toàn tỉnh Khánh Hoà có 76 trang trại, gồm:

- Trang trại trồng cây hàng năm có 15, chiếm 19,7% tổng số trang trại toàn tỉnh.
- Trang trại trồng cây công nghiệp lâu năm có 18, chiếm 23,7%.
- Trang trại trồng cây ăn quả lâu năm có 15, chiếm 19,7%.
- Trang trại chăn nuôi trâu bò có 3, chiếm 3,9% .
- Trang trại chăn nuôi lợn có 1, chiếm 1,3%
- Trang trại chăn nuôi gia cầm có 4, chiếm 5,3%
- Trang trại lâm nghiệp có 1, chiếm 1,3%.
- Trang trại nuôi trồng thủy sản có 19, chiếm 25%.

* Cuộc tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản thời điểm 01/10/2001 của Tổng cục thống kê tiến hành trên phạm vi cả nước, trong đó có điều tra trang trại đã cung cấp những số liệu cơ bản nhất về tình hình phát triển kinh tế trang trại của tỉnh từ trước đây đến thời điểm điều tra. Theo tiêu chí xác định trang trại được qui định tại thông tư số 69/2000/TTLB/BNN-TCTK của Liên Bộ NN-PTNT và Tổng cục thống kê, đến ngày 01/10/2001, toàn tỉnh có 849 trang trại, gồm:

- Trang trại trồng cây hàng năm có 286, chiếm 33,7% tổng số trang trại toàn tỉnh.
- Trang trại trồng cây lâu năm có 15, chiếm 1,8%.
- Trang trại chăn nuôi có 6, chiếm 0,7% .
- Trang trại nuôi trồng thủy sản có 541, chiếm 63,7%.
- Trang trại kinh doanh tổng hợp có 1, chiếm 0,1%.

* Tháng 7/2004, Cục thống kê Khánh Hòa tổ chức điều tra toàn bộ số lượng trang trại có đến thời điểm 01/7/2004 trên địa bàn toàn tỉnh. Trong cuộc điều tra này, tiêu chí để xác định trang trại được quy định lại tại thông tư số 74/TT/BNN ngày 04/7/2003 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Trong tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản năm 2001, một hộ sản xuất kinh doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản phải đạt cả hai tiêu chí về quy mô diện tích và giá trị sản lượng mới được công nhận là trang trại thì nay chỉ cần đạt một trong hai tiêu chí. Kết quả điều tra là số liệu đầy đủ, toàn diện nhất cho đến nay về thực trạng kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

Số lượng trang trại qua hai lần điều tra toàn bộ của ngành thống kê chia theo huyện, thị TP như sau:

	Tổng ĐTNNTS 01/10/2001 (Thông tư số 69/2000/TTLB/BNN-TCTK)		Điều tra 01/7/2004 (Thông tư số 74/TT/BNN)	
Tổng số trang trại	849	100%	2.011	100%
TP Nha Trang	29	3,41%	90	4,48%
TX Cam Ranh	205	24,14%	322	16,01%
H. Vạn Ninh	122	14,4%	411	20,43%
H. Ninh Hoà	480	56,54%	1.005	49,98%
H. Khánh Vĩnh	2	0,23%	144	7,16%
H. Diên Khánh	4	0,46%	21	1,04%
H. Khánh Sơn	7	0,82%	18	0,9%

Đến ngày 01/7/2004, theo báo cáo của Cục Thống kê toàn tỉnh có 2.011 trang trại, tăng 1.162 trang trại so tổng điều tra NTNNTS năm 2001; trong đó có 1.231 trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm 61,2% tổng số, 568 trang trại cây hàng năm chiếm 28,2%; 119 trang trại cây lâu năm chiếm 5,9%; 89 trang trại chăn nuôi chiếm 4,4% và 4 trang trại lâm nghiệp chiếm 0,2%.

Số trang trại từng loại năm 2004 theo Cục Thống kê tỉnh được biểu hiện theo sơ đồ sau:

Toàn tỉnh	2.011	100%
Trang trại nuôi trồng thủy sản	1231	61,2%
Trang trại cây hàng năm	568	28,2%
Trang trại cây lâu năm	119	5,9%
Trang trại chăn nuôi	89	4,4%
Trang trại lâm nghiệp	4	0,2%

Tất cả các huyện, thị, TP đều có số lượng trang trại tăng hơn năm 2001, nhiều nhất là huyện Ninh Hoà tăng 525 trang trại, Vạn Ninh tăng 289, Khánh Vĩnh tăng 142, Cam Ranh tăng 117. Huyện Ninh Hòa, nơi có nhiều điều kiện thuận lợi về đất đai, mặt nước để mở rộng sản xuất, có số trang trại lớn nhất với 1.005 trang trại, chiếm 50% tổng số trang trại toàn tỉnh; tiếp theo là các huyện Vạn Ninh 411 trang trại chiếm 20,4%, TX Cam Ranh 322 trang trại chiếm 16%; Khánh Vĩnh 144 trang trại chiếm 7,2%; TP Nha Trang 90 trang trại chiếm 4,5%; Diên Khánh 21 trang trại chiếm 1% và Khánh Sơn 18 trang trại chiếm 0,9% .

Trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số trang trại của tỉnh chiếm 61,2% tổng số gồm 938 trang trại nuôi tôm sú thịt và 293 trang trại sản xuất tôm giống; trang trại thủy sản phát triển mạnh ở huyện Ninh Hoà. Trang trại trồng cây hàng năm cũng tập trung chủ yếu ở huyện Ninh Hòa với ngành nghề sản

xuất chính là trồng mía. Trong năm 2003, cây mía được mùa, năng suất và trữ lượng đường cao, mía cây bán được giá nên nhiều hộ có lãi, mức độ đầu tư cao hơn. Trang trại trồng cây lâu năm như điều, xoài, hồ tiêu và cây ăn quả khác có rải rác ở các huyện Khánh Vĩnh, TX Cam Ranh, Ninh Hoà... Trang trại chăn nuôi có nhiều nhất ở TX Cam Ranh với 44 trang trại chiếm 49% tổng số. Các trang trại chăn nuôi chủ yếu nuôi bò, phong trào trồng cỏ nuôi bò hiện đang phát triển; các trang trại chăn nuôi khác như nuôi heo, gà thịt và gà đẻ trứng, vịt, dê; TX Cam Ranh có một trang trại nuôi 1.000 thùng ong. Trong bốn trang trại lâm nghiệp, có hai trang trại có quy mô diện tích lên đến 28 ha, các trang trại lâm nghiệp chủ yếu trồng bạch đàn. TP Nha Trang có một số trang trại trồng hoa cây cảnh.

Hầu hết các trang trại được thành lập trước năm 2003, chỉ có 1,9% trang trại được thành lập trong năm 2003 và 0,7% trang trại thành lập trong năm 2004. Quy mô các trang trại còn nhỏ, bình quân một trang trại có 6 lao động, 137 triệu đồng vốn sản xuất, 2,4 ha đất và mặt nước. Trong năm 2003, các trang trại đã sử dụng 4.862 ha đất và mặt nước; trong đó có 2.476 ha đất trồng cây hàng năm, 615 ha đất trồng cây lâu năm, 76 ha đất trồng cỏ, 285 ha đất lâm nghiệp và 1.375 ha mặt nước. Các trang trại hiện có 2.242 ha mía, 201 ha xoài, 374 ha điều, 34 ha cà phê, 18 ha dứa, 6 ha hồ tiêu, 333 ha lúa, cây ăn quả và các loại cây khác; chăn nuôi 28 con trâu, 3.641 con bò, 3.462 con lợn, 65.196 con gà, 58.762 con vịt, 670 con dê... Trong năm 2003, các trang trại đã thu hoạch 91.572 tấn mía cây, 1.445 tấn xoài, 145 tấn điều, 38 tấn cà phê, 8 tấn hồ tiêu, 563 tấn thịt gia súc gia cầm, 1.821 tấn tôm thịt, 105 tấn cá, 1 tỷ con tôm giống và 60 tấn thủy sản khác, tạo ra một khối lượng đáng kể sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản cung cấp cho xã hội. So với tổng điều tra NTNNTS năm 2001, quy mô vốn đầu tư và diện tích bình quân một trang trại năm 2004 có giảm nhưng diện tích cây trồng và số lượng gia súc gia cầm của trang trại đang sở hữu tăng đáng kể.

Tổng số vốn đầu tư cho sự hình thành và phát triển của các trang trại đến tháng 7/2004 là 275 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại đầu tư 137 triệu đồng, thấp hơn mức đầu tư điều tra năm 2001 là 48 triệu đồng. Vốn đầu tư bình quân một trang trại cao nhất là huyện Diên Khánh 587 triệu đồng, thấp nhất là huyện Khánh Vĩnh 61 triệu đồng. Toàn tỉnh có 7 trang trại có vốn đầu tư trên 1 tỷ đồng thì Diên Khánh có đến 4 trang trại, chủ yếu đầu tư vào chăn nuôi. Diên Khánh cũng có một trang trại có mức vốn đầu tư 3 tỷ đồng, cao nhất toàn tỉnh. Các trang trại của huyện Khánh Vĩnh chủ yếu trồng mía và điều nên có vốn đầu tư bình quân thấp. Trong tổng vốn đầu tư, vốn của chủ trang trại chiếm 86% và vốn vay ngân hàng chiếm 12%. Các trang trại nông lâm nghiệp có vốn đầu tư bình quân một trang trại là 105 triệu đồng, trong khi trang trại thủy sản là 157 triệu đồng.

Các trang trại nông, lâm nghiệp, thủy sản tuy mới ra đời và phát triển trong mấy năm gần đây nhưng cũng đã tạo ra một khối lượng sản phẩm khá lớn. Tổng thu của các trang trại trong năm 2003 là 198 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại đạt 99 triệu đồng. Giá trị hàng hóa và dịch vụ bán ra của các trang trại năm 2003 đạt 180 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại 89 triệu đồng. Hàng hóa bán ra của các trang trại chủ yếu là mía, xoài, điều, cà phê, hồ tiêu, gà thịt, trứng gà, vịt, tôm thịt, tôm giống với tỷ suất 91%. Có khoảng 30% giá trị hàng hoá được bán theo hợp đồng kinh tế,

chủ yếu là các trang trại trồng mía ký hợp đồng tiêu thụ mía cây với Công ty đường Khánh Hoà.

Thu nhập của các trang trại trong năm 2003 là 46 tỷ đồng, bình quân một trang trại 23 triệu đồng. Thu nhập bình quân 1 trang trại cao nhất là TX Cam Ranh 49 triệu đồng, Diên Khánh 30 triệu đồng, TP Nha Trang 23 triệu đồng, các trang trại thuộc huyện Vạn Ninh, Ninh Hoà, Khánh Vĩnh và Khánh Sơn có mức thu nhập bình quân dưới 20 triệu do có nhiều trang trại trồng trọt, hiệu quả kinh tế thấp hơn. Thu nhập bình quân của một trang trại thủy sản 24 triệu đồng, trong khi trang trại nông lâm nghiệp là 20 triệu đồng. Trang trại thủy sản không thể hiện ưu thế vượt trội do năm 2003 nuôi trồng gặp nhiều khó khăn về dịch bệnh, tiêu thụ; có đến 24% số trang trại thủy sản bị lỗ hoặc hoà vốn.

Các trang trại bước đầu đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước được 513 triệu đồng.

Nhìn chung, hoạt động của các trang trại trong năm 2003 đạt hiệu quả cao hơn năm trước. Số lượng trang trại tăng hơn năm trước phản ánh đúng thực tế sản xuất ở địa phương. Về hiệu quả sản xuất kinh doanh, trừ trang trại thủy sản gặp khó khăn, các trang trại trồng mía, chăn nuôi bò, heo gặp thuận lợi để phát triển. Nếu không xảy ra dịch cúm gia cầm, số lượng trang trại chăn nuôi sẽ còn cao hơn.

1.4.3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của các trang trại năm 2004 qua điều tra, khảo sát của Trung tâm nghiên cứu khoa học về kinh tế-xã hội :

• **Trang trại cây hàng năm:**

Toàn tỉnh có 568 trang trại trồng cây hàng năm, có ngành nghề sản xuất chính là trồng mía và tập trung chủ yếu ở huyện Ninh Hòa với 442 trang trại, chiếm 77,8% tổng số. Cuộc điều tra tiến hành tại các huyện Vạn Ninh, Ninh Hoà, Khánh Vĩnh và Diên Khánh gồm 110 trang trại cây hàng năm, chiếm gần 20% tổng số trang trại cây hàng năm hiện có.

Kết quả điều tra cho thấy trong năm 2004:

- Chủ các trang trại cây hàng năm có giới tính là nam chiếm 92%,
- Độ tuổi phổ biến từ 30 đến dưới 50 tuổi có 76 chiếm 69,0%; dưới 30 tuổi chỉ có 5 chiếm 4,5%; từ 50 đến dưới 60 có 22 chiếm 20%; trên 60 tuổi có 7 chiếm hơn 6,3%.

Điều này cho thấy trang trại cây hàng năm đòi hỏi nhiều là những người mạnh mẽ, đang ở độ tuổi làm việc sung sức.

- Chủ trang trại đều là nông dân; người kinh chiếm 93,6%;

Trang trại cây hàng năm đều là nông dân, cho thấy các thành phần khác chưa tham gia vào phát triển loại hình trang trại này, vì sao lại như vậy? Đặt ra vấn đề phải suy nghĩ, làm thế nào để nhiều thành phần đầu tư phát triển.

- Số trang trại thành lập từ năm 1990 trở về trước có 7, trong giai đoạn 1991-1996 có 16, nhiều nhất là giai đoạn 1996-2000 có 58, giai đoạn 2000-2001 có 29.

- Trình độ học vấn của chủ trang trại còn rất hạn chế, số chưa tốt nghiệp tiểu học còn 4 chiếm 3,6%; tốt nghiệp tiểu học là 52, chiếm 47,3%; tốt nghiệp THCS là 40, chiếm 36,4%; tốt nghiệp THPT có 14 chiếm 12,7%.

- Trình độ chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại hầu hết chưa được đào tạo, có 92/110, chiếm 83,6% chủ trang trại chưa qua lớp đào tạo chuyên môn nào, trình độ chuyên môn là sơ cấp có 14, chiếm 12,7%, trung cấp có 3 và CĐ, ĐH có 1.

Trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại còn thấp hạn chế rất nhiều đến sản xuất kinh doanh, tiếp thu khoa học và công nghệ, SXKD chủ yếu bằng kinh nghiệm.

- Các trang trại cây hàng năm chủ yếu sử dụng lao động trong gia đình và lao động thời vụ, lao động thuê thường xuyên rất ít. Bình quân mỗi trang trại cây hàng năm có 2 lao động của hộ chủ trang trại và chưa đến 1 lao động thuê thường xuyên. Nguyên nhân là do tính chất thời vụ của sản xuất nông nghiệp.

- Trình độ học vấn của số lao động chính trong gia đình chủ yếu mới tốt nghiệp tiểu học, 150/278 chiếm 54%, số chưa tốt nghiệp tiểu học có 13, chiếm 4,7%.

- Trình độ chuyên môn của số lao động chính: chưa được đào tạo chiếm 92%, chỉ có 8% số lao động của hộ chủ trang trại có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên trong đó có 2 lao động có trình độ đại học.

- Lao động thuê thường xuyên chỉ 10 trang trại thuê với 27 lao động, đa số mới học xong tiểu học và chưa qua đào tạo chuyên môn.

Trình độ học vấn của lao động chính và làm thuê thấp, trong lao động sản xuất chủ yếu chỉ biết làm theo yêu cầu của chủ trang trại mà ít có khả năng sáng tạo, năng suất, chất lượng và hiệu quả sẽ không cao.

- Không có trang trại cây hàng năm nào áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Tổng số diện tích đất đai đã khảo sát dùng cho trồng cây hàng năm là 561,8 ha. Quy mô đất đai của các trang trại cây hàng năm đều có diện tích từ 2 ha trở lên, bình quân một trang trại có 5 ha. Đất đai có nguồn gốc từ khai hoang chiếm đa số với 50%. Chỉ có 56% diện tích đất của trang trại đã được cấp quyền sử dụng đất.

Theo tiêu chí trang trại về diện tích thì trang trại cây hàng năm ở Khánh Hòa đều đủ điều kiện, nhưng số chưa được cấp giấy CNQSD đất còn nhiều.

- Nguồn vốn đầu tư của các trang trại trồng cây hàng năm được khảo sát, có tổng nguồn vốn là 7.768 triệu đồng, vốn bình quân 1 trang trại cây hàng năm là 70,6 triệu đồng, thấp nhất trong các loại hình trang trại. Trong cơ cấu nguồn vốn, vốn tự có chiếm tỷ trọng lớn với 76,2%, vốn vay ngân hàng chiếm 14,4%, vay từ nguồn khác 8,6% và vốn liên kết 0,8%.

Như vậy, để làm trang trại cây hàng năm, nguồn vốn tự có của chủ trang trại vẫn là chủ yếu, huy động được nguồn vốn trong dân, phát huy nội lực để phát triển sản xuất.

- Các trang trại được điều tra hiện có 532,8 ha mía chiếm 94,8%, 16 ha ngô, 9 ha lúa, 4 ha sắn.

- Tổng thu của các trang trại cây hàng năm trong năm 2004 là 6,803 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại đạt 61,8 triệu đồng.

- Tổng chi của các trang trại cây hàng năm là 4,619 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại chi phí 41,9 triệu đồng, trong đó chi phí vật chất chiếm 62,2%, chi trả công lao động làm thuê 24,3% và chi phí khác 13,5%.

- Các trang trại cây hàng năm đều có lãi, không có trang trại nào bị thua lỗ, bình quân mỗi trang trại còn lãi 20 triệu đồng. Số trang trại có lãi dưới 40 triệu đồng chiếm tỷ lệ cao 88,2% (97/110), chỉ có rất ít số trang trại đạt được tiêu chí về mặt giá trị từ 40 triệu đồng trở lên, mới có 11,8% (13/110).

- Kết quả sản xuất trong năm qua đạt thấp do các trang trại gặp nắng hạn kéo dài, mưa muộn và mưa ít. Tuy nhiên thu nhập bình quân trang trại cây hàng năm vẫn cao hơn trang trại cây lâu năm và trang trại nuôi trồng thủy sản. Trang trại cây hàng năm ở huyện Diên Khánh đạt thu nhập bình quân cao nhất với 62 triệu đồng.

- Trong các mẫu điều tra, lao động làm thuê thường xuyên của trang trại cây hàng năm có thu nhập bình quân 544.000 đồng/tháng, cao hơn thu nhập bình quân tháng của lao động trang trại cây lâu năm nhưng thấp hơn trang trại chăn nuôi và trang trại nuôi trồng thủy sản. Nhìn chung, lao động làm thuê thường xuyên có thu nhập khá thấp, bình quân chung toàn tỉnh dưới 600.000 đồng/tháng.

Những khó khăn mà các trang trại trồng trọt đang gặp phải qua khảo sát đó là:

- Nhiều trang trại chưa được cấp quyền sử dụng đất
- thiếu vốn để phát triển sản xuất
- thiếu điện
- không chủ động được nước tưới
- đường giao thông chưa tốt
- không có điều kiện tiếp cận thị trường, đầu ra bấp bênh, giá bán thấp.

• Trang trại cây lâu năm:

Toàn tỉnh có 119 trang trại trồng cây lâu năm chủ yếu trồng điều, xoài. Trang trại cây lâu năm có nhiều nhất ở Khánh Vĩnh 44 trang trại, chiếm 37%, TX Cam Ranh 36 trang trại, chiếm 30%. Cuộc điều tra tiến hành ở 41 trang trại cây lâu năm tại các huyện Vạn Ninh, Ninh Hoà, Khánh Vĩnh, Diên Khánh và TX Cam Ranh, chiếm 34,5% tổng số trang trại cây lâu năm hiện có.

Kết quả điều tra cho thấy trong năm 2004:

- Chủ các trang trại cây lâu năm có giới tính là nam chiếm 92,7%;
- Độ tuổi phổ biến từ 30 đến dưới 50 tuổi có 22 chiếm 53,66%; dưới 30 tuổi không có ai; từ 50 đến dưới 60 có 11 chiếm 26,8%; trên 60 tuổi có 8 chiếm 19,5%.

Đối với trang trại cây lâu năm, chủ trang trại về độ tuổi đã có sự khác nhau một ít so với trang trại cây hàng năm, ngoài sự mạnh mẽ, trang trại cây lâu năm đòi hỏi kiến thức và chăm chỉ tỷ mỉ hơn, do đó số chủ trang trại lớn tuổi chiếm tỷ lệ

nhiều hơn so với trang trại cây hàng năm.

- Chủ trang trại phần lớn là nông dân chiếm 92,7%, trong đó người Trìn 12,2%; người Raclay 19,5%; còn lại là người kinh 68,3%;

- Số trang trại được thành lập từ năm 1990 trở về trước 3, giai đoạn 1991-1995 có 9, giai đoạn 1996-2000 có 4 và giai đoạn 2001-2004 có 25. Điều đó cho thấy đa số trang trại cây lâu năm được thành lập ở những năm gần đây;

- Trình độ học vấn của chủ trang trại: chưa tốt nghiệp tiểu học có 11, chiếm tới 26,8%; tốt nghiệp tiểu học có 15, chiếm 36,6%; tốt nghiệp THCS có 7, chiếm 17%; và tốt nghiệp THPT có 8, chiếm 19,5%.

- Trình độ chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại phần nhiều chưa được đào tạo, chiếm 83%; từ sơ cấp đến trung cấp chỉ chiếm 17%.

- Các trang trại cây lâu năm chủ yếu sử dụng lao động trong gia đình và lao động thời vụ. Bình quân mỗi trang trại cây lâu năm có 3 lao động chính của hộ chủ trang trại.

- Trình độ học vấn của lao động trong gia đình còn thấp, số chưa tốt nghiệp tiểu học chiếm 21/114 (18,4%), số tốt nghiệp tiểu học chiếm 50/114 (43,9%), tốt nghiệp THCS chiếm 33/114 (28,9%), tốt nghiệp THPT có 10/114 chiếm 8,8%.

- Số lao động chính trong gia đình được đào tạo chuyên môn kỹ thuật sơ cấp có 3, trung cấp có 1, CĐ, ĐH có 4, còn lại chưa qua đào tạo 106 lao động, chiếm 93%.

- Chỉ có 10 chủ trang trại thuê lao động thuê thường xuyên, lao động làm thuê đa số mới tốt nghiệp THCS 27/34, chiếm 79,4%; tốt nghiệp tiểu học 5, THPT 2 và tất cả đều chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật.

Lao động có trình độ chuyên môn thấp ảnh hưởng đến vấn đề ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tế ở các trang trại. Các trang trại cây lâu năm chủ yếu trồng điều, xoài, xen điều, xoài với một số cây khác như chanh, bạch đàn, đậu phộng, cỏ chăn nuôi... Điều đó cho thấy các trang trại trồng trọt không chỉ trồng trọt một loại cây mà mang tính tổng hợp, trồng nhiều loại cây khác nhau, lấy ngắn nuôi dài, có nhiều trang trại vừa trồng trọt, vừa chăn nuôi nhưng trồng trọt là chính.

- Tổng diện tích cây lâu năm được khảo sát là 195,3 ha. Số đã được cấp giấy CNQSD đất là 102,6 đạt 52,5%. Số trang trại có diện tích đất dưới 3 ha là 7 trang trại, có từ 3 ha trở lên là 34. Bình quân mỗi trang trại cây lâu năm có diện tích đất bình quân 4,76 ha. Đất đai có nguồn gốc từ khai hoang vẫn chiếm đa số với 36,3%.

Về tiêu chí trang trại cây lâu năm, có 7 trang trại không đủ 3 ha trở lên, bình quân của 7 trang trại này là 2,1 ha, trong đó chỉ 1 trang trại lỗ, còn 6 trang trại đều có lãi từ 20 triệu đến 50 triệu đồng/năm, lãi bình quân của 6 trang trại này là 35,5 triệu.

Số trang trại chưa được cấp giấy CNQSD đất còn nhiều cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của trang trại.

- Tổng nguồn vốn đầu tư của các trang trại cây lâu năm được khảo sát là

7.625 triệu đồng, trong đó vốn tự có 6.645 triệu đồng, chiếm 87,1% nguồn vốn, vốn vay ngân hàng chỉ chiếm 7,5%, số còn lại là vay khác chiếm 5,4%. Vốn tự có vẫn là chủ yếu.

- Nguồn vốn đầu tư bình quân 1 trang trại cây lâu năm đến năm 2004 là 186 triệu đồng, cao hơn vốn đầu tư của trang trại cây hàng năm. Trong 41 trang trại khảo sát, số trang trại có lãi là 36, chiếm 87,8% số trang trại thua lỗ là 3, chiếm 7,3%, số trang trại mới đầu tư chưa cho thu hoạch là 2, chiếm 4,9%.

- Số trang trại có lãi nhưng dưới 40 triệu đồng là 32, chiếm 78%, số đạt được giá trị trên 40 triệu đồng chỉ có 4 trang trại, chiếm 9,8%.

- Bình quân 1 trang trại cây lâu năm, năm 2004 doanh thu được 30,4 triệu đồng, chi 16,75 triệu đồng, trong đó chi phí vật chất chiếm 55,1%, chi trả công lao động làm thuê 26,8% và chi phí khác 18,1%, bình quân mỗi trang trại còn lãi 13,65 triệu đồng.

Kết quả tuy đạt thấp nhưng vẫn cao hơn trang trại nuôi trồng thủy sản. Trang trại cây lâu năm trồng xoài ở TX Cam Ranh đạt thu nhập bình quân cao nhất với 37 triệu đồng.

• **Trang trại chăn nuôi:**

Toàn tỉnh hiện có 89 trang trại chăn nuôi bò, lợn, dê, gà và vịt tập trung chủ yếu ở TX Cam Ranh với 44 trang trại, chiếm 49,4% tổng số. Cuộc điều tra được thực hiện tại 33 trang trại chăn nuôi ở các huyện Vạn Ninh, Ninh Hoà, Diên Khánh và TX Cam Ranh, chiếm 37% tổng số trang trại chăn nuôi hiện có.

Kết quả điều tra cho thấy trong năm 2004:

- Chủ các trang trại chăn nuôi có giới tính là nam chiếm 90,9%;

- Độ tuổi phổ biến từ 30 đến dưới 50 có 22 tuổi chiếm 66,7%; dưới 30 tuổi không có ai; từ 50 đến dưới 60 có 7 chiếm 21,2%; từ 60 trở lên có 4 chiếm 12,1%.

Có lẽ chăn nuôi là một nghề vất vả chẳng khác gì nuôi con nhỏ cho nên số trẻ ít ai muốn làm, còn người nhiều tuổi cũng bị hạn chế về sức khỏe, vì vậy đa số chủ trang trại chăn nuôi vẫn là những người ở độ tuổi sung sức nhất.

- Trình độ học vấn của các chủ trang trại chăn nuôi được khảo sát: tốt nghiệp tiểu học 12 chiếm 36,4%; tốt nghiệp trung học cơ sở 12 chiếm 36,4%, tốt nghiệp trung học phổ thông chỉ có 27,2%.

- Trình độ chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại, chưa qua lớp đào tạo nào là 30 chiếm 91%, còn lại được đào tạo sơ cấp 1, trung cấp 1, đại học 1, từ sơ cấp trở lên chỉ chiếm 9% và toàn bộ chủ trang trại là dân tộc kinh.

- Các trang trại chăn nuôi chủ yếu sử dụng lao động trong gia đình là chính 84/112 chiếm 75% và lao động thuê thường xuyên 28 chiếm 25%.

- Trình độ học vấn của số lao động chính của gia đình trong các trang trại chăn nuôi được khảo sát: tốt nghiệp tiểu học 32/84, chiếm 31%, tốt nghiệp trung học cơ sở 37, chiếm 44%, tốt nghiệp trung học phổ thông 15, chiếm 25%.

- Trình độ chuyên môn kỹ thuật số lao động chính của gia đình, chưa qua lớp đào tạo nào là 79, chiếm 94%, còn lại được đào tạo sơ cấp 1, trung cấp 3 và cao đẳng, đại học 1, được đào tạo từ sơ cấp đến đại học chỉ chiếm 6%.

- Riêng lao động thuê thường xuyên số chưa tốt nghiệp tiểu học là 5/28, chiếm 18%, mới học xong tiểu học 16, chiếm 57%, tốt nghiệp trung học cơ sở có 7, chiếm 25% và chưa qua đào tạo chuyên môn 25, chiếm 89,2%.

Tuy nhiên bằng kinh nghiệm và hướng dẫn của các ngành chức năng, có đến 36,4% trang trại chăn nuôi có áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Các trang trại chăn nuôi đã sử dụng một số diện tích đất để phục vụ chăn nuôi, bình quân mỗi trang trại có 2,8 ha đất. Số trang trại có từ 1 ha đất trở xuống chiếm phần lớn 22/33 (66%); từ 1,5 ha đến 3 ha có 8 hộ (24,2%), còn lại trên 3 ha là 9,2%, trong đó; 4 ha có một; 6,2 ha có một và cao nhất là 30 ha có một. Số trang trại chăn nuôi gia súc có diện tích nhiều hơn để chăn thả và trồng cỏ, số trang trại gia cầm có diện tích nhỏ hơn chủ yếu là xây dựng chuồng trại.

- Đất đai có nguồn gốc từ sang nhượng tự do và đất khác chiếm đa số với 36%. Chỉ có 57,8% diện tích đất của trang trại đã được cấp quyền sử dụng đất.

- Nguồn vốn đầu tư bình quân 1 trang trại chăn nuôi đến năm 2004 là 300 triệu đồng, lớn nhất trong các loại hình trang trại. Trong cơ cấu nguồn vốn, vốn tự có chiếm tỷ trọng lớn với 84,3%, vốn vay ngân hàng chiếm 8,7%.

- Các trang trại được điều tra hiện đang nuôi 402 con bò thịt, 407 bò sinh sản, 540 con lợn thịt, 13 lợn sinh sản, 240 con dê thịt và 208 dê sinh sản, 18.300 gà vịt.

- Cơ cấu vật nuôi của các trang trại chăn nuôi không chỉ nuôi một loại mà nuôi nhiều loại khác nhau mang tính tổng hợp như sau: bò thịt + bò sinh sản có 17 trang trại; bò thịt + dê thịt + dê sinh sản có 3 trang trại; bò sữa có 1 trang trại; heo thịt có 3 trang trại; heo thịt + heo sinh sản có 2 trang trại; dê thịt + dê sinh sản có 3 trang trại; gà vịt có 4 trang trại.

- Theo tiêu chí trang trại hiện hành do tỉnh quy định tại quyết định số 21/2002/QĐ-UB ngày 26-02-2002 chỉ có 12 trang trại có số lượng đầu con đạt tiêu chí, chiếm 36,4%, còn lại 63,6 trang trại không đạt theo tiêu chí.

- Mỗi trang trại chăn nuôi trong năm 2004 thu bình quân 110 triệu đồng, chi phí bình quân 71 triệu đồng, còn lãi 39 triệu đồng.

Tuy chăn nuôi năm 2004 có dịch lở mồm long móng, dịch cúm gia cầm nhưng nhờ chủ động phòng chống nên các trang trại chăn nuôi có thu nhập bình quân lớn nhất trong các loại hình trang trại. Trang trại chăn nuôi ở huyện Ninh Hoà đạt thu nhập bình quân cao nhất với 93 triệu đồng, các huyện khác thu nhập phổ biến từ 20 - 35 triệu đồng.

- Số trang trại có lãi đến dưới 40 triệu đồng/năm là 25 trang trại, chiếm 75,8%; chỉ có 8 trang trại có lãi từ trên 40 triệu đồng/năm, chiếm 24,2%.

- Trong các mẫu điều tra, lao động làm thuê thường xuyên của trang trại chăn nuôi có thu nhập bình quân 554.000 đồng/tháng, cao hơn thu nhập bình quân tháng

của lao động trồng trọt nhưng thấp hơn thu nhập của lao động trang trại nuôi trồng thủy sản.

Những khó khăn mà các trang trại chăn nuôi đang gặp phải qua điều tra đó là:

- Không có thú y tại chỗ
- Thiếu kỹ thuật
- Thiếu đất trồng rau cỏ
- Thiếu vốn

• **Trang trại nuôi trồng thủy sản:**

Toàn tỉnh hiện có 1.231 trang trại nuôi trồng thủy sản, chủ yếu nuôi tôm sú thịt và nuôi tôm giống tập trung ở các huyện Ninh Hoà, Vạn Ninh và TX Cam Ranh, nhiều nhất là Ninh Hoà với 530 trang trại, chiếm 43% tổng số. Cuộc điều tra được thực hiện tại 298 trang trại nuôi tôm sú thịt và 120 trang trại sản xuất tôm giống ở các huyện Vạn Ninh, Ninh Hoà, TP Nha Trang và TX Cam Ranh, chiếm 34% tổng số trang trại nuôi trồng thủy sản hiện có.

Kết quả điều tra cho thấy trong năm 2004:

- Chủ các trang trại nuôi trồng thủy sản có giới tính là nam 387/418, chiếm 92,6%

- Độ tuổi phổ biến từ 30 đến dưới 50 có 253 chiếm 60,5%; dưới 30 tuổi có 14 chiếm 3,3%; từ 50 đến dưới 60 tuổi có 101 chiếm 24,2%; từ 60 tuổi trở lên có 50 chiếm 12%.

- Trình độ học vấn: tốt nghiệp tiểu học 121/418, chiếm 28,95%; tốt nghiệp THCS 181/418, chiếm 43,3%; tốt nghiệp THPT 115/418, chiếm 27,5%.

- Về trình độ chuyên môn kỹ thuật: chưa qua đào tạo có 332 chủ trang trại, chiếm 79,4%; sơ cấp có 55, chiếm 13,2%; trung cấp có 22, chiếm 5,3%; CĐ, ĐH có 9, chiếm 2,1%, và toàn bộ chủ trang trại là dân tộc kinh.

So với các loại hình trang trại khác, tỷ lệ chủ trang trại thủy sản được đào tạo nhiều hơn. Có chủ trang trại còn hợp đồng thuê kỹ thuật để theo dõi, xử lý kỹ thuật trong quá trình sản xuất.

- Các trang trại nuôi trồng thủy sản chủ yếu sử dụng lao động trong gia đình và lao động thuê thời vụ. Bình quân mỗi trang trại nuôi trồng thủy sản có hơn 2 lao động của hộ chủ trang trại.

- Trình độ học vấn số lao động chính trong gia đình của hộ chủ trang trại: chưa tốt nghiệp tiểu học có 5/958, chiếm 0,5%; tốt nghiệp tiểu học có 262/958, chiếm 27,3%; tốt nghiệp THCS có 400/958, chiếm 41,8%; tốt nghiệp THPT có 291/958, chiếm 30,4%.

- Trình độ chuyên môn kỹ thuật của số lao động chính trong gia đình: chưa được đào tạo có 826/958, chiếm 86,2%; có trình độ sơ cấp 73/958, chiếm 7,6%; trung cấp có 36/958, chiếm 3,8%; CĐ, ĐH có 23/958, chiếm 2,4%.

- Trình độ học vấn số lao động thuê thường xuyên: tốt nghiệp tiểu học có 95/356, chiếm 26,7%; tốt nghiệp THCS 168/356, chiếm 47,2%; tốt nghiệp THPT có 91/356, chiếm 25,6%. và số đông chưa qua đào tạo chuyên môn, nghề nghiệp 282/356, chiếm 79,2%; chỉ có 20,8% có qua đào tạo chuyên môn.

- Số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản có áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất chiếm tỷ lệ 72,7% tổng số là tương đối cao so với các loại hình trang trại khác.

- Bình quân mỗi trang trại thủy sản sử dụng 1,2 ha mặt nước, trong đó chủ yếu là của chủ trang trại có từ trước và sang nhượng. Diện tích thủy sản nuôi bằng hình thức bán thâm canh chiếm 81,6%, còn lại là nuôi thâm canh 18,4%.

- Qua khảo sát 72 trang trại nuôi tôm sú thâm canh, số có diện tích đủ tiêu chí 1 ha trở lên chỉ có 29 trang trại, chiếm 40,3%, còn lại dưới 1 ha. Số trang trại đạt giá trị trên 40 triệu đồng chỉ có 10 trang trại, chiếm 13,9%. Có tới 30 trang trại bị thua lỗ, chiếm 42%.

- Qua khảo sát 226 trang trại nuôi bán thâm canh, số trang trại trên 2 ha có 130, chiếm 57,5%; số trang trại có lãi 101, chiếm 44,7%, trong đó số trang trại thu nhập đạt giá trị từ 40 triệu đồng trở lên là 31, chỉ chiếm 13,7%; số trang trại thua lỗ khá nhiều, 116 trang trại, chiếm 51,3%; có 9 trang trại hòa vốn.

- Khảo sát 120 trang trại sản xuất tôm giống, về sản lượng bình quân một trang trại chỉ đạt 2,8 triệu con/năm, chỉ có 2 trang trại có sản lượng trên 10 triệu con, không có trang trại sản xuất tôm giống nào đạt giá trị từ 40 triệu đồng trở lên, chỉ có 55 trang trại có lãi dưới 40 triệu đồng, số trang trại có lãi, thu nhập bình quân 1 trang trại chỉ đạt 12,5 triệu đồng, có tới 64 trang trại thua lỗ, có 1 trang trại hòa vốn.

- Nguồn vốn đầu tư bình quân 1 trang trại nuôi trồng thủy sản đến năm 2004 là 137 triệu đồng. Trong cơ cấu nguồn vốn, vốn tự có chiếm tỷ trọng lớn với 81,4%, vốn vay ngân hàng chiếm 8%, còn lại là vốn liên kết và vốn vay khác 10,6%.

Nuôi trồng thủy sản năm 2004 gặp nhiều khó khăn, nhiều trang trại thua lỗ là do ô nhiễm môi trường dẫn đến dịch bệnh, nuôi thả không đúng thời vụ, con giống chất lượng kém, năng suất thấp, tiêu thụ bị tư thương ép giá nên bình quân mỗi trang trại nuôi trồng thủy sản chỉ thu được 81,4 triệu đồng, trong khi chi phí bình quân 84 triệu đồng. Nhiều trang trại nuôi trồng thủy sản lỗ nặng, nợ nần chồng chất, không còn vốn để sản xuất. Trong 418 trang trại nuôi trồng thủy sản được khảo sát, có tới 210 trang trại thua lỗ, 11 trang trại may mắn hòa vốn, 197 trang trại có lãi nhưng không cao.

Nuôi trồng thủy sản hiện nay là một trong những thế mạnh của Khánh Hòa, nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi và điều kiện khí hậu thủy văn thích hợp cho việc nuôi trồng thủy sản, ngành xuất khẩu thủy sản đem lại giá trị kinh tế lớn cho tỉnh. Bên cạnh mặt lợi ích kinh tế to lớn, các vấn đề suy thoái môi trường nước, môi trường đất ngày càng nghiêm trọng. Một số khu vực nuôi trồng thủy sản ven biển, môi trường sống trực tiếp của tôm bị ô nhiễm nặng.

Những khó khăn mà các trang trại thủy sản đang gặp phải qua điều tra đó là:

- Giá giống không ổn định
- Chất lượng con giống thấp
- Môi trường nước bị ô nhiễm, dịch bệnh thường xuyên
- Giá thức ăn, thuốc, vật tư dùng nuôi tôm quá cao
- Tiêu thụ sản phẩm nhiều khi bị ép giá
- Thiếu vốn, thiếu lao động có kỹ thuật cao.

Thực trạng hiện nay là các trang trại đang phải bươn chải đầy may rủi cả đầu vào (đất đai, cây con giống, vốn, công nghệ...) và đầu ra (tiêu thụ sản phẩm) đều khó khăn. Đã có những trang trại lao đao, thua lỗ; thậm chí có người bỏ cuộc bán lại trang trại hoặc bỏ hoang không sản xuất.

II . ĐÁNH GIÁ CHUNG.

II .1. Những mặt được.

- Kinh tế trang trại trong tình được hình thành là một bước phát triển chủ yếu của kinh tế hộ gắn với mục tiêu sản xuất hàng hóa. Kinh tế trang trại là nhân tố mới ở nông thôn, là điểm đột phá trong bước chuyển sang tăng tỷ trọng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tạo ra các vùng sản xuất tập trung, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và mở mang các ngành nghề dịch vụ ở nông thôn.

- Phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, khai thác một cách có hiệu quả tiềm năng về đất đai, lao động, vốn, kỹ thuật vào phát triển kinh tế-xã hội. Nhiều vùng đất hoang hoặc trồng cây lương thực có năng suất thấp và không ổn định, nay được trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm hay chăn nuôi công nghiệp cho thu nhập cao.

- Tạo thêm việc làm và thu nhập đáng kể cho một bộ phận lao động ở nông thôn. Một số lao động làm thuê đã học được nghề, tích lũy được vốn, kinh nghiệm vươn ra sản xuất tự chủ có hiệu quả.

- Thu hút vốn đầu tư, công sức, năng lực trí tuệ của nhiều tầng lớp nhân dân để phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Kinh tế trang trại đã sử dụng lượng vốn tự có khá lớn trong dân để đầu tư phát triển sản xuất. Thực tế vốn tự có đầu tư bình quân mỗi trang trại chiếm tới 86%, hầu hết các chủ trang trại đều bắt đầu từ vốn tự có đầu tư mở rộng sản xuất theo phương thức lấy "ngăn nuôi dài", kinh doanh tổng hợp.

- Thúc đẩy việc hình thành và phát triển các hình thức hợp tác: liên kết giữa các trang trại với nhau, giữa trang trại với doanh nghiệp, với các tổ chức kinh tế - xã hội hay với các hộ nông dân trong việc tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, cung ứng vật tư, chế biến, bảo quản nông sản.... Một số trang trại thực sự là mô hình trình diễn về kỹ thuật và quản lý sản xuất cho kinh tế nông hộ và các trang trại khác tìm hiểu học tập kinh nghiệm.

Kinh tế trang trại ở Khánh Hòa được hình thành cùng với việc phát triển kinh tế hộ gia đình với mục đích là sản xuất hàng hóa. Kinh tế trang trại phát triển tác động tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, từng bước hình thành những vùng sản xuất tập trung; góp phần cải thiện đáng kể diện tích đất hoang hóa, cải tạo đất làm tăng độ phì nhiêu của đất; giải quyết đáng kể lực lượng lao động ở nông thôn; huy động vốn tự có của nhân dân để đầu tư vào sản xuất; đưa nhanh tiến bộ khoa học-công nghệ vào thực tiễn sản xuất.

II.2. Những yếu kém, tồn tại và khó khăn.

- Quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước về kinh tế trang trại, như Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02-02-2000 của Chính phủ, Nghị quyết số 21 ngày 26-02-2002 của UBND tỉnh Khánh Hòa về các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, các chủ trang trại nắm bắt và hiểu biết còn nhiều hạn chế, thậm chí có chủ trang trại không biết ...Do vậy một số trang trại đã hình thành chưa mạnh dạn đầu tư phát triển.

- Trong những năm qua kinh tế trang trại được hình thành và phát triển mang tính tự phát, chưa có sự quy hoạch và định hướng của tỉnh hoặc có nhưng không tới được người dân. Một số trang trại, nhất là trang trại chăn nuôi bố trí xây dựng gần khu dân cư, đã làm nảy sinh nhiều vấn đề bất cập ảnh hưởng xấu đến tình hình xã hội, nhất là vấn đề vệ sinh môi trường.

- Hai huyện miền núi, nơi có tiềm năng đất đai để phát triển trang trại nhưng chưa có nhiều trang trại được hình thành và phát triển, hầu hết diện tích đất sử dụng kém hiệu quả.

- Tình trạng thiếu vốn đầu tư khá phổ biến nhưng cơ chế cho vay vốn của các tổ chức tín dụng đối với kinh tế trang trại còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong các vấn đề: quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, dự án khả thi của chủ trang trại...

- Đầu ra cho sản phẩm còn phụ thuộc nhiều vào tư thương, thiếu thông tin về thị trường, thị trường tiêu thụ thường biến động không ổn định.

- Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ chế biến sau thu hoạch còn yếu kém, làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và giá trị sản phẩm.

- Trình độ học vấn và chuyên môn của lực lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phần lớn chủ trang trại gia đình tuy có kinh nghiệm sản xuất nhưng vốn dĩ đều quen với sản xuất nhỏ, hiểu biết thị trường và khoa học-công nghệ còn hạn chế, quản lý theo kinh nghiệm là chính, nguồn vốn lại hạn hẹp nên chủ yếu phát triển sản xuất theo chiều rộng, chưa đủ sức đầu tư theo chiều sâu.

- Ngoài ra còn có những trang trại khai thác quá mức nguồn tài nguyên, thiếu sự phát triển bền vững, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường sinh thái, phát triển không gắn với phát triển kinh tế, xã hội và cơ sở hạ tầng trên địa bàn; không gắn với phát triển công nghiệp chế biến và các

chương trình kinh tế-xã hội khác như định canh, định cư, chương trình xoá đói, giảm nghèo...

Hiện nay mô hình kinh tế trang trại trong tỉnh đang gặp không ít khó khăn: chủ trang trại chưa an tâm với chất lượng giống cây, giống vật nuôi và giá cả, không biết giống vật nuôi, cây trồng có bị nhiễm bệnh không; Giá mua giống không ổn định; Thiếu vốn sản xuất; Nguồn nước, môi trường ô nhiễm; Thức ăn, thuốc, vật tư quá cao; Giá bán sản phẩm nuôi trồng thủy sản bấp bênh không ổn định; Chưa có đường giao thông... Nhiều trang trại nuôi trồng thủy sản nhiều năm thua lỗ, hết vốn sản xuất, địa bỏ hoang. Thực tế đã chứng minh, nhiều vùng nuôi trồng thủy sản đã bị dịch bệnh, tôm sú, tôm hùm, ốc hương...chết hàng loạt mà không thể cứu chữa, trong khi nguồn vốn đầu tư của người dân có hạn. Nhiều trang trại hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản có nguy cơ phá sản, và đã có người phá sản.

II.3. Nguyên nhân.

Trong quá trình phát triển kinh tế trang trại vẫn còn một số tồn tại, yếu kém do một số nguyên nhân sau:

- Đó là sự phát triển tự phát, chưa có quy hoạch, chưa theo quy hoạch ở một số địa phương, không tạo nên sự gắn kết giữa phát triển trang trại với sự hình thành các vùng sản xuất tập trung và định hướng phát triển chung của vùng, ngành về thủy lợi, giao thông, điện nước, thông tin, thị trường...

- Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính sách về phát triển kinh tế trang trại còn chậm, thiếu đồng bộ, một số vấn đề sử dụng đất của trang trại còn vướng mắc chưa được xử lý kịp thời. Vấn đề quyền sử dụng đất đang là nỗi trăn trở của các chủ trang trại, nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết. Chính điều này đã phần nào cản trở sự đầu tư mở rộng sản xuất của các trang trại cũng như việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn.

- Trình độ quản lý của các chủ trang trại và tay nghề của người lao động còn hạn chế. Lực lượng lao động thuê ngoài chủ yếu là lao động phổ thông. Trình độ của các chủ trang trại và tay nghề của người lao động ở trang trại còn nhiều hạn chế do chưa có chủ trương, chính sách đào tạo, bồi dưỡng.

- Chưa có phương thức chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ cho các chủ trang trại cho nên chất lượng sản phẩm hàng hoá của trang trại chưa cao, chủ yếu dưới dạng thô.

- Do trình độ của các chủ trang trại có nhiều hạn chế, cho nên việc xử lý các thông tin về thị trường kém, nhiều chủ trang trại chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường nên tiêu thụ sản phẩm còn thụ động, hiệu quả thấp.

- Kinh tế trang trại nhiều nơi chưa được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển và hưởng các chính sách khuyến khích của Nhà nước, các trang trại chưa được cấp giấy chứng nhận trang trại theo tiêu chí đã ban hành nên phần lớn các trang trại chưa được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước về đầu tư, tài chính, tín dụng và thuận lợi trong quan hệ giao dịch.

Kinh tế trang trại bộc lộ những tồn tại yếu kém như trên cần được tháo gỡ. Để kinh tế trang trại hình thành và phát triển cần có đủ các điều kiện về môi trường kinh tế và pháp lý sau: có tác động tích cực và phù hợp của Nhà nước; có quỹ ruộng đất cần thiết và có chính sách để tập trung ruộng đất; có hỗ trợ của công nghiệp chế biến nông sản; có cơ sở hạ tầng nhất định, trước hết là giao thông, thủy lợi; có sự hình thành vùng sản xuất nông nghiệp chuyên môn hóa; có sự liên kết nhất định của các hình thức kinh tế trong nông nghiệp; có môi trường pháp lý thuận lợi. Những điều kiện trên đây ở Khánh Hòa còn nhiều mặt hạn chế vì vậy ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

So với TP Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Thuận và bình quân chung của cả nước trên một số tiêu chí cho thấy như sau (thời điểm tháng 12/2004).

Số lượng và quy mô trang trại.

	Số trang trại	Số đã được cấp giấy CN	Diện tích đất sử dụng.(ha)	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Suất đầu tư/ha(triệu đồng)	Sử dụng lao động
Khánh Hòa	2.011	16	4.862	275.080	56,57	5.651 TX, 7.292 TV
Bình Thuận	1.883	206	7.882	391.362	49,65	9.395 TX
TP HCM	2.494	57	5.059,45	836.671	165,36	8.989 TX
Bình quân chung cả nước	1.598		9.060	240.000	26,49	7.964

Như vậy, Khánh Hòa so với Bình Thuận, về số lượng thì nhiều hơn, nhưng số đã được cấp giấy chứng nhận là trang trại ít hơn rất nhiều, diện tích sử dụng ít hơn, vốn đầu tư ít hơn, sử dụng lao động thường xuyên cũng ít hơn.

So với TP Hồ Chí Minh, các chỉ tiêu trên cho thấy Khánh Hòa đều ít hơn.

So với bình quân chung cả nước, về số lượng thì nhiều hơn, còn các chỉ tiêu khác đều ít hơn.

Phân loại trang trại theo ngành

	TT trồng trọt	TT chăn nuôi	TT thủy sản	TT lâm nghiệp	TT tổng hợp	Tổng cộng
Khánh Hòa	687(568 hàng năm, 119 lâu năm)	89	1.231	4		2011
Bình Thuận	800(266 hàng năm, 534 lâu năm)	461	354	29	239	1.883
TP HCM	223	774	1.486		11	2.494

Quy mô bình quân một trang trại.

	Diện tích bq/tt (ha)	Vốn đầu tư bq/tt (1000đ)
Khánh Hòa	2,4	136.787
Bình Thuận	4,2	207.839
TP HCM	2,0	335.473
Bình quân chung cả nước	5,6	150.000

Quy mô bình quân một trang trại, Khánh Hòa so với Bình Thuận diện tích và vốn đầu tư đều ít hơn. So với TP Hồ Chí Minh diện tích thì nhiều hơn, nhưng vốn đầu tư chỉ bằng 40,77%. So với bình quân chung cả nước về diện tích chưa được 1/2, về vốn đầu tư bằng 91,2%.

Qua so sánh với Bình Thuận, TP Hồ Chí Minh và bình quân chung cả nước, cho thấy kinh tế trang trại của Khánh Hòa còn nhiều mặt hạn chế. Đó là điều chúng ta cần suy nghĩ, làm thế nào để kinh tế trang trại ở Khánh Hòa phát triển.

CHƯƠNG III

NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở KHÁNH HOÀ.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết về kinh tế trang trại của Chính phủ và một số quyết định, chỉ thị, thông báo của UBND tỉnh về chính sách phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh như chính sách khuyến nông, khuyến lâm, giải quyết vốn vay ... , kinh tế trang trại của tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định, nhưng thực tế cũng còn nhiều khó khăn, hiệu quả mang lại chưa như mong muốn. Kết quả trưng cầu ý kiến của 50 cán bộ cấp tỉnh, huyện và 300 cán bộ cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh cho thấy để nông thôn và nông nghiệp phát triển, xu hướng phát triển kinh tế trang trại là tất yếu và sẽ phát triển tốt, đa số nông dân đều rất muốn phát triển kinh tế trang trại. Nhà nước đã tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển nhưng chưa đủ, cần phải tác động tích cực hơn nhất là về xây dựng cơ sở hạ tầng.

Để kinh tế trang trại của tỉnh trong thời gian đến phát triển ổn định, bền vững cần tập trung vào một số vấn đề sau:

1- Về định hướng và cơ cấu phát triển:

Với điều kiện tự nhiên, khí hậu thuận lợi, cùng với lợi thế về mặt khoa học kỹ thuật và tình hình thị trường tiêu thụ hiện nay cần xác định một số mô hình sau:

+ Phát triển các trang trại nông lâm nghiệp kết hợp ở các vùng miền núi và trung du;

+ Phát triển mô hình trồng cây ăn quả, kết hợp làm ruộng, chăn nuôi (vườn ao chuồng) ở đồng bằng.

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản, làm muối ở vùng ven biển.

+ Kết hợp giữa mô hình trang trại tổng hợp và mô hình chuyên môn hóa.

2- Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất, với qui hoạch phát triển kinh tế xã hội từng vùng và qui hoạch chuyên ngành để có sự đầu tư thỏa đáng về các mặt tạo điều kiện cho nhân dân yên tâm đầu tư phát triển trang trại.

3- Giải quyết nhanh việc cấp quyền sử dụng đất cho nhân dân để yên tâm đầu tư và có cơ sở vay vốn ngân hàng. Đất đã được giao (hoặc chưa được giao) nhưng người quản lý không sử dụng, phải được giao cho hộ khác sử dụng theo Luật định. Cho thuê đất đối với những trường hợp: vượt hạn mức, người ở nơi khác đến, cán bộ công nhân viên và các đối tượng không phải là nông, ngư dân, doanh nghiệp có nhu cầu và điều kiện để phát triển kinh tế trang trại.

4- Đẩy nhanh chương trình kiên cố hóa kênh mương, chương trình giao thông và các chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn hỗ trợ kinh tế trang trại phát triển.

5- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, hội thảo, thăm quan trao đổi kinh nghiệm để phát

triển kinh tế trang trại.

6- Tận dụng, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, phát huy tối đa nguồn vốn trong dân;

7- Khuyến khích các cơ sở chế biến đầu tư cho dân và mua lại sản phẩm;

8- Yêu cầu các Ngân hàng xem xét mở rộng đối tượng cho vay, định mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp, cải tiến phương thức và thủ tục cho vay.

9- Chỉ đạo việc chấp hành qui hoạch, quản lý và hỗ trợ việc phát triển trang trại đúng hướng.

II. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Kinh tế trang trại là loại hình tổ chức sản xuất rất linh hoạt cả về quy mô và tổ chức sản xuất. Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa dựa trên cơ sở lao động, đất đai, tư liệu sản xuất cơ bản của hộ gia đình hoàn toàn tự chủ sản xuất kinh doanh, bình đẳng với các tổ chức kinh tế khác, sản phẩm làm ra chủ yếu là để bán và tạo nguồn thu nhập chính cho gia đình. Để kinh tế trang trại phát triển mạnh mẽ, bền vững cần tập trung vào các giải pháp sau:

II.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Qua điều tra 602 chủ trang trại về sự hiểu biết một số chính sách, chủ trương của Nhà nước gắn với việc phát triển kinh tế, sự hiểu biết này còn rất hạn chế, hầu hết các chủ trang trại biết ít hoặc không biết các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước (xem phụ lục biểu số 05)

Vì vậy, việc đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách đến các chủ trang trại và cán bộ, công chức nhà nước có liên quan để có chung nhận thức và hành động thống nhất để phát triển kinh tế trang trại nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế theo quan điểm của Đảng ta phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm là rất cần thiết.

II.2. Về đất đai

II.2.1- Hoàn thiện quy hoạch đất đai:

Quy hoạch đất đai là cơ sở quan trọng thực hiện bố trí sản xuất ổn định lâu dài. Các huyện, thị, thành phố căn cứ vào đó để cho phép đầu tư, chuyển nhượng đất, tránh tình trạng khai thác đất đai bừa bãi, lãng phí, phá hoại môi trường sinh thái. Tiến hành quy hoạch sử dụng đất ở cả 3 cấp: tỉnh, huyện và xã, ở mỗi cấp đều xác định rõ từng loại đất.

Các sở ngành như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thủy sản... trên cơ sở quy hoạch chung của tỉnh để quy hoạch phát triển cây ăn trái, cây công nghiệp, phát triển nuôi trồng thủy sản...

II.2.2-Khuyến khích tập trung đất vào những hộ có khả năng và nguyện vọng đầu tư phát triển kinh tế trang trại. Khắc phục tình trạng đất manh mún.

Để trở thành trang trại, phải tập trung ruộng đất đến một quy mô nhất định. Nhưng thực tế ý tưởng này thực hiện không phải dễ dàng, vì vậy Nhà

nước cần có chính sách cụ thể để khuyến khích tập trung đất đai vào những người có điều kiện, có ý chí làm giàu từ đất, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời phải tăng cường kiểm tra xử lý những trường hợp sang nhượng ruộng đất, kinh doanh đất đai để trục lợi. Kiên quyết thu hồi đối với ruộng đất bỏ hoang hóa hoặc sản xuất không có hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường.

Việc khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún sẽ tạo điều kiện để đi vào sản xuất tập trung, đồng thời là tiền đề để phát triển kinh tế trang trại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng như kênh mương thủy lợi...

II.2.3- Nhanh chóng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ nông dân chưa được cấp giấy, thủ tục đơn giản, chống gây phiền hà, những nhiễu.

Quyết định số 21, ngày 26/02.2002 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chính sách phát triển kinh tế trang trại nói rõ: Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế trang trại được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

Thực tế hiện nay vẫn còn có nhiều hộ chưa được cấp giấy chứng nhận, vì vậy việc thế chấp để vay vốn hay sang nhượng để tập trung đất phát triển trang trại còn khó khăn.

Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai xác định kể từ ngày 01/01/2007 người sử dụng đất phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới được thực hiện các quyền về chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng, cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Tóm lại, Nhà nước thực hiện giao đất hoặc cho thuê đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình có nhu cầu và khả năng sử dụng đất để phát triển kinh tế trang trại. Việc giao đất, cho thuê đất được áp dụng theo quy định tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai của Chính phủ sớm được thi hành. Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản sống ở địa phương có nhu cầu và khả năng sử dụng đất để mở rộng sản xuất thì ngoài phần đất đã được giao trong hạn mức của địa phương còn được ủy ban nhân dân xã xét cho thuê đất để phát triển trang trại. Những hộ gia đình phi nông nghiệp (kể cả hộ ở địa phương khác) có nguyện vọng tạo dựng cơ nghiệp lâu dài, có vốn đầu tư để phát triển trang trại được ủy ban nhân dân xã cho thuê đất. Diện tích đất được giao, được thuê phụ thuộc vào quỹ đất của địa phương và khả năng sản xuất kinh doanh của chủ trang trại. Hộ gia đình, cá nhân được nhận quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác để phát triển trang trại phải theo đúng quy định của pháp luật. Để hộ gia đình yên tâm phát triển kinh tế trang trại, cần khẩn trương hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua khảo sát mới có hơn 50% số hộ được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Cần phải đẩy nhanh tốc độ giao đất, cho thuê đất và cấp GCN QSD đất cho

diện tích đất chưa được cấp, tạo điều kiện cho việc tích tụ, trao đổi, dồn điền, đổi thửa để phát triển kinh tế trang trại theo tiêu chí quy định. Tạo điều kiện thông thoáng về đất đai để làm trang trại, có quy hoạch vùng, ngành phát triển kinh tế trang trại

II.3. Về vốn

Vấn đề vốn cho kinh tế trang trại trước hết phải bắt nguồn từ vốn tự có của các chủ trang trại, nguồn vốn này là nguồn chính.

Ngoài vốn tự có, các nguồn vốn khác có thể và cần thiết huy động tham gia vào kinh tế trang trại, Nhà nước cần có cơ chế thu hút vốn cho kinh tế trang trại bằng các giải pháp cụ thể:

- Cho phép tất cả mọi công dân không phân biệt thành thị hay nông thôn có khả năng và điều kiện đầu tư lập trang trại ở những nơi có thể phát huy loại hình kinh tế này theo dự án được duyệt.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho đầu tư trực tiếp nước ngoài lập trang trại có quy mô lớn và trình độ cao.

- Các ngân hàng và các tổ chức tài chính cần có cơ chế cho vay trung và dài hạn đối với kinh tế trang trại.

- Ở những nơi có điều kiện sản xuất hàng hóa lớn, cần thiết lập một số trang trại dưới dạng cổ phần để có điều kiện thu hút nguồn vốn lớn.

- Sử dụng lồng ghép nguồn vốn của các chương trình phục vụ phát triển kinh tế trang trại (chương trình 135, 327, xóa đói giảm nghèo...)

Cần kịp thời đổi mới hình thức đầu tư và cơ chế tín dụng đáp ứng được hiệu quả tối ưu của kinh tế trang trại.

- Đối với tín dụng vay ngắn hạn cần có cơ chế cho luân chuyển gói vụ trong sản xuất và chế biến. Trên cơ sở đó đảm bảo được tính liên hoàn, liên tục trong sản xuất kinh doanh. Cần tránh tình trạng quy định thời hạn vay vốn cắt khúc, gò ép gây ách tắc vốn trong sản xuất kinh doanh.

Thiết lập các chế tài tín dụng nghiêm ngặt đồng thời mở rộng các đối tượng chế chấp không chỉ quyền sử dụng đất mà bao gồm cả thiết bị máy móc.

Tóm lại, Các trang trại phát triển sản xuất kinh doanh được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước, thực hiện theo quy định của Nghị định 43/1999/NĐ-CP, ngày 29-6-1999 của Chính phủ. Việc vay vốn tín dụng này sẽ khắc phục các nhược điểm của các loại hình cho vay vốn khác, nghĩa là bớt các thủ tục phiền hà, tiêu cực từ phía cho vay. Ngoài ra, các trang trại phát triển sản xuất kinh doanh còn được vay vốn tín dụng thương mại của các ngân hàng thương mại quốc doanh, hiện theo quy định tại Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg, ngày 30-3-1999 của Thủ tướng Chính phủ về “một số chính sách tín dụng ngân hàng phát triển nông nghiệp, nông thôn”. Thực hiện tốt chủ trương vay vốn này sẽ tạo điều kiện cho các chủ trang trại có đủ nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng gắn trách nhiệm việc bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn vay nhằm đáp ứng thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Quyết định số 21, ngày 26/02.2002 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chính sách phát triển kinh tế trang trại nói rõ: Các chủ trang trại được vay đến 20 triệu đồng, riêng trang trại sản xuất giống thủy sản được vay đến dưới 50 triệu

đồng không phải thế chấp tài sản, chi nộp kèm theo đơn xin vay vốn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn về diện tích đất sử dụng không có tranh chấp.

Thực tế khảo sát 602 chủ trang trại cho thấy, việc các chủ trang trại tự bỏ vốn là 81,8%; còn vốn vay ngân hàng chỉ chiếm 8,6%; còn lại là các nguồn vốn khác. Trong khi đó, nguyện vọng của các chủ trang trại được vay vốn của nhà nước để phát triển trang trại tới 87,4%, số không có nhu cầu vay chỉ là 12,6%. Tại sao nguyện vọng thì nhiều nhưng số vay lại ít? Vì đất chưa được cấp sổ cho nên không thể thế chấp, thủ tục vay đối với các chủ trang trại còn khó khăn. Tình cần có nguồn vốn ưu đãi, thông thoáng khi cho vay, tăng mức vay và thời hạn vay, lãi suất thấp, giải quyết cho vay kịp thời để đồng vốn sớm đến tay các chủ trang trại, phát huy hiệu quả tốt hơn.

II.4. Về phát triển nguồn nhân lực

Đối với nguồn nhân lực của trang trại có hai đối tượng là chủ trang trại và người lao động. Qua khảo sát 602 trang trại, các chủ trang trại có trình độ học vấn tiểu học và trung học cơ sở là 449 chiếm 74,58%, trung học phổ thông là 146 chiếm 25,42%; đại đa số chủ trang trại chưa được đào tạo chuyên môn, chỉ có 18,6% được đào tạo từ sơ cấp đến đại học (sơ cấp 12,1%; trung cấp 4,7%; CĐ, ĐH 1,8%); chủ trang trại là nông dân 523/602 chiếm 86,87%. Như vậy học vấn và chuyên môn của các chủ trang trại chưa cao, trong khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự nhanh nhạy, khả năng tiếp thu công nghệ mới ngày càng cao. Việc đào tạo, bồi dưỡng cho các chủ trang trại là rất cần thiết.

Về người lao động, số lao động chính trong gia đình và lao động thuê thường xuyên là 1.879, trong đó có 46 lao động chưa tốt nghiệp tiểu học, chiếm 2,4%; mới tốt nghiệp tiểu học có 629 lao động, chiếm 33,5%; tốt nghiệp trung học cơ sở có 768 lao động, chiếm 40,9%; tốt nghiệp trung học phổ thông có 436 lao động, chiếm 23,2%. Hầu hết người lao động (1.637/1879 lao động chiếm 87,1%) chưa qua lớp đào tạo chuyên môn nào.

Trong thực tế cho thấy các chủ trang trại sản xuất kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển thường là những chủ trang trại có trình độ học vấn, chuyên môn, hiểu biết, nhạy bén với thị trường.

Quyết định số 21, ngày 26/02.2002 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chính sách phát triển kinh tế trang trại nói rõ: Chủ trang trại và người lao động làm việc trong các trang trại được hỗ trợ học nghề thông qua các chương trình đào tạo nghề, chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo chính sách cụ thể của chương trình.

Qua khảo sát, chính sách này chưa đến được chủ trang trại và lao động làm việc trong các trang trại.

Do vậy cần giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

- Nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ

thuật của chủ trang trại bằng cách tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các chủ trang trại hiện có, các chủ hộ gia đình, những người muốn trở thành chủ trang trại, những cán bộ ở cơ sở trực tiếp quản lý các trang trại.

Nội dung bồi dưỡng là những vấn đề chung về kinh tế trang trại như vai trò, vị trí, lợi ích, xu hướng phát triển, các chủ trương, đường lối, chính sách, về phát triển kinh tế trang trại. Đặc biệt là kiến thức về quản trị kinh doanh như xác định phương hướng sản xuất kinh doanh, tổ chức sử dụng các yếu tố của sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, hạch toán kế toán; các kiến thức về khoa học kỹ thuật; hướng dẫn hợp đồng thuê mướn lao động...

Về hình thức bồi dưỡng, do đối tượng, trình độ, nhu cầu khác nhau cho nên hình thức bồi dưỡng cũng cần có sự khác nhau như mở lớp tại cơ sở, tham quan, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng nghiệp vụ...

Huy động các trường nghiệp vụ, các tổ chức ngành nghề, hội nông dân, câu lạc bộ trang trại tham gia bồi dưỡng.

Về kinh phí đào tạo, bước đầu kết hợp ngân sách nhà nước cng với kinh phí do hội nông dân, trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và một phần đóng góp của chủ trang trại.

- Đối với lao động gia đình của trang trại, đây là lực lượng được chủ trang trại tin tưởng và kế thừa cho nên lực lượng này cần phải được bồi dưỡng để có trình độ về quản lý, khoa học kỹ thuật, kế toán tài chính, tiếp cận thông tin thị trường... Về lâu dài họ có thể theo học các lớp chính quy..

- Đối với lao động làm thuê, tình cần có chính sách mở rộng diện đào tạo nghề cho số mới đến tuổi bước vào lao động. Số đã đi làm nhưng chưa qua đào tạo, khuyến khích các chủ trang trại tự bồi dưỡng cho lao động làm thuê của mình có sự hỗ trợ của các đoàn thể, hội nghề nghiệp...

Tóm lại, nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ thuật của chủ trang trại, đồng thời tổ chức đào tạo nghề phù hợp cho bộ phận lao động làm thuê là đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II.5. Về thị trường

Thị trường tiêu thụ là điều kiện sống còn của các trang trại, nếu sản phẩm làm ra không bán được, bán lỗ thì dẫn đến triệt tiêu sản xuất. Thực tế đã cho thấy việc trồng chuối ở Diên Khánh, cà phê ở Khánh Sơn, tôm, cá mấy năm trước bị thất bại do quy luật khắc nghiệt của cơ chế thị trường.

Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại xác định rõ: Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tốt việc cung cấp thông tin thị trường, khuyến cáo khoa học kỹ thuật, giúp trang trại định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Nhà nước hỗ trợ việc đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các cơ sở công nghiệp chế biến ở các vùng tập trung, chuyên canh; hướng dẫn việc ký kết hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích các

thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp chế biến nông sản và tiêu thụ nông sản hàng hóa của trang trại và nông dân trên địa bàn. Nhà nước khuyến khích phát triển chợ nông thôn, các trung tâm giao dịch mua bán nông sản và vật tư nông nghiệp. Tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận và tham gia các chương trình, dự án hợp tác, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Đẩy mạnh sự liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp nhà nước với hợp tác xã, chủ trang trại, hộ nông dân. Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích chủ trang trại xuất khẩu trực tiếp sản phẩm của mình và sản phẩm mua gom của trang trại khác, của các hộ nông dân và nhập khẩu vật tư nông nghiệp.

Để cho kinh tế trang trại phát triển tinh cần thực hiện tốt các chính sách trên, tạo ra một thị trường ổn định với những việc làm cụ thể sau:

- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm khai thác thông tin phục vụ cho việc phát triển kinh tế trang trại.

- Nắm và điều tiết có hiệu quả đầu vào của các trang trại. Dự báo những nhu cầu nhập khẩu vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật... chống sự lũng đoạn thị trường, đầu cơ, buôn lậu, ép giá...

- Tổ chức hệ thống các kênh lưu thông nông sản của nhà nước bên cạnh tư thương để có thể chủ động điều tiết sự lưu thông giúp điều hòa nông phẩm đầu ra cho các trang trại. Khi có khó khăn về tiêu thụ nông sản có thể can thiệp như trợ giá, giúp vốn...

- Khuyến khích sự liên kết, hợp tác thành lập các hợp tác xã, các xí nghiệp vừa và nhỏ bảo quản, chế biến nông sản làm tăng giá trị sản phẩm, kéo dài thời gian tiêu thụ. Gắn kết các trang trại sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến bằng các hợp đồng đầu tư sản xuất, bao tiêu sản phẩm tạo thế ổn định thị trường cho các trang trại.

Tóm lại, Nhà nước tăng cường hỗ trợ trang trại tiếp cận thị trường, tiêu thụ nông sản hàng hóa, cung cấp những thông tin, dự báo thị trường trong và ngoài nước, mở rộng thông tin kinh tế, tăng khả năng tiếp thị để các chủ trang trại có điều kiện hiểu cung cầu trên thị trường, cung cấp thông tin giá cả, khuyến cáo khoa học-kỹ thuật giúp chủ trang trại định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước...

Nhà nước cần tập trung sức xây dựng mới, mở rộng và nâng cấp các doanh nghiệp công nghiệp chế biến ở những vùng chuyên canh lớn, tổ chức hệ thống các kênh lưu thông nông sản. Nhà nước không chỉ đầu tư hỗ trợ mà có vai trò tổ chức, điều tiết lợi ích giữa trang trại và các tổ chức thương mại. Đa dạng hóa các hình thức liên kết giữa thương nghiệp nhà nước với các thành phần kinh tế, giữa các viện nghiên cứu với cơ sở, gắn việc ký kết hợp đồng cung ứng vật tư với bao tiêu sản phẩm nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế. Nhà nước khuyến khích phát triển chợ nông thôn, các trung tâm giao dịch mua bán nông sản và vật tư nông nghiệp. Khắc phục tình trạng thả nổi thị trường nông thôn, tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận tham gia các chương

trình, dự án hợp tác, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích các chủ trang trại xuất khẩu trực tiếp sản phẩm hàng hóa của mình và sản phẩm mua gom của các trang trại khác, của các hộ nông dân và nhập khẩu vật tư nông nghiệp. Nhà nước khuyến khích các đơn vị sản xuất công nghiệp bán hàng trả chậm, trả góp không tính lãi máy móc, công cụ, vật tư nông nghiệp cho các chủ trang trại.

II.6. Về khoa học-công nghệ

Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại xác định rõ: ...các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy hoạch đầu tư phát triển các vườn ươm giống cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp và các cơ sở sản xuất con giống (chăn nuôi, thủy sản) hoặc hỗ trợ một số trang trại có điều kiện sản xuất giống để bảo đảm đủ giống tốt, giống có chất lượng cao cung cấp cho các trang trại và cho hộ nông dân trong vùng. Khuyến khích chủ trang trại góp vốn vào Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, liên kết với cơ sở khoa học, đào tạo, chuyên giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật áp dụng vào trang trại và làm dịch vụ kỹ thuật cho nông dân trong vùng.

Trên cơ sở chính sách của Trung ương, tỉnh cần lựa chọn những công nghệ sinh học tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh để đưa vào ứng dụng do kinh phí ngân sách đài thọ.

- Lựa chọn và tạo giống mới, chú ý những giống mà thị trường ưa thích. Kiểm soát được nguồn gốc, lý lịch cây, con giống, tránh tình trạng kinh doanh giống dỏm, giả, chất lượng xấu.

- Áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, cơ giới hóa các khâu, chủ động lựa chọn phương thức tưới tiêu, chăm sóc phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại.

Tóm lại, cần nâng cao trình độ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ ở các trang trại. Trang trại là nơi sản xuất nông sản hàng hóa nên phải có khả năng cạnh tranh cao. Vì vậy phải nâng cao trình độ ứng dụng KH&CN: ứng dụng các phương pháp tưới tiêu khoa học, tiết kiệm nước; hướng dẫn trang trại áp dụng các tiến bộ về ươm, nhân giống cây trồng, vật nuôi, bảo quản sản phẩm, áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến có quy mô vừa và nhỏ, sử dụng máy móc phù hợp để làm đất, vận chuyển, bơm nước...Tổ chức tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để hỗ trợ các trang trại áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất. như khâu làm đất phải cơ giới hóa; chọn giống tốt; đủ nước tưới và phân bón; bảo vệ thực vật (thực hiện chương trình IPM); bảo quản, chế biến sau thu hoạch; nguồn thức ăn và phòng trừ nguồn phát sinh, lây nhiễm bệnh

Đây là giải pháp vừa có tính cấp bách trước mắt, vừa có ý nghĩa lâu dài để đảm bảo cho kinh tế trang trại phát triển ổn định, đạt hiệu quả cao. Hiện tượng trồng cây ăn quả sau ba bốn năm không có trái, nuôi tôm bị dính mầm bệnh, ... là những cảnh báo cho sự thận trọng trong áp dụng tiến bộ khoa học-công nghệ

vào nông nghiệp. Để tránh cho các trang trại không phải trả giá cho những sai lầm do khoa học-công nghệ gây ra cần đầu tư thỏa đáng từ ngân sách cho việc phát triển công nghệ sinh học để tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi có phẩm chất tốt, sản phẩm chất lượng cao, tìm ra và áp dụng công nghệ mới trong canh tác và chế biến.

Khuyến khích các hình thức liên kết giữa bốn nhà: Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông hợp tác trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học-công nghệ nông nghiệp. Các chủ trang trại được chuyển giao tiến bộ KHKT, được đầu tư KHCN.

II.7. Về thuế

Kinh tế trang trại là loại hình sản xuất đang được khuyến khích, vì vậy giải pháp về thuế là:

- Đối với các trang trại có sang nhượng đất đai trước đây mà chủ cũ chưa có giấy CNQSD đất, nay hợp thức hóa thì được miễn thu tiền đất.

- Khi chủ trang trại đào ao thả cá, xây dựng chuồng trại nuôi lợn, bò...đào đắp kênh mương thủy lợi không phải nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất.

- Khi chủ trang trại cải tạo vườn tạp, chuyển từ đất rừng sang trồng cây ăn trái hay cây công nghiệp không phải chịu thuế, tặng thuế...

Tóm lại, để tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu phát triển kinh tế trang trại ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, bãi bồi, đầm, vịnh, phá ven biển cần thực hiện miễn thuế thu nhập với thời gian tối đa theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP, ngày 8-7-1999 của Chính phủ.

Cùng với chính sách miễn thuế thu nhập, các trang trại được miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi thuê đất trồng, đồi núi trọc, đất hoang hóa để trồng rừng sản xuất, trồng cây lâu năm, hoặc thuê diện tích ở các vùng nước tự nhiên chưa có đầu tư cải tạo vào mục đích sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Có chính sách ưu đãi về thuế để nhập khẩu những sản phẩm cơ khí phục vụ cho nông, lâm, ngư nghiệp mà trong nước sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu hoặc giá trị sử dụng thấp. Các chủ trang trại xây dựng các công trình thủy lợi, sử dụng mặt nước, nước ngầm trong phạm vi trang trại theo quy hoạch không phải nộp thuế tài nguyên nước.

Nhà nước cần có chính sách ưu đãi, trong đó có chính sách thuế nhằm kích thích kinh tế trang trại phát triển.

II.8. Về phát triển công nghiệp chế biến nông sản

Coi trọng việc phát triển các trang trại theo hướng hình thành vùng nguyên liệu tương đối tập trung; lựa chọn hướng phát triển công nghiệp chế biến phù hợp với từng vùng, từng loại hình nông sản nguyên liệu và phù hợp với yêu cầu thị trường tiêu thụ, lựa chọn mô hình phù hợp để thực hiện việc liên kết giữa các nhóm chủ thể kinh doanh gồm các trang trại, công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm; kết hợp giữa chế biến tập trung trong nhà máy với chế biến thủ công trong các gia đình. Tránh tình trạng không có nguyên liệu lại

xây dựng nhà máy, có nguyên liệu ít nhưng xây dựng nhà máy lớn hoặc ngược lại có nguyên liệu nhưng không có nhà máy chế biến bảo quản.

II.9. Về quy hoạch vùng, ngành phát triển kinh tế trang trại

Đề trang trại phát triển tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, hình thành các vùng sản xuất tập trung, tạo ra khả năng cạnh tranh mới, khắc phục tình trạng phát triển tự phát tình cần rà soát lại quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, xác định các vùng phát triển trang trại. Xác định phương hướng phát triển các loại cây trồng vật nuôi phù hợp với lợi thế đất đai, khí hậu của mỗi vùng, ngành và có tính đến khả năng tiêu thụ sản phẩm. Quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước, cơ sở công nghiệp chế biến, cơ sở sản xuất, cung ứng giống cây, con...đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển của sản xuất trang trại.

II.10. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế trang trại

- Xác lập vai trò của kinh tế trang trại, tạo khung pháp lý thông thoáng, bảo hộ quyền lợi chính đáng của trang trại, để các chủ trang trại yên tâm, phấn khởi đầu tư vào phát triển trang trại.

- Lập quy hoạch chi tiết đến tận huyện, thị, thành phố, xã, phường, thị trấn và được thông báo, niêm yết công khai để nhân dân được biết và giám sát.

- Kiểm tra thường xuyên và ngăn chặn kịp thời những thiếu sót, tồn tại, khuyết điểm xảy ra trong quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại.

Tóm lại, cần có sự chấn chỉnh, tăng cường vai trò quản lý nhà nước hơn nữa ngay từ cấp cơ sở, tạo sự công bằng trong sản xuất kinh doanh, khuyến khích được mặt tích cực và hạn chế những tồn tại, yếu kém của hình thức kinh tế trang trại này, khắc phục tình trạng phát triển mang tính tự phát. Hiện nay nhiều cơ sở không nắm được tại xã mình có bao nhiêu trang trại, có cơ quan chức năng về quản lý nhà nước không biết địa bàn mình đã có bao nhiêu trang trại. Cần có sự quản lý thống nhất và phù hợp đối với từng loại hình trang trại. Tránh tình trạng mỗi cơ quan có một số liệu khác nhau về kinh tế trang trại.

II.11. Giải pháp về cơ chế chính sách.

II.11.1. Đối với một số sở, ban, ngành

- Hệ thống thông tin nhất là Đài Phát thanh-Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Hội nông dân các cấp cần triển khai rộng rãi Nghị quyết 03/2000/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết 21 của tỉnh về Chính sách phát triển kinh tế trang trại, Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai đến tới người dân, nhất là đối với những hộ gia đình có khả năng lập trang trại; thông tin về thị trường...

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng với Sở Thủy sản,... cụ thể hóa nội dung các chính sách, các quy định cho từng vùng, từng loại hình trang trại để người dân xác định được nên phát triển loại hình trang trại nào.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thủy sản, Sở Tài nguyên và Môi trường... tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch vùng, ngành phát triển kinh tế trang trại, trên cơ sở đó nhà nước kết hợp với các chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, thủy lợi, điện... chú ý đến vệ sinh môi trường và phát triển nền nông nghiệp bền vững.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng với Sở Thủy sản tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng lại tiêu chí trang trại cho phù hợp với thực tế của tỉnh.

- Cục Thống kê tỉnh chủ trì cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thủy sản, Sở Tài nguyên và Môi trường ... rà soát lại các trang trại và chi công nhận những cơ sở đủ điều kiện.

- Cấp giấy chứng nhận trang trại cho các chủ trang trại có đủ tiêu chí nhưng phải liên tục được đầu tư, phát triển ổn định trong ít nhất 3 năm trở lên, phải là người sản xuất hàng hóa.

Qua trung cầu có tới 90% ý kiến cần cấp giấy chứng nhận trang trại và gần 70% ý kiến cho rằng cấp huyện cấp giấy chứng nhận là phù hợp. Trên cơ sở đó, đề nghị giao cho cấp huyện cấp giấy chứng nhận trang trại và chủ trang trại được hưởng một số chính sách ưu đãi theo quy định.

- Thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế trang trại của Chính phủ, của tỉnh một cách thống nhất và đồng bộ.

- Hội nông dân, Trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư... tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các chủ trang trại và người lao động.

II.11.2. Đối với các trang trại

- Được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại, nhất là nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

- Được tổ chức tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm để hỗ trợ cho các trang trại áp dụng nhanh tiến bộ KHKT nhất là giống cây trồng, vật nuôi đa dạng về chủng loại để đạt năng suất, chất lượng sản phẩm cao hơn.

- Được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện để chủ trang trại và người lao động nâng cao trình độ quản lý, sử dụng lao động và ứng dụng KHKT vào phát triển kinh tế trang trại.

- Được cung cấp thông tin thị trường, giới thiệu các cơ sở chế biến để chủ trang trại có thể ký kết hợp đồng cung ứng và tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Có trách nhiệm thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các chủ trương, chính sách.

NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

I. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

I.1. Một số vấn đề chung

Đứng trước khó khăn, làm thế nào để các trang trại trong tỉnh ổn định sản xuất, đứng vững, có thu nhập đạt được giá trị quy định là một trang trại.

Trước hết, cần rà soát, quy hoạch lại các vùng phát triển kinh tế trang trại và nhanh chóng xây dựng kết cấu hạ tầng: giao thông, thủy lợi, điện, nước, cơ sở chế biến sau khi thu hoạch. Tiếp đó là việc tổ chức, hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cho các chủ trang trại. Hướng dẫn chủ trang trại xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm.

Kinh tế trang trại trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản là một thế mạnh của Khánh Hòa, mang lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng cũng mang tính rủi ro cao. Để phát triển mạnh, ổn định kinh tế trang trại trong lĩnh vực này, cần phải sớm quy hoạch chi tiết cho từng vùng nuôi trồng, có biện pháp bảo vệ môi trường và hướng dẫn cho các chủ trang trại cách phòng chống dịch bệnh nhằm bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững và lâu dài.

Cần phải chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn và có chính sách đầu tư vốn, công nghệ... cho việc phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Sơn và Khánh Vĩnh vì ở đây đất đai, lao động, điều kiện phát triển kinh tế trang trại có nhiều.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một yếu tố hết sức quan trọng, là tiền đề cho các chủ trang trại mạnh dạn đầu tư, nhưng đến cuối năm 2004 mới chỉ có 463,7 ha/ 1.322,7 ha chiếm 35,1% số diện tích đất của các chủ trang trại được cấp giấy chứng nhận. Việc vay vốn ở các ngân hàng để đầu tư phát triển trang trại cũng còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự kìm hãm các trang trại phát triển. Ngoài ra, việc chọn ra mô hình kinh tế trang trại: nuôi con gì, trồng cây gì để sản xuất kinh doanh có hiệu quả cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế trang trại.

Để phát triển kinh tế trang trại một cách bền vững, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, một số vấn đề cần được giải quyết ổn định, lâu dài, đó là việc giao đất và cho thuê đất, nhiều chủ trang trại vẫn còn băn khoăn chưa thật sự yên tâm đầu tư phát triển sản xuất; đó là việc phát triển trang trại chưa gắn với quy hoạch vùng, ngành sản xuất vì thế thiếu sự gắn bó giữa trang trại với sự hình thành các vùng sản xuất tập trung và định hướng phát triển chung của vùng, ngành; hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, nước, thông tin liên lạc, thị trường kém phát triển, nhất là vùng sâu, vùng xa, nên trang trại chưa góp phần tích cực phát huy được đầy đủ sức mạnh kinh tế của vùng, ngành. Phần lớn các trang trại mới chủ yếu tập trung mở rộng diện tích, áp dụng kỹ thuật truyền thống mà chưa quan tâm cao tới việc áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật như khâu làm đất phải cơ giới hóa; chọn giống tốt; đủ nước tưới và phân bón; bảo vệ thực vật (thực hiện chương trình IPM); bảo quản, chế biến sau thu hoạch; nguồn thức ăn và phòng trừ nguồn phát sinh, lây nhiễm bệnh... nên năng suất, chất lượng sản phẩm làm

ra chưa cao. Một số chủ trang trại chưa nắm bắt kịp thời yêu cầu của thị trường để định hướng sản xuất nên sản phẩm làm ra có lúc khó tiêu thụ, hiệu quả chưa cao. Một số chủ trang trại lại thiếu kinh nghiệm quản lý, làm ăn không tính toán kỹ, nên khi gặp thiên tai, rủi ro về thị trường, bị thua lỗ, nợ nần, thậm chí bị phá sản. trong khi đó Nhà nước chưa có biện pháp hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả...

I.2. Một số vấn đề cụ thể.

- Qui hoạch vùng phát triển trang trại, xác định các loại cây trồng vật nuôi phù hợp với lợi thế đất đai khí hậu của mỗi vùng và có tính đến khả năng tiêu thụ sản phẩm. Các trang trại trồng xoài ở Cam Ranh là mô hình cần được ưu tiên phát triển vì nó phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở đây. Cây cà phê ở Khánh Sơn cần phải xem xét vì không thực sự thích hợp với điều kiện khí hậu thời tiết. Huyện Khánh Sơn có thể phát triển các trang trại trồng mía tím nhưng cần có sự hỗ trợ của nhà nước về vốn đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Các trang trại trồng mía ở Cam Ranh, Ninh Hòa cần giúp đỡ tạo điều kiện phát triển để cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy đường của tỉnh. TX Cam Ranh và các huyện Ninh Hòa, Vạn Ninh cần đầu tư phát triển các trang trại nuôi trồng thủy sản.

- Qui hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông, cung cấp điện . . . đảm bảo cung ứng tốt các yêu cầu phát triển sản xuất của trang trại. Các trang trại trồng trọt, chăn nuôi trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn về nguồn nước tưới và đường giao thông để vận chuyển tiêu thụ sản phẩm.

- Tiến hành giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận trang trại để xác định địa vị pháp lý, làm cơ sở để các trang trại có thể hưởng các chế độ ưu tiên của nhà nước về vay vốn ngân hàng, miễn giảm thuế ... và để các trang trại định hướng sản xuất ổn định lâu dài.

- Nâng cao trình độ ứng dụng khoa học công nghệ ở các trang trại. Mở rộng và phát triển đều khắp mạng lưới hoạt động khuyến nông, khuyến ngư. Các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư mở các lớp tập huấn kỹ thuật hoặc có đội ngũ cán bộ khoa học trực tiếp hướng dẫn giúp đỡ, chuyển giao công nghệ mới để các trang trại ứng dụng trong sản xuất, bảo quản sản phẩm. Đồng thời, dựa vào các chủ trang trại để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến các hộ nông dân trong vùng. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, xử lý kịp thời những trường hợp buôn bán hàng giả, kém chất lượng để giúp các chủ trang trại phát triển sản xuất có hiệu quả, hạn chế rủi ro.

- Hỗ trợ trang trại tiếp cận với thị trường và tiêu thụ nông thủy sản hàng hoá. Tuyên truyền, hướng dẫn và giúp đỡ xây dựng các câu lạc bộ trang trại: nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi. Thực hiện liên kết giữa các câu lạc bộ trang trại với các doanh nghiệp để phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn các cơ sở công nghiệp chế biến ký kết các hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông thủy sản hàng hóa với các chủ trang trại.

- Nâng cao năng lực quản lý của chủ trang trại và nâng cao tay nghề của người lao động. Thông qua điều tra, số chủ trang trại và lao động tham gia sản xuất

trong trang trại có trình độ chuyên môn rất thấp. Do vậy, cần phải đào tạo nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn cho lao động trang trại. Thông qua tổng kết, tổ chức tham quan các trang trại quản lý kinh doanh giỏi để học tập lẫn nhau và tổ chức những lớp tập trung bồi dưỡng những kiến thức về khoa học và quản lý. Các trường, trung tâm dạy nghề phối hợp với các tổ chức khuyến nông, khuyến ngư, các tổ chức quần chúng, hội nghề nghiệp... hỗ trợ các trang trại đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại và phải có kế hoạch tuyên truyền rộng rãi đến các chủ trang trại và những người nông dân. Có như vậy, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước mới đi vào thực tiễn. Đó là các chính sách hỗ trợ vay vốn, miễn giảm tiền thuê đất, miễn giảm thuế ...

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với kinh tế trang trại. UBND các địa phương tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra đối với kinh tế trang trại, đảm bảo cho các chủ trang trại thực hiện đầy đủ qui trình kỹ thuật canh tác bảo vệ và làm giàu đất, bảo vệ môi trường; thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước theo pháp luật. Đồng thời, bảo vệ quyền lợi chính đáng của chủ trang trại về tài sản và các lợi ích khác. Tổ chức tổng kết kinh nghiệm các mô hình trang trại tiên tiến để tuyên truyền phổ biến tham quan học tập lẫn nhau. Khen thưởng kịp thời những trang trại sản xuất kinh doanh giỏi, tạo được nhiều việc làm, hỗ trợ nhiều hộ nghèo đói khó khăn vươn lên sản xuất, ổn định cuộc sống.

- Nghị quyết 03/2000/NQ-CP ngày 02-02-2000 của Chính phủ, được UBND tỉnh cụ thể hóa bằng Quyết định số 21 ngày 26-02-2002 về chính sách phát triển kinh tế trang trại, đến nay có những vấn đề không còn phù hợp nữa, ví dụ như tiêu chí trang trại, vấn đề đất đai, vấn đề vốn vay.... Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh có sự sửa đổi, bổ sung hoặc ra quyết định mới thay thế cho phù hợp hơn.

Với những chính sách cởi mở và sự hỗ trợ tích cực của nhà nước, quyết tâm cao và sự năng động sáng tạo của các chủ trang trại, chắc chắn kinh tế trang trại sẽ có bước phát triển mới góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới ở các địa phương trong tỉnh.

II. KẾT LUẬN.

Đề tài "Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa" là một đề tài khó vì các trang trại rất đa dạng và phong phú về loại hình, đang trong quá trình vận động, chưa ổn định. Theo tiêu chí năm nay là trang trại, năm sau lại không. Nếu chỉ căn cứ vào tiêu chí về diện tích thì có nhiều hộ nông dân có đủ diện tích, nhưng họ lại không đầu tư, không phát triển, không phải là người sản xuất hàng hóa.

Khánh Hòa là tỉnh có tiềm năng dồi dào để phát triển kinh tế trang trại và hoàn toàn có khả năng phát triển trang trại gia đình, tạo điều kiện đưa nông thôn, nông nghiệp, nông dân đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trên cơ sở khảo sát 602 trang trại, đề tài đã đánh giá thực trạng kinh tế trang trại của tỉnh Khánh Hòa có sự so sánh với với một số tỉnh, thành phố khác như Bình Thuận và TP Hồ Chí Minh và bình quân chung trên cả nước. Qua đó đưa ra định hướng phát triển, một số giải pháp chủ yếu và kiến nghị một số vấn đề cần quan tâm để kinh tế trang trại của tỉnh phát triển mạnh mẽ, bền vững trong thời gian tới.

Thời gian thực hiện đề tài rất ngắn từ tháng 11 năm 2004 đến tháng 11 năm 2005, vì vậy không sao tránh khỏi những hạn chế nhất định. Song nhóm tác giả đã có rất nhiều cố gắng. Với kết quả nghiên cứu trên đây nhóm tác giả chúng tôi hy vọng được cơ quan chủ quản đề tài phổ biến ứng dụng nhằm đưa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao đời sống của nông dân, xóa đói, giảm nghèo tiến tới giàu có, rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu để hoàn thành đề tài, chúng tôi đã nhận được sự cộng tác nhiệt tình của nhiều cơ quan, ban ngành trong, ngoài tỉnh và cá nhân, các chủ trang trại các nhà quản lý giàu kinh nghiệm đã giúp cho tập thể tác giả thực hiện tốt nội dung và yêu cầu của đề tài. Tập thể nhóm nghiên cứu đề tài xin chân thành cảm ơn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Thành Buông: Phát triển kinh tế trang trại ở Đồng Nai: thực trạng và giải pháp.
2. Nguyễn Sinh Cúc: Những giải pháp khuyến khích đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010.
3. Nguyễn Điền: Kinh tế trang trại nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển nước ta. Tạp chí Thông tin lý luận số 1-2000.
4. Trần Đức: Phát triển mạnh mẽ kinh tế trang trại và tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Tạp chí Thông tin lý luận số 5(267) tháng 5-2000.
5. Võ Văn Đức: Tiêu thụ sản phẩm-một giải pháp cơ bản phát triển kinh tế trang trại ở các tỉnh Tây Bắc. Tạp chí Lý luận chính trị; số 12-2003.
6. Như Hùng: Bước đột phá trong phát triển kinh tế trang trại ở Trà Vinh. Tạp chí Cộng sản số 29 tháng 10-2003.
7. GS,TS Nguyễn Đình Hương: Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2000.
8. TS Trần Kiên-Phúc Kỳ: Làm giàu bằng kinh tế trang trại. Nhà xuất bản Thanh niên 2000.
9. Lê Thị Kim Ngân: Đề đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hoá. Tạp chí Cộng sản số 34 tháng 12-2003.
10. Đường Vinh Sương: Chính sách thuế đối với kinh tế trang trại: những khó khăn vướng mắc và giải pháp tháo gỡ. Tạp chí Nghiên cứu Lý luận số 11-1999.
11. Nguyễn Thị Thơm: Kinh tế trang trại ở Bình Thuận và những vấn đề cần giải quyết. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 3(298) tháng 3-2003.
12. Đỗ Xuân Trường: Góp phần khẳng định vai trò của tín dụng ngân hàng trong phát triển kinh tế trang trại ở nước ta. Tạp chí Cộng sản số 28 tháng 10-2002.
13. Nguyễn Trọng Xuân: Nuôi trồng, khai thác và định hướng phát triển thủy sản ven biển Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 9(304) tháng 9-2003.
14. UBND tỉnh Khánh Hòa: Nông thôn, nông nghiệp, thủy sản tỉnh Khánh Hòa năm 2001(Báo cáo phân tích kết quả tổng điều tra nông thôn nông nghiệp thủy sản năm 2001).
15. Cục thống kê Khánh Hòa: Báo cáo tình hình trang trại, hợp tác xã tỉnh Khánh Hòa năm 2004.
16. Báo cáo của Cục hợp tác xã ngày 6/5/2004 sơ kết 4 năm thực hiện

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại.

17. Báo cáo của Ban Chấp hành Hội nông dân Việt Nam ngày 10/12/2004 về sự phát triển kinh tế trang trại và doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn những năm qua.

PHỤ LỤC

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỈNH:
"ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TRANG TRẠI Ở KHÁNH HÒA".**

I- TIÊU CHÍ TRANG TRẠI.

Trên cơ sở đặc trưng của kinh tế trang trại, việc xác định các tiêu chí phải dựa vào cả mặt định tính cũng như định lượng.

Về định tính, tiêu chí trang trại biểu hiện đặc trưng cơ bản của trang trại là sản xuất hàng hóa.

Về định lượng, tiêu chí trang trại thể hiện thông qua các chỉ số cụ thể, nhằm để nhận dạng, phân biệt loại cơ sở sản xuất nào được coi là trang trại, loại cơ sở nào không phải là trang trại và để phân loại giữa các loại trang trại với nhau về quy mô.

Các loại chỉ số cụ thể chủ yếu thường dùng để xác định tiêu chí định lượng của trang trại là tỷ suất hàng hóa, khối lượng và giá trị sản lượng nông sản hàng hóa, và các chỉ số phụ, bổ sung thường dùng là quy mô đất trồng trọt, số đầu gia súc, gia cầm chăn nuôi, quy mô vốn đầu tư, quy mô lao động sử dụng, thu nhập trên đơn vị đất đai...

Tuy nhiên, trong thực tế thường chỉ chọn 1-2 chỉ số tiêu biểu nhất chỉ rõ được, lượng hóa được đặc trưng cơ bản nhất của trang trại và dễ nhận biết.

Tiêu chí nhận dạng trang trại.

Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT và Tổng cục Thống kê hướng dẫn tiêu chí về kinh tế trang trại. UBND tỉnh Khánh Hòa ra quyết định số 21/2002/QĐ-UB, ngày 26/02/2002 Ban hành chính sách phát triển kinh tế trang trại tại Khánh Hòa đã cụ thể hóa tiêu chí nhận dạng trang trại ở Khánh Hòa phải đạt được một trong hai chỉ tiêu sau:

1- Giá trị sản lượng hàng hoá nông, lâm, ngư nghiệp đạt bình quân 1 năm từ 40 triệu đồng trở lên.

2- Quy mô sản xuất:

a- Đối với trang trại trồng trọt:

- Trang trại trồng cây hàng năm: có diện tích đất trồng cây hàng năm từ 2 ha trở lên.

- Trang trại trồng cây lâu năm: có diện tích đất trồng cây lâu năm từ 3 ha trở lên.

- Trang trại lâm nghiệp: có diện tích rừng trồng, khoanh nuôi bảo vệ rừng tự nhiên từ 10 ha trở lên.

b- Đối với trang trại chăn nuôi:

- Trang trại chăn nuôi bò:

+ Chăn nuôi bò thịt: có thường xuyên 50 con trở lên.

+ Chăn nuôi bò sữa: có thường xuyên 10 con.

- Trang trại chăn nuôi gia súc:

+ Nuôi heo sinh sản: có thường xuyên 20 con nái trở lên.

+ Nuôi heo lấy thịt: có thường xuyên 100 con trở lên.

+ Chăn nuôi dê, cừu sinh sản: có thường xuyên 100 con trở lên.

+ Chăn nuôi dê, cừu lấy thịt: có thường xuyên 200 con trở lên.

- Chăn nuôi gia cầm: có thường xuyên 2.000 con trở lên, riêng nuôi chim cú có thường xuyên 10.000 con trở lên.

c- Trang trại nuôi trồng thủy sản:

- Diện tích mặt nước nuôi tôm, cá thịt:

+ Nuôi thâm canh có từ 01 ha trở lên;

+ Nuôi bán thâm canh có từ 02 ha trở lên.

- Trại sản xuất tôm giống: có sản lượng tôm giống đạt 10 triệu con/ năm.

- Nuôi tôm hùm lồng: có thường xuyên 15 lồng trở lên.

II- CÁC BIỂU BẢNG

Biểu số: 01

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA TRANG TRẠI TRỒNG TRỌT HÀNG NĂM

	Tổng số	Chia ra			
		Vạn Ninh	Ninh Hòa	Khánh Vĩnh	Diên Khánh
Tổng số trang trại	110	2	78	28	2
1. Giới tính chủ TT	110	2	78	28	2
+ Nam	101	2	72	25	2
+ Nữ	9	0	6	3	0
2. Thành phần chủ TT	110	2	78	28	2
+ Nông dân	110	2	78	28	2
3. Dân tộc	110	2	78	28	2
+ Kinh	103	2	78	21	2

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

+ Trìn	7			7	
4. Năm thành lập TT	110	2	78	28	2
+ 1990 trở về trước	7		7		
+ 1991-1995	16		16		
+ 1996-2000	58	1	55		2
+ 2001-2004	29	1		28	
5. Học vấn chủ TT	110	2	78	28	2
+ Không biết chữ, chưa TNTH	4		1	3	
+ TN TH	52		39	13	
+ TN THCS	40		27	11	2
+ TN THPT	14	2	11	1	
6. Chuyên môn chủ TT	110	2	78	28	2
+ Chưa được đào tạo	92	2	66	22	2
+ Sc	14		8	6	
+ TC	3		3		
+ CĐ,ĐH	1		1		
7. Tổng số khẩu trong gia đình	553	9	378	157	9
8. Lao động chính trong gia đình	278	5	193	76	4
9. Học vấn LĐ chính	278	5	193	76	4
+ Không biết chữ, chưa TNTH	13		3	10	
+ TN TH	150	1	103	45	1
+ TN THCS	91		69	19	3
+ TN THPT	24	4	18	2	0
10. Chuyên môn LĐ chính	278	5	193	76	4
+ Chưa được đào tạo	255	5	176	70	4
+ SC	17		12	5	
+ TC	4		3	1	
+ CĐ,ĐH	2		2		
11. LĐ thuê thường xuyên	27		27		
12. Học vấn LĐ thuê TX	27		27		
+ TN TH	19		19		
+ TN THCS	5		5		

+ TN THPT	3		3		
13. Chuyên môn LĐ thuê TX	27		27		
+ Chưa được đào tạo	27		27		
14. Cơ cấu cây trồng (TT)	110	2	78	28	2
+ Mía	108		78	28	2
+ Lúa	2	2			
15. Đất đai hiện có	561,8	9,2	381	134,6	37
16. Đất đã được cấp CNQSD	316,5	8	292	16,5	
17. cơ cấu đất (TT)	110	2	78	28	2
+ Số TT có đến dưới 2 ha	0				
+ Số TT có từ 2 ha trở lên	110	2	78	28	2
18. Nguồn vốn	7.768	90	5.567	1.801	310
+ Vốn tự có	5.922	70	4.089	1.653	110
+ Vốn liên kết	60		10		50
+ Vốn vay ngân hàng	1.120	10	1.027	83	0
+ Vốn vay khác	666	10	441	65	150
19. Tổng thu năm 2004	6.803,0	150	5.051	1.169,0	433
20. Tổng chi năm 2004	4.619,4	82	3.531	599,4	407
21. Thu nhập năm 2004	2.183,6	68	1.520	569,6	26
22. Số TT có lãi	110	2	78	28	2
23. Số TT lãi dưới 40 tr	97	2	67	27	1
24. Số TT lãi từ 40 tr trở lên	13		11	1	1

Biểu số:02.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA TRANG TRẠI TRỒNG TRỌT LÂU NĂM

	Tổng số	Chia ra				
		Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hòa	Khánh Vĩnh	Diên Khánh
Tổng số trang trại	41	8	3	7	18	5
1. Giới tính chủ TT	41	8	3	7	18	5
+ Nam	38	6	3	7	17	5
+ Nữ	3	2	0	0	1	0
2. Thành phần chủ TT	41	8	3	7	18	5

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

+ Nông dân	37	8	2	7	18	2
+ CBCC	0	0	0	0	0	0
+ Khác	4		1			3
3. Dân tộc	41	8	3	7	18	5
+ Kinh	28	8	3	7	5	5
+ Trín	5	0	0	0	5	0
+ Raclay	8	0	0	0	8	0
4. Năm thành lập TT	41	8	3	7	18	5
+ 1990 trở về trước	3	2	1	0	0	0
+ 1991-1995	9	4	0	5	0	0
+ 1996-2000	4	0	1	2	0	1
+ 2001-2004	25	2	1	0	18	4
5. Học vấn chủ TT	41	8	3	7	18	5
+ Không biết chữ, chưa TNTH	11	0	0	0	11	0
+ TN TH	15	3		7	5	
+ TN THCS	7	4	1	0	1	1
+ TN THPT	8	1	2	0	1	4
6. Chuyên môn chủ TT	41	8	3	7	18	5
+ Chưa được đào tạo	34	8	1	7	16	2
+ SC	3	0	1	0	1	1
+ TC	4	0	1	0	1	2
+ CD,ĐH	0	0	0	0	0	0
7. Tổng số khẩu trong gia đình	243	51	21	39	108	24
8. Lao động chính trong gia đình	114	23	7	25	48	11
9. Học vấn LĐ chính	114	23	7	25	48	11
+ Không biết chữ, chưa TNTH	21	0	0	0	21	0
+ TN TH	50	7	2	18	22	1
+ TN THCS	33	14	5	6	4	4
+ TN THPT	10	2	0	1	1	6

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

10. Chuyên môn LĐ chính	114	23	7	25	48	11
+ Chưa được đào tạo	106	23	5	25	46	7
+ SC	3	0	1	0	2	0
+ TC	1	0	1	0	0	0
+ CD,ĐH	4	0	0	0	0	4
11. LĐ thuê thường xuyên	34	1	12	1	0	20
12. Học vấn LĐ thuê TX	34	1	12	1	0	20
+ TN TH	5	0	4	1	0	0
+ TN THCS	27	1	6	0	0	20
+ TN THPT	2	0	2	0	0	0
13. Chuyên môn LĐ thuê TX	34	1	12	1	0	20
+ Chưa được đào tạo	34	1	12	1	0	20
14. Cơ cấu cây trồng (TT)	41	8	3	7	18	5
+ Điều	5	0	0	2	3	0
+ Điều + xoài + mít	27	7	0	3	15	2
+ Điều + bạch đàn	1	0	0	1	0	0
+ Điều + xoài + chanh	4	0	2	1	0	1
+ Xoài	2	0	0	0	0	2
+ Xoài + đậu phộng	1	0	1	0	0	0
+ Xoài + cò nuôi bò	1	1	0	0	0	0
15. Đất đai hiện có (ha)	195,3	24,1	11,8	28	85,4	46
16. Đất đã được cấp CNQSD	102,6	21,1	0	28	8,5	41
17. cơ cấu đất (TT)	41	8	3	7	18	5
+ Số TT có đến dưới 3 ha	7	6	1	0	0	0
+ Số TT có từ 3 ha trở lên	34	2	2	7	18	5
18. Nguồn vốn (triệu đồng)	7.625	2.360	700	350	715	3.500
+ Vốn tự có	6.645	2.215	650	330	650	2.800
+ Vốn liên kết	0	0	0	0	0	0
+ Vốn vay ngân hàng	570	145	50	10	65	300
+ Vốn vay khác	410	0	0	10	0	400
19. Tổng thu năm 2004	1.247	527	145	108	372	95

20. Tổng chi năm 2004	687	225	123	66	152,6	120
21. Thu nhập năm 2004	560	302	22	42	219,4	-25
22. Tổng trang trại	41	8	3	7	18	5
+ Số TT có lãi	36	8	2	7	18	1
+ Số TT chưa có thu	2	0	0	0	0	2
+ Số TT thua lỗ	3	0	1	0	0	2
23. Số TT lãi đến dưới 40 tr	32	4	2	7	18	1
24. Số TT lãi từ 40 tr trở lên	4	4	0	0	0	0

Biểu số: 03.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA TRANG TRẠI CHĂN NUÔI

	Tổng số	Chia ra			
		Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hòa	Diên Khánh
Tổng số trang trại	33	20	3	5	5
1. Giới tính chủ TT	33	20	3	5	5
+ Nam	30	19	3	5	3
+ Nữ	3	1			2
2. Thành phần chủ TT	33	20	3	5	5
+ Nông dân	29	20	3	4	2
+ CBCC	4			1	3
3. Dân tộc	33	20	3	5	5
+ Kinh	33	20	3	5	5
4. Năm thành lập TT	33	20	3	5	5
+ 1990 trở về trước					
+ 1991-1995	5	3		1	1
+ 1996-2000	16	10	3	1	2
+ 2001-2004	12	7		3	2
5. Học vấn chủ TT	33	20	3	5	5
+ TN TH	12	7	2	2	1
+ TN THCS	12	9	1	1	1
+ TN THPT	9	4		2	3

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

6. Chuyên môn chủ TT	33	20	3	5	5
+ Chưa được đào tạo	30	20	3	4	3
+ SC	1				1
+ TC	1				1
+ CD,ĐH	1			1	
7. Tổng số khẩu trong gia đình	162	100	16	21	25
8. Lao động chính trong gia đình	84	49	7	14	14
9. Học vấn LĐ chính	84	49	7	14	14
+ TN TH	32	23	4	4	1
+ TN THCS	37	21	3	4	9
+ TN THPT	15	5		6	4
10. Chuyên môn LĐ chính	84	49	7	14	14
+ Chưa được đào tạo	79	49	7	11	12
+ SC	1				1
+ TC	3			2	1
+ CD,ĐH	1			1	
11. LĐ thuê thường xuyên	28	6	3	15	4
12. Học vấn LĐ thuê TX	28	6	3	15	4
+ Không biết chữ, chưa TINTH	5	4			1
+ TN TH	16		3	12	1
+ TN THCS	7	2		3	2
13. Chuyên môn LĐ thuê TX	28	6	3	15	4
+ Chưa được đào tạo	28	6	3	15	4
14. Cơ cấu Vật nuôi (TT)	33	20	3	5	5
+ Bò thịt + bò SS	16	7		4	5
+ Bò thịt + dê thịt + dê SS	4	4			
+ Bò sữa	1	1			
+ Heo thịt	3	3			
+ Heo thịt + heo SS	2	2			
+ Dê thịt + dê SS	3	3			

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

+ Gà + vịt	4		3	1	
15. S/lượng vật nuôi t/ ứng					
+ Bò thịt	7	40; 35; 40; 30; 28; 28; 24;			
+ Bò thịt + bò SS: con/TT	9			0,50; 25,25; 50,200;0,1 0	0,57; 10,20; 0,15; 0,18; 0,12.
+ Bò thịt + dê thịt + dê SS	4	7,20,20; 5,40,20; 60,50,50; 30,50,50.			
+ Bò sữa	1	25			
+ Heo thịt	3	50;200;20 0			
+ Heo thịt + heo SS	2	30,3; 60,10.			
+ Dê thịt + dê SS	3	20,20 ; 40,20; 20,28.			
+ Gà + vịt	4		3.000 ; 3.500; 3.800	8.000	
16. Đất đai hiện có (ha)	74,35	20,65	2	38,5	13,2
17. Đất đã được cấp CNQSD	50,50	12,05		27,25	11,2
18. cơ cấu đất (TT)	33	20	3	5	5
+ Số TT dưới 2 ha trở xuống	22	15	3	2	2
+ Số TT từ 2 ha - 3 ha	8	5		1	2
+ Số TT từ 4 ha - 6,2 ha	2			1	1
+ Số TT có 30 ha	1			1	
19. Nguồn vốn	9.900	3.590	310	4.700	1.300
+ Vốn tự có	8.350	2.940	165	4.000	1.24 5

+ Vốn liên kết	300	300			
+ Vốn vay ngân hàng	865	350	60	400	55
+ Vốn vay khác	385		85	300	
20. Tổng thu năm 2004	3.644	1.287	315	1.880	162
21. Tổng chi năm 2004	2.355	655	216	1.413	71
22. Thu nhập năm 2004	1.289	632	99	467	91
23. Số TT có lãi	33	20	3	5	5
24. Số TT lãi dưới 40 tr	25	17	3		5
25. Số TT lãi từ 40 tr trở lên	8	3		5	

Biểu số: 04.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA TRANG TRẠI THỦY SẢN

	Tổng số	Chia ra			
		Nha Trang	Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hòa
Tổng số trang trại	418	70	146	72	130
1. Giới tính chủ TT	418	70	146	72	130
+ Nam	387	66	131	68	122
+ Nữ	31	4	15	4	8
2. Thành phần chủ TT	418	70	146	72	130
+ Nông dân	345	62	121	52	110
+ CBCC	22	4	6		12
+ Khác	51	4	19	20	8
3. Dân tộc	418	70	146	72	130
+ Kinh	418	70	146	72	130
4. Năm thành lập TT	418	70	146	72	130
+ 1990 trở về trước	39	2	9	7	21
+ 1991-1995	68	11	18	5	34
+ 1996-2000	261	54	92	48	67
+ 2001-2004	50	3	27	12	8
5. Học vấn chủ TT	418	70	146	72	130
+ Không biết chữ, chưa TNTH	1				1

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

+ TNTH	121	11	40	12	58
+ TN THCS	181	26	63	44	48
+ TN THPT	115	33	43	16	23
6. Chuyên môn chủ TT	418	70	146	72	130
+ Chưa được đào tạo	332	37	120	57	118
+ SC	55	25	17	10	3
+ TC	22	6	5	5	6
+ CĐ,ĐH	9	2	4		3
7. Tổng số khẩu trong gia đình	2.268	396	770	378	724
8. Lao động chính trong gia đình	958	171	315	163	309
9. Học vấn LĐ chính	958	171	315	163	309
+ Không biết chữ, chưa TNTH	5	3	1		1
+ TNTH	262	30	84	33	115
+ TN THCS	400	53	131	85	131
+ TN THPT	291	85	99	45	62
10. Chuyên môn LĐ chính	958	171	315	163	309
+ Chưa được đào tạo	826	122	278	143	283
+ SC	73	30	22	13	8
+ TC	36	10	8	7	11
+ CĐ,ĐH	23	9	7		7
11. LĐ thuê thường xuyên	356	121	96	75	64
12. Học vấn LĐ thuê TX	356	121	96	75	64
+ Chưa tốt nghiệp TH	2	2			
+ TN TH	95	23	21	24	27
+ TN THCS	168	49	58	29	32
+ TN THPT	91	47	17	22	5
13. Chuyên môn LĐ thuê TX	356	121	96	75	64
+ Chưa được đào tạo	282	57	92	69	64
+ SC	42	35	4	3	
+ TC	20	17		3	
+ CĐ,ĐH	12	12			
14. TT tôm, cá thịt thâm canh					

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

+ Số TT	72		45	27	
+ Diện tích(ha)	89,243		59,99	29,253	
+ Số TT có dưới 1 ha	43		30	13	
+ Diện tích(ha)	25,746		16,69	9,056	
+ Số TT có từ 1 ha trở lên	29		15	14	
+ Diện tích(ha)	63,5		43,3	20,2	
+ Số TT có lãi dưới 40 triệu	31		16	15	
+ Số tiền lãi	454,6		303,2	151,4	
+ Số TT có lãi trên 40 triệu	10		7	3	
+ Số tiền lãi	620,2		428	192,2	
+ Số TT thua lỗ	30		21	9	
+ Số tiền lỗ	617		412	205	
+ Số TT hòa vốn	1		1	0	
15. TT Tôm, cá thịt bán thâm canh					
+ Số TT	226	38	45	13	130
+ Diện tích(ha)	394,796	72,5	30,09	7,946	284,26
+ TT có dưới 2 ha	96	25	44	13	14
+ Diện tích(ha)	71,216	24,0	27,23	7,946	12,04
+ TT có từ 2 ha trở lên	130	13	1	0	116
+ Diện tích	323,58	48,5	2,86	0	272,22
+ Số TT có lãi dưới 40 triệu	70	9	17	4	40
+ Số tiền lãi(triệu đồng)	1091	167	374	113	437
+ Số TT có lãi trên 40 triệu	31	10	19	0	2
+ Số tiền lãi(triệu đồng)	1931,4	695	1116		120
+ Số TT thua lỗ	116	18	7	9	82
+ Số tiền lỗ(triệu đồng)	3123,5	1.081	117	547	1378,5
+ Số TT hòa vốn	9	1	2	0	6
16. Trại SX tôm giống					
+ Số TT	120	32	56	32	
+ Sản lượng (triệu con)	285,09	120,5	115,5	49,1	
+ Dưới 10 triệu con (TT)	118	32	54	32	
+ Từ 10 triệu con trở lên (TT)	2	0	2	0	

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

+ Số TT có lãi dưới 40 triệu (TT)	55	15	8	32	
+ Số tiền lãi(triệu đồng)	688,5	267,5	43	378	
+ Số TT có lãi trên 40 triệu (TT)	0	0	0	0	
+ Số tiền lãi(triệu đồng)	0	0	0	0	
+ Số TT thua lỗ (TT)	64	17	47	0	
+ Số tiền lỗ(triệu đồng)	2312,9	350,2	1963	0	
+ Số TT hòa vốn (TT)	1	0	1	0	
17. Tổng số vốn	57.378	10.832	26.143	4.933	15.470
+ Vốn tự có	46.734	7.387	24.693	3.819	10.835
+ Vốn liên kết	995	500	255	60	180
+ Vốn vay ngân hàng	4.583	255	935	845	2.548
+ Vốn vay khác	5.066	2.690	260	209	1.907
18. Tổng thu năm 2004	34.023	8.973	12.767	5.779	6.504
19. Tổng chi năm 2004	35.089	9.273	12.789	5.696	7.331
20. Thu nhập năm 2004	-1.066	-300	-22	83	-827
Tổng số trang trại	418	70	146	72	130
21. Số TT có lãi	197	34	67	54	42
22. Số TT thua lỗ	210	35	75	18	82
23. Số TT hòa vốn	11	1	4	0	6

Biểu số: 05.

Sự hiểu biết của các chủ trang trại về một số luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được phản ánh qua khảo sát các chủ trang trại như sau:

		Chủ TT trồng trọt	Chủ TT chăn nuôi	Chủ TT thủy sản	Tổng số	Tỷ lệ %
Luật đất đai	biết nhiều	16	5	56	77	12,8
	biết ít	108	23	221	352	58,5
	không biết	27	5	141	173	28,7
Luật khuyến khích đầu tư	biết nhiều	7	2	14	23	3,8
	biết ít	73	16	132	221	36,7
	không biết	71	15	272	358	59,5

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Luật DN tư nhân	biết nhiều	2	1	19	22	3,7
	biết ít	49	16	124	189	31,4
	không biết	100	16	275	391	64,9
Pháp lệnh bảo vệ thực vật	biết nhiều	6	4	80	90	15
	biết ít	65	21	228	314	52,1
	không biết	80	8	110	198	32,9
Chính sách phát triển trang trại	biết nhiều	7	6	22	35	5,8
	biết ít	108	25	218	351	58,3
	không biết	36	2	178	216	35,9
Chính sách cho vay ưu đãi	biết nhiều	25	7	71	103	17,1
	biết ít	115	25	219	359	59,6
	không biết	11	1	128	140	23,3
Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi	biết nhiều	24	11	80	115	19,1
	biết ít	110	19	169	298	49,5
	không biết	17	3	169	189	31,4
Chính sách phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản	biết nhiều	12	8	87	107	17,8
	biết ít	89	23	217	329	54,7
	không biết	50	2	114	166	27,5

Biểu số: 06.

Việc phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến người dân qua phiếu điều tra đối với một số đối tượng cán bộ được phản ánh như sau:

	Tốt	Chưa tốt	Chưa phổ biến	Không trả lời
Phổ biến Thông báo 386 ngày 1/9/2000 của UBND tỉnh về phát triển KTTT	51,7%	37%	10,3%	1%
Phổ biến Quyết định 5628 ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh về chính sách khuyến nông, khuyến lâm	66,3%	26%	5,3%	2,4%
Phổ biến Chi thị 35 ngày 7/11/2000 của	47,3%	24,7%	13,7%	14,3%

UBND tỉnh về việc giải quyết vốn vay để phát triển nuôi trồng thủy sản				
Phổ biến Quyết định số 21 ngày 26/2/2002 của UBND tỉnh về chính sách phát triển kinh tế trang trại	48,3%	37,7%	9,7%	4,3%

Biểu số: 07

**TUỔI, GIỚI TÍNH, HỌC VẤN, DÂN TỘC CỦA CHỦ TRANG TRẠI
CHIA THEO LOẠI HÌNH TRANG TRẠI**

Người

	Tổng số	Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	1	2	3	4	5
I/ Tuổi, giới tính					
Tổng số	602	110	41	33	418
Nam	556	101	38	30	387
Nữ	46	9	3	3	31
Dưới 30 tuổi	19	5			14
Nam	17	4			13
Nữ	2	1			1
Từ 30 tuổi đến dưới 50 tuổi	373	76	22	22	253
Nam	351	70	22	21	238
Nữ	22	6		1	15
Từ 50 đến dưới 60 tuổi	141	22	11	7	101
Nam	128	21	10	6	91
Nữ	13	1	1	1	10
Từ 60 tuổi trở lên	69	7	8	4	50
Nam	60	6	6	3	45
Nữ	9	1	2	1	5
II/ Học vấn	602	110	41	33	418

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Cấp I	209	56	26	12	122
Cấp II	240	40	7	12	181
Cấp III	146	14	8	9	115
Sơ cấp	73	14	3	1	55
Trung cấp	28	3	4	1	22
CD, ĐH	13	1		1	9
III/ Dân tộc	602	110	41	33	418
Kinh	582	103	28	33	418
Trin	12	7	5		
Raclay	8		8		

Biểu số: 08

TUỔI, GIỚI TÍNH, HỌC VẤN, DÂN TỘC CỦA CHỦ TRANG TRẠI CHIA THEO HUYỆN, TX, TP

Người

	Tổng số	Chia ra					
		Nha Trang	Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hoà	Khánh Vĩnh	Diên Khánh
A	1	2	3	4	5	6	7
I/ Tuổi, giới tính							
Tổng số	602	70	174	80	220	46	12
Nam	556	66	156	76	206	42	10
Nữ	46	4	18	4	14	4	2
Dưới 30 tuổi	19	3	5	2	7	2	
Nam	17	3	5	2	6	1	
Nữ	2				1	1	
Từ 30 đến dưới 50 tuổi	373	41	98	62	139	27	6
Nam	351	40	88	59	132	26	6
Nữ	22	1	10	3	7	1	
Từ 50 đến dưới 60 tuổi	141	23	45	11	45	12	5
Nam	128	20	42	10	42	10	4
Nữ	13	3	3	1	3	2	1

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Từ 60 tuổi trở lên	69	3	26	5	29	5	1
Nam	60	3	21	5	26	5	
Nữ	9		5		3		1
II/ Học vấn	602	70	174	80	220	46	12
Cấp 1	216	11	50	14	108	32	1
Cấp 2	240	26	76	46	76	12	4
Cấp 3	146	33	48	20	36	2	7
Sơ cấp	73	25	17	11	11	7	2
Trung cấp	28	6	5	6	9	1	3
CD, ĐH	11	2	4		5		
III/ Dân tộc	602	70	174	80	220	46	12
Kinh	582	70	174	80	220	26	12
Trin	5					5	
Raclay	15					15	

Biểu số: 09

THÀNH PHẦN CHỦ TRƯỞNG TRẠI CHIA THEO HUYỆN, TX, TP

A	Người			
	1	NÔNG DÂN	CBCNV	KHÁC
2	3	4	5	6
TỔNG SỐ	602	523	27	52
TP Nha Trang	70	62	4	4
TX Cam Ranh	174	149	6	19
H. Vạn Ninh	80	59		21
H. Ninh Hoà	220	199	13	8
H. Khánh Vĩnh	46	46		
H. Diên Khánh	12	8	4	

Biểu số: 10

**HỌC VẤN, CHUYÊN MÔN CỦA LAO ĐỘNG CHIA THEO
LOẠI HÌNH TRANG TRẠI**

	Tổng số	Chia ra				Người
		Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản	
A	1	2	3	4	5	
1/ Lao động trong gia đình	1434	278	114	84	958	
Chưa TN TH	39	13	21		5	
TN TH	494	150	50	32	262	
TN THCS	561	91	33	37	400	
TN THPT	340	24	10	15	291	
Chưa qua đào tạo	1266	255	106	79	826	
Sơ cấp	94	17	3	1	73	
Trung cấp	44	4	1	3	36	
CĐ, đại học	30	2	4	1	23	
II/ Lao động thuê TX	445	27	34	28	356	
Chưa TN TH	7			5	2	
TN TH	135	19	5	16	95	
TN THCS	207	5	27	7	168	
TN THPT	96	3	2		91	
Chưa qua đào tạo	371	27	34	28	282	
Sơ cấp	42				42	
Trung cấp	20				20	
CĐ, đại học	12				12	

Biểu số: 11

HỌC VẤN, CHUYÊN MÔN CỦA LAO ĐỘNG CHIA THEO HUYỆN, TX, TP

Người

	Tổng số	Chia ra					
		Nha Trang	Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hoà	Khánh Vĩnh	Diên Khánh
A	1	2	3	4	5	6	7
I/ Lao động trong gia đình	1434	171	387	182	541	124	29
Chưa TN TH		3	1		4	31	
TN TH	497	30	114	40	240	67	3
TN THCS	562	53	166	93	210	23	16
TN THPT	346	85	106	49	87	3	10
Chưa qua đào tạo		122	350	160	495	116	23
Sơ cấp	94	30	22	14	20	7	1
Trung cấp	44	10	8	8	16	1	1
CD, đại học	30	9	7		10		4
II/ Lao động thuê TX	445	121	103	90	107	0	24
Chưa TN TH	7	2	4				1
TN TH	135	23	21	31	59		1
TN THCS	207	49	61	35	40		22
TN THPT	96	47	17	24	8		
Chưa qua đào tạo	371	57	99	84	107		24
Sơ cấp	42	35	4	3			
Trung cấp	20	17		3			
CD, đại học	12	12					

Biểu số: 12

**NGUỒN GỐC ĐẤT ĐAI CỦA CÁC CHỦ TRANG TRẠI CHIA
THEO LOẠI HÌNH TRANG TRẠI**

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
I/Nguồn gốc đất đai						
Tổng số	ha	1322,7	570,0	187,2	77,4	488,1
Đất của trang trại có từ trước	ha	361,1	74,2	34,6	14,8	237,5
Đất khai hoang	ha	378,7	286,8	67,9	24,0	
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	ha	154,1	65,0	39,2	1,0	48,9
Đất sang nhượng được nhà nước CN	ha	259,0	57,0	42,5	9,7	149,8
Đất sang nhượng tự do & đất khác	ha	169,8	87,0	3,0	27,9	51,9
II/Cơ cấu các loại đất						
Tổng số	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Đất của trang trại có từ trước	%	27,3	13,0	18,5	19,1	48,7
Đất khai hoang	%	28,6	50,3	36,3	31,0	
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	%	11,7	11,4	20,9	1,3	10,0
Đất sang nhượng được nhà nước CN	%	19,6	10,0	22,7	12,5	30,7
Đất sang nhượng tự do & đất khác	%	12,8	15,3	1,6	36,0	10,6
III/Đất đã được cấp quyền sử dụng						
Tổng số	ha	463,7	320,0	99,0	44,7	
Đất của trang trại có từ trước	ha	98,8	66,0	21,0	11,8	
Đất khai hoang	ha	199,0	187,0	6,0	6,0	
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	ha	63,0	27,0	35,0	1,0	
Đất sang nhượng được nhà nước CN	ha	76,5	30,0	37,0	9,5	
Đất sang nhượng tự do & đất khác	ha	26,4	10,0		16,4	
IV/Diện tích đất BQ 1 trang trại	ha	2,2	5,1	5,7	2,8	1,2

Biểu số: 13

NGUỒN GỐC ĐẤT ĐAI CỦA CÁC TRANG TRẠI CHIA THEO HUYỆN, TX, TP

A	ĐVT	TỔNG SỐ	Chia ra					
			Nha Trang	Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hoà	Khánh Vĩnh	Diên Khánh
	B	1	2	3	4	5	6	7
I/ Nguồn gốc đất đai								
Tổng số	ha	1.322,7	72,5	139,6	61,6	732,1	219,9	97,0
Đất của trang trại có từ trước	ha	361,1	41,7	96,6	12,5	174,1	33,2	3,0
Đất khai hoang	ha	378,7		4,0	3,0	236,0	119,7	16,0
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	ha	154,1		6,3	21,0	126,8		
Đất sang nhượng được nhà nước CN	ha	259,0	27,6	28,8	21,1	115,5	26,0	40,0
Đất sang nhượng tự do & đất khác	ha	169,8	3,2	3,9	4,0	79,7	41,0	38,0
II/Cơ cấu các loại đất								
Tổng số	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Đất của trang trại có từ trước	%	27,3	57,5	69,2	20,3	23,8	15,1	3,1
Đất khai hoang	%	28,6		2,9	4,9	32,2	54,43	16,5
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	%	11,7		4,5	34,1	17,3		
Đất sang nhượng được nhà nước CN	%	19,6	38,1	20,6	34,2	15,8	11,82	41,2
Đất sang nhượng tự do & đất khác	%	12,8	4,4	2,8	6,5	10,9	18,64	39,2
III/Đất đã được cấp quyền sử dụng								
Tổng số	ha	463,7		34,4	12,0	339,3	25,0	53,0
Đất của trang trại có từ trước	ha	98,8		23,3	1	57,5	14,0	3,0
Đất khai hoang	ha	199,0				183,0	5,0	11,0
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	ha	63,0		1,0	7	52,0		3,0

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Đất sang nhượng được nhà nước CN	ha	76,5		9,7		29,8	2,0	35,0
Đất sang nhượng tự do & đất khác	ha	26,4		0,4	4,0	17,0	4,0	1,0
IV/Diện tích đất BQ 1 trang trại	ha	2,2	1,0	0,8	0,8	3,3	4,8	

Biểu số: 14

NGUỒN GỐC ĐẤT ĐAI CỦA CÁC TRANG TRẠI PHÂN THEO THÀNH PHẦN CHỦ TRANG TRẠI

	ĐVT	TỔNG SỐ	Chia ra		
			ĐVT	TỔNG SỐ	NÔNG DÂN
A	B	1	2	3	4
I/ Nguồn gốc đất đai					
Tổng số	ha	1.322,7	1.133,8	37,5	54,4
Đất của trang trại có từ trước	ha	361,1	315,2	11,8	31,1
Đất khai hoang	ha	378,7	360,7		2,0
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	ha	154,1	148,5	1,6	4,0
Đất sang nhượng được nhà nước CN	ha	259,0	192,4	14,1	12,5
Đất sang nhượng tự do & đất khác	ha	169,8	117,0	10,0	4,8
II/Cơ cấu các loại đất					
Tổng số	%	100,0	100,0	100,0	100,0
Đất của trang trại có từ trước	%	27,3	27,8	25,3	57,2
Đất khai hoang	%	28,6	31,8	11,9	3,7
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	%	11,7	13,1	3,2	7,4
Đất sang nhượng được nhà nước CN	%	19,6	17,0	37,8	22,9
Đất sang nhượng tự do & đất khác	%	12,8	10,3	21,8	8,8
III/Đất đã được cấp quyền sử dụng					
Tổng số	ha	463,7	449,9	13,8	

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Đất của trang trại có từ trước	ha	98,8	97,8	1,0	
Đất khai hoang	ha	199,0	193,0	6,0	
Đất của nhà nước giao qua các CTDA	ha	63,0	60,0	3,0	
Đất sang nhượng được nhà nước CN	ha	76,5	73,7	2,8	
Đất sang nhượng tự do & đất khác	ha	26,4	25,4	1,0	
IV/ Diện tích đất BQ 1 trang trại	ha	2,2	2,4	2,2	1,0

Biểu số: 15

NGUỒN VỐN, CƠ CẤU NGUỒN VỐN CHIA THEO LOẠI HÌNH TRANG TRẠI

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
I/ Tổng số trang trại	Trang trại	602,0	110,0	41,0	33,0	418,0
II/ Nguồn vốn	Triệu đồng					
Tổng số	Triệu đồng	82.671,0	7.768,0	7.625,0	9.900,0	57.378,0
Vốn tự có	Triệu đồng	67.651,0	5.922,0	6.645,0	8.350,0	46.734,0
Vốn liên kết	Triệu đồng	1.355,0	60,0	-	300,0	995,0
Vốn vay ngân hàng	Triệu đồng	7.138,0	1.120,0	570,0	865,0	4.583,0
Vốn vay khác	Triệu đồng	6.527,0	666,0	410,0	385,0	5.066,0
III/ Cơ cấu nguồn vốn						
Tổng số	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Vốn tự có	%	81,8	76,2	87,1	84,34	81,44
Vốn liên kết	%	1,64	0,8		3,0	1,73
Vốn vay ngân hàng	%	8,63	14,4	7,5	8,74	8,0
Vốn vay khác	%	7,9	8,6	5,4	3,9	8,83
IV/ Nguồn vốn bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	137,3	69,9	197,2	300,0	137,3

Biểu số:16

NGUỒN VỐN, CƠ CẤU NGUỒN VỐN CHIA THEO HUYỆN , TX, TP

	ĐVT	Tổng số	Chia ra					
			Nha Trang	Cam Ranh	Vạn Ninh	Ninh Hoà	Khánh Vĩnh	Diên Khánh
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I/Tổng số trang trại	Trang trại	602,0	70,0	174,0	80,0	220,0	46,0	12,0
II/Nguồn vốn	Triệu đồng							
Tổng số	Triệu đồng	82671,0	10832,0	32093,0	6033,0	26087,0	2516,0	5.110,0
Vốn tự có	Triệu đồng	67651,0	7387,0	29848,0	4704,0	19254,0	2303,0	4.155,0
Vốn liên kết	Triệu đồng	1355,0	500,0	555,0	60,0	190,0		50,0
Vốn vay ngân hàng	Triệu đồng	7138,0	255,0	1430,0	965,0	3985,0	148,0	355,0
Vốn vay khác	Triệu đồng	6.527,0	2690,0	260,0	304,0	2658,0	65,0	550,0
III/ Cơ cấu nguồn vốn								
Tổng số	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100
Vốn tự có	%	81,8	68,2	93,0	78,0	73,8	91,5	81,3
Vốn liên kết	%	1,6	4,6	1,7	1,0	0,7		1,0
Vốn vay ngân hàng	%	8,6	2,4	4,5	16,0	15,3	5,9	6,9
Vốn vay khác	%	7,9	24,8	0,8	5,0	10,2	2,6	10,8
IV/ Nguồn vốn BQ 1 trang trại	Triệu đồng	137,3	154,7	184,4	75,4	118,6	54,7	425,8

Biểu số: 17

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT CỦA CÁC TRANG TRẠI CHIA
THEO LOẠI HÌNH TRANG TRẠI**

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
I/ Tổng số trang trại	Trang trại	602	110	41	33	418
II/ Tổng thu	Triệu đồng	45.717,0	6.803,0	1.221,0	3.644,0	34.023,0
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	75,9	61,8	32,1	110,4	81,4
III/ Tổng chi	Triệu đồng	42.750,0	4.619,4	799,0	2.355,0	35.089,0
Chi phí vật chất	Triệu đồng	32.592,0	2.802,0	440,0	835,0	28.515,0
Chi phí thuê lao động	Triệu đồng	4.120,0	1.097,0	214,0	207,0	2.602,0
Chi phí khác	Triệu đồng	6.038,0	608,0	145,0	1.313,0	3.972,0
IV/ Cơ cấu chi phí						
Tổng số	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Chi phí vật chất	%	76,2	62,2	55,1	35,5	81,3
Chi phí thuê lao động	%	9,6	24,3	26,8	8,8	7,4
Chi phí khác	%	14,1	13,5	18,1	55,8	11,3
V/ Thu nhập	Triệu đồng	2.967,0	2.322,0	422,0	1.289,0	-1066,0
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	4,9	20,5	11,1	39,1	-2,6
V/ Diện tích cây trồng						
Lúa	ha	11,0	9,0	2,0		
Ngô	ha	27,0	15,5	11,5		
Sắn	ha	21,3	4,0	17,3		
Mía	ha	508,5	506,0	2,5		
Lạc	ha	1,0		1,0		
Chuối	ha	0,7		0,7		
Chanh	ha	1,0		1,0		
Xoài	ha	49,0		49,0		
Đào	ha	113,2	27,5	85,7		
Bạch đàn	ha	4,0	3,0	1,0		
Bò thịt	Con	402,0			402,0	

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Bò sinh sản	Con	407,0			407,0
Lợn thịt	Con	540,0			540,0
Lợn sinh sản	Con	13,0			13,0
Dê thịt	Con	240,0			240,0
Dê sinh sản	Con	208,0			208,0
Gà vịt	Con	18.300,0			18.300,0

Biểu số: 18

**TỔNG THU NĂM 2004 CỦA CÁC TRANG TRẠI CHIA THEO LOẠI HÌNH
TRANG TRẠI & HUYỆN, TX, TP**

Triệu đồng

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
Tổng số trang trại	Trang trại	602	113	38	33	418
Bình quân chung						
Tổng thu	Triệu đồng	45.717	6.829	1.221	3.644	34.023
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	75,9	60,4	32,1	110,4	81,4
1/ Nha Trang	Trang trại	70				70
Tổng thu	Triệu đồng	8.973				8.973
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	128				128
2/ Cam Ranh	Trang trại	174		8	20	146
Tổng thu	Triệu đồng	14.581		527	1.287	12.767
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	83		65	64	87
3/ Vạn ninh	Trang trại	80	2	3	3	72
Tổng thu	Triệu đồng	6.389	150	145	315	5.779
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	79	75	48	105	80

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

4/ Ninh Hoà	Trang trại	220	78	7	5	130
Tổng thu	Triệu đồng	13.543	5.051	108	1.880	6.504
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	61	64	15	376	50
5/ Khánh Vĩnh	Trang trại	46	31	15		
Tổng thu	Triệu đồng	1.541	1.195	346		
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	33	38	23		
6/ Diên Khánh	Trang trại	12	2	5	5	
Tổng thu	Triệu đồng	690	433	95	162	
Tổng thu bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	57	216	19	32	

Biểu số: 19

TỔNG CHI PHÍ NĂM 2004 CỦA CÁC TRANG TRẠI CHIA THEO LOẠI HÌNH TRANG TRẠI & HUYỆN, TX, TP

Triệu đồng

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
Tổng số trang trại	Trang trại	602	113	38	33	418
Bình quân chung						
Tổng chi phí	Triệu đồng	42.750	4.507	799	2.355	35.089
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	71	39	21	71	83
1/ Nha Trang	Trang trại	70				70
Tổng chi phí	Triệu đồng	9.273				9.273
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	132				132
2/ Cam Ranh	Trang trại	174		8	20	146
Tổng chi phí	Triệu đồng	13.669		225	655	12.789
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	78		28	32	87

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

3/ Vạn Ninh	Trang trại	80	2	3	3	72
Tổng chi phí	Triệu đồng	6.117	82	123	216	5.696
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	76	41	41	72	79
4/ Ninh Hoà	Trang trại	220	78	7	5	130
Tổng chi phí	Triệu đồng	12.341	3.531	66	1.413	7.331
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	56	45	9	282	56
5/ Khánh Vĩnh	Trang trại	46	31	15		
Tổng chi phí	Triệu đồng	752	591	161		
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	16	19	10		
6/ Diên Khánh	Trang trại	12	2	5	5	
Tổng chi phí	Triệu đồng	598	303	224	71	
Chi phí bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	49	151	44	14	

Biểu số: 20

**THU NHẬP NĂM 2004 CỦA CÁC TRANG TRẠI CHIA THEO LOẠI HÌNH
TRANG TRẠI & HUYỆN, TX, TP**

Triệu đồng

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
Tổng số trang trại	Trang trại	602	113	38	33	418
Bình quân chung						
Tổng thu nhập	Triệu đồng	3.113,0	2.316,0	564,0	1.299,0	-1066
Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	5	20	14	39	-2
1/ Nha Trang	Trang trại	70				70
Tổng thu nhập	Triệu đồng	-300				-300

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	-4				-4
2/ Cam Ranh	Trang trại	174		8	20	146
Tổng thu nhập	Triệu đồng	912		302	632	-22
Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	5		37	31	-0
3/ Vạn Ninh	Trang trại	80	2	3	3	72
Tổng thu nhập	Triệu đồng	272	68	22	99	83
Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	3	34	7	33	1
4/ Ninh Hoà	Trang trại	220	78	7	5	130
Tổng thu nhập	Triệu đồng	1.202	1.520	42	467	-827
Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	5	19	6	93	-6
5/ Khánh Vĩnh	Trang trại	46	31	15		
Tổng thu nhập	Triệu đồng	789	604	185		
Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	17	19	12		
6/ Diên Khánh	Trang trại	12	2	5	5	
Tổng thu nhập	Triệu đồng	238	124	13	101	
Thu nhập bình quân 1 trang trại	Triệu đồng	19	62	2	20	

Biểu số: 21

THU NHẬP NĂM 2004 CỦA LAO ĐỘNG LÀM THUÊ THƯỜNG XUYÊN CHIA THEO LOẠI HÌNH TRANG TRẠI & HUYỆN , TX, TP

Triệu đồng

	ĐVT	Tổng số	Chia ra			
			Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản
A	B	1	2	3	4	5
Tổng số lao động làm thuê TX	Người	443	25	34	28	356
Thu nhập Bình quân chung						

Đề tài: Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Khánh Hòa

Thu nhập của LĐ làm thuê TX	Ngàn đồng	2.405.200	94.600	80.000	178.000	2.052.600
Thu nhập bình quân 1 lao động	Ngàn đồng	5.429	3.784	2.353	6.357	5.766
1/ Nha Trang	Người	121				121
Thu nhập của LĐ làm thuê TX	Ngàn đồng	771.600				771.600
Thu nhập bình quân 1 lao động	Ngàn đồng	6.377				6.377
2/ Cam Ranh	Người	103		1	6	96
Thu nhập của LĐ làm thuê TX	Ngàn đồng	520.800		6.000	33.000	481.800
Thu nhập bình quân 1 lao động	Ngàn đồng	5.056		6.000	5.500	5.019
3/ Vạn Ninh	Người	90		12	3	75
Thu nhập của LĐ làm thuê TX	Ngàn đồng	406.000		27.200	18.000	360.800
Thu nhập bình quân 1 lao động	Ngàn đồng	4.511		2.267	6.000	4.811
4/ Ninh Hoà	Người	105	25	1	15	64
Thu nhập của LĐ làm thuê TX	Ngàn đồng	637.000	94.600	3.000	101.000	438.400
Thu nhập bình quân 1 lao động	Ngàn đồng	6.067	3.784	3.000	6.733	6.850
5/ Diên Khánh	Người	24		20	4	
Thu nhập của LĐ làm thuê TX	Ngàn đồng	69.800		43.800	26.000	
Thu nhập bình quân 1 lao động	Ngàn đồng	2.908		2.190	6.500	

Biểu số:22

HIỂU BIẾT VỀ CHÍNH SÁCH VÀ NHU CẦU CỦA CHỦ TRANG TRẠI, TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM, NGHĨA VỤ ĐÓNG THUẾ

Trang trại

	Biết nhiều	Biết ít	Không biết	Có	Không
A	1	2	3	4	5

1/ Hiểu biết về chế độ chính sách					
Luật đất đai	77	352	173		
Luật khuyến khích đầu tư	23	221	358		
Luật doanh nghiệp tư nhân	22	189	391		
Pháp lệnh bảo vệ thực vật	90	314	198		
Chính sách phát triển trang trại	35	351	216		
Chính sách cho vay ưu đãi	103	359	140		
Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi	115	298	189		
Chính sách phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản	107	329	166		
2/ Nhu cầu, Nguyên vọng					
Nhu cầu mở rộng KDSX của chủ trang trại				296	306
Nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn				502	100
Nhu cầu được vay vốn ngân hàng để phát triển trang trại				526	76
Tư cách pháp nhân của chủ trang trại				162	440
Đăng ký nội dung KDSX với cơ quan chức năng				189	413
3/ Tình hình khác					
Thiết lập thị trường ổn định				182	420
Tiêu thụ sản phẩm dễ dàng				308	294
Nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước				250	352

III. SỰ HÌNH THÀNH KINH TẾ TRANG TRẠI Ở NƯỚC TA.

III.1. Sự hình thành

Ở nước ta, trước năm 1975 các hình thức nông, lâm trường quốc doanh ở miền Bắc và đồn điền tư bản ở miền Nam đã phát triển khá phong phú, đa dạng, tuy nhiên với hình thức sở hữu và quan hệ sản xuất khác nhau.

Trong giai đoạn trước những năm đổi mới nền kinh tế (1975-1986), nền sản xuất nông nghiệp mang nặng tính kế hoạch, tập trung, có các hình thức sản xuất: hợp tác xã, nông, lâm trường hầu hết trên cả nước (1960 trên miền Bắc và từ năm 1975 trên cả nước), đã có tác dụng nhất định trong thời gian chiến tranh, nhưng khi bước sang giai đoạn phát triển mới thì không phát huy được tiềm năng sản xuất nông nghiệp. Hàng năm Nhà nước phải nhập khẩu lương thực, nhận viện trợ về lương thực và thực phẩm. Trong khi đó, sản xuất ngoài kế hoạch của các hộ gia đình, chỉ chiếm 5% đất canh tác (gọi là đất năm phần trăm) đã cung cấp một phần nhu yếu phẩm, thực phẩm cho cả nước về rau, quả, trứng, thịt, cá. Tính hiệu quả của sản xuất hộ gia đình thể hiện rõ từ đó.

Sau chỉ thị 100 của TW (ban hành năm 1981) về cải tiến công tác khoán,

theo tinh thần chỉ thị 100 CT/TW với nội dung "**khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động**" gọi tắt là "**khoán 100**". Đến tháng 4 năm 1988, chính sách "**khoán 100**" được cải tiến và nâng cao theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị "**về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp**" với nội dung "**khoán theo đơn giá thanh toán gọn đến hộ xã viên**" gọi tắt là "**khoán 10**". Tháng 3/1989 chính sách "**khoán 10**" được hoàn thiện thêm một bước theo tinh thần Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VI) với nội dung "**khoán gọn**" đến hộ và xác định "**hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ**".

Với "**khoán 100**" người nông dân được "**cởi trói**" khỏi cơ chế quan liêu, bao cấp, làm chủ chung chung của sản xuất tập thể. Sản phẩm làm vượt, người nông dân được hưởng đã trở thành động lực mạnh mẽ, trong từng hộ nhận khoán, tạo ra bước phát triển mới về sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ 1981-1985. Tuy nhiên "**khoán 100**" còn nhiều nhược điểm và hạn chế, trong đó việc duy trì công điểm, không ổn định ruộng đất và mức khoán là nguyên nhân của nhiều hiện tượng tiêu cực trong kinh tế - xã hội nông thôn mà đỉnh cao là sự giảm sút sản lượng lương thực trong 2 năm 1986-1987.

Với "**khoán 10**" sức sản xuất trong nông nghiệp được giải phóng mạnh mẽ, năng suất cây trồng, vật nuôi tăng lên, sản phẩm nông nghiệp không chỉ đủ tiêu dùng mà còn dư để xuất khẩu, nhất là lúa gạo.

Do "**khoán gọn**" hộ nông dân tự chủ toàn bộ quá trình sản xuất, từ đó họ chủ động điều hành các khâu làm đất, giống, nước, thời vụ, phân bón, chăm sóc, thu hoạch phù hợp với điều kiện đất đai và khả năng đầu tư, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của cây lúa. Từng hộ chủ động lựa chọn áp dụng các dịch vụ thích hợp để phục vụ thâm canh có hiệu quả vừa tăng năng suất, vừa tiết kiệm chi phí.

Cơ chế chính sách giao đất ổn định, lâu dài cho nông dân sử dụng đã tạo tâm lý, tư tưởng ổn định cho nông dân yên tâm đầu tư vào sản xuất. Ảnh hưởng của "**khoán 10**" đối với sản xuất nông nghiệp là tích cực, sản lượng lương thực ngày một tăng.

Kể từ khi tiến hành đổi mới nền kinh tế, những chính sách đổi mới trong nông nghiệp, tự do hóa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Đảng và Nhà nước, cùng với việc ban hành luật đất đai đã tạo động lực mạnh mẽ cho sản xuất nông nghiệp. Kinh tế hộ gia đình trở thành đối tượng được khuyến khích chính trong các chính sách phát triển nông nghiệp của Nhà nước. Nhiều mô hình kinh tế hộ vươn lên, phát triển giàu có, và từ khi có chính sách giao đất, giao rừng lâu dài cho các hộ nông dân đã bắt đầu hình thành kinh tế trang trại sản xuất nông nghiệp.

III.2. Kết quả phát triển của kinh tế trang trại ở nước ta những năm qua.

Kinh tế trang trại phát triển nhanh, đa dạng hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Theo báo cáo của Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tính đến cuối năm 2003, đã có 71.914

trang trại (theo tiêu chí mới), sau 4 năm thực hiện Nghị quyết 03/2000/NQ - CP của Chính phủ được ban hành đã tăng thêm 16.060 trang trại, bình quân 1 năm tăng thêm trên 5.300 trang trại (năm 2000 có 55.858 trang trại, năm 2001 là 60.758 và năm 2002 có 61.732 trang trại). Tính bình quân chung cả nước, đến năm 2003, mỗi tỉnh đã có 1.598 trang trại, mỗi huyện có gần 40 trang trại.

Về loại hình tổ chức sản xuất của trang trại: đã phát triển khá đa dạng, phong phú, bao gồm: trang trại trồng cây hàng năm, cây lâu năm, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp.

Kinh tế trang trại phát triển góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả.

Kinh tế trang trại phát triển đã tạo ra bước chuyển cơ bản về giá trị sản phẩm hàng hóa và thu nhập vượt trội hẳn so với kinh tế hộ. Năm 2003 tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ của các trang trại là 7.047 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại ở nước ta đã tạo ra giá trị sản xuất 98 triệu đồng, gấp từ 6 đến 8 lần so với bình quân giá trị sản xuất của 1 hộ nông nghiệp; tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, có tác động thúc đẩy công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển theo hướng CNH, HĐH. Năm 2003 giá trị sản xuất bình quân/ha của trang trại của cả nước đạt khoảng 35 triệu đồng, cao gấp 2 lần so với giá trị sản xuất bình quân của kinh tế hộ trong nông nghiệp; hình thành hướng sản xuất hàng hóa, với quy mô lớn, gắn với yêu cầu thị trường. Nhiều trang trại đã chú trọng áp dụng tiến bộ KHKT và công nghệ mới vào sản xuất như: Kỹ thuật nuôi con giống thủy sản, kỹ thuật chăn nuôi heo hướng nạc, gà công nghiệp. Trong ngành trồng trọt cũng đã chú trọng đến việc bố trí cơ cấu cây trồng, kết hợp với từng mùa vụ ở từng vùng thích hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao; thu hút các nguồn vốn cho nông dân. Năm 2003, nếu không kể giá trị đất thì tổng vốn đầu tư cho kinh tế trang trại đạt khoảng 10.800 tỷ đồng, bình quân 1 trang trại 150 triệu đồng, trong đó vốn của chủ trang trại chiếm 68%, còn lại là vốn vay ngân hàng và vốn khác.

Kinh tế trang trại phát triển góp phần giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn.

Về lao động, việc làm: Đa số các chủ trang trại đều có nhu cầu sử dụng lao động, tùy theo loại hình sản xuất, quy mô và tính chất thời vụ của trang trại. Đã thu hút khá lớn số lao động và tạo việc làm cho hàng chục vạn lao động, góp phần giảm bớt áp lực do thiếu việc làm ở nông thôn.

Kinh tế trang trại góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Kinh tế trang trại phát triển đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng của ngành nông, lâm, thủy sản, đạt mức bình quân mỗi năm tăng 4,5-5,3% năm, trong đó chủ yếu là thủy sản tăng 11,2 % năm. Kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2003 đạt 19,5% tỷ USD, riêng kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản tăng hàng năm trên 9%.

Nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Trên thực tế đời sống của nông dân nông thôn tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đã có những đổi thay sâu sắc, cơ bản xóa được đói, giảm được nghèo, trong sự đóng góp chung

của toàn xã hội có vai trò của trang trại. Nhiều trang trại đã ủng hộ tiền giúp xây dựng trường học, xóa nhà tạm, hỗ trợ trẻ mồ côi, người bị nhiễm chất độc màu da cam và xóa đói giảm nghèo.

Nhìn lại quá trình hình thành trang trại những năm qua, mô hình trang trại nông nghiệp được hình thành chủ yếu là trang trại gia đình sử dụng lao động tiền vốn của gia đình. Bên cạnh đó còn có một số trang trại chủ yếu thuê mướn nhân công trên quy mô tương đối lớn kết hợp với vốn và kỹ thuật công nghệ đạt hiệu quả cao.

Tuy vậy thực trạng kinh tế nông nghiệp nông thôn nước ta đến nay vẫn chưa vượt qua khỏi ngưỡng “kém phát triển”. Bên cạnh đó nền kinh tế luôn vận động, những hiện tượng, quá trình kinh tế mới, những mục tiêu mới, những nhu cầu mới không ngừng nảy sinh, phát triển. Do đó kinh tế hộ gia đình tuy có nhiều ưu việt, nhưng hiện trạng kinh tế hộ như hiện nay khó có thể đáp ứng được những điều kiện cho việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Và vì lẽ đó, cũng không thể thỏa mãn nhu cầu cho nền kinh tế “cát cánh”. Vì vậy, sự hình thành kinh tế trang trại là tất yếu của quá trình phát triển dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, tích tụ và tập trung sản xuất là quy luật của quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, từ sản xuất hàng hóa giản đơn lên sản xuất hàng hóa trình độ cao. Thực tế cho thấy, chỉ khi mà tư liệu sản xuất, vốn, sức lao động được tập trung trên một quy mô nhất định thì việc phân công lao động phát triển mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu, ưu thế của phân công lao động mới được phát huy triệt để, sản lượng nông sản hàng hóa tăng nhanh.

Thứ hai, xuất phát từ quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Thực tế cho thấy sau gần 20 năm đổi mới, cùng với sự tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn thì một đội ngũ lao động có học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật được đào tạo ngày một đông đảo, hộ kinh tế gia đình có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh dần được hình thành. Do vậy đòi hỏi quy mô về quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý sản xuất phải “chuyển dịch” cho phù hợp với trình độ mới đó của lực lượng sản xuất.

Thứ ba, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất công nghiệp là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu đã và đang theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tăng giá trị sản lượng tuyệt đối nhưng giảm tương đối về tỷ trọng trong GDP. Để thực hiện sự chuyển dịch này, một mặt vừa phải đẩy mạnh phân công lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn, mặt khác phải giải quyết tình trạng lao động trong nông nghiệp bị thất nghiệp...

Do vậy có thể nói, sự hình thành kinh tế trang trại là kết quả tất yếu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản

xuất công nghiệp. Đồng thời do đặc điểm, ưu thế vốn có của mình, kinh tế trang trại lại có khả năng đáp ứng những yêu cầu của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Sự phát triển kinh tế trang trại sẽ tạo điều kiện và là động lực thúc đẩy sự chuyển dịch này theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh hơn và có hiệu quả hơn.

Thứ tư, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và nâng cao trình độ xã hội hóa thực tế của nền kinh tế. Nội dung cơ bản của xã hội hóa là gia tăng cả chiều rộng lẫn chiều sâu sự liên kết, hợp tác xã sản xuất kinh doanh và bảo đảm những điều kiện cho sự chuyển hóa linh hoạt về vai trò, vị trí của các khu vực trong nền kinh tế.

Sự phát triển của kinh tế trang trại gắn liền với sự phát triển của phân công lao động. Phân công lao động càng cao, sản phẩm thặng dư càng nhiều thì tất yếu quan hệ trao đổi cũng được mở rộng và do đó sự liên kết, hợp tác trong sản xuất kinh doanh theo đó cũng sẽ gia tăng.

Thứ năm, xuất phát từ nội dung vận hành của cơ chế thị trường. Quy mô, dung lượng của thị trường quyết định bởi số lượng, chủng loại hàng hóa. Trong kinh tế thị trường ai cung cấp nhiều hàng hóa với chất lượng cao, giá cả thấp thì người đó tăng cường khả năng chiếm lĩnh thị trường và khả năng cạnh tranh. Cạnh tranh do vậy đã tạo nên một sức ép đối với các doanh nhân buộc họ phải chọn lựa công nghệ sản xuất thích hợp và lựa chọn đầu tư tối ưu theo hướng sản xuất có khoa học, tổ chức lao động, quản lý kinh doanh để mọi yếu tố đầu vào sinh lợi nhiều nhất.

Chính vì thế, trang trại với ưu thế về quy mô, vừa có điều kiện tăng năng suất lao động, tăng năng suất trên một đơn vị diện tích vừa có khả năng khai thác hữu hiệu lợi thế so sánh của từng vùng lãnh thổ. Nhờ vậy có thể sản xuất ra hàng loạt sản phẩm với chi phí thấp nhất, trên cơ sở đó thúc đẩy tăng trưởng cả thị trường đầu ra lẫn thị trường đầu vào.

Ngoài những lý do trên, Đảng và Nhà nước đã có những đường lối, chủ trương, chính sách tạo điều kiện giải phóng và phát triển mọi tiềm năng sẵn có của lực lượng sản xuất, kinh tế hàng hóa và thị trường tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế trang trại phát triển. Bên cạnh đó, một khi kinh tế trang trại đã hình thành và phát triển thì sẽ thúc đẩy dịch vụ thương mại phát triển, đồng thời tạo điều kiện phát triển công nghiệp chế biến, tất yếu sẽ dẫn đến sự liên kết kinh tế chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp.

Từ những phân tích trên có thể đi đến khẳng định kinh tế trang trại là quá trình phát triển tất yếu từ sản xuất nhỏ nông nghiệp lạc hậu lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cùng với con đường hợp tác hóa nông nghiệp ở trình độ cao hơn.

Tóm lại, mô hình kinh tế trang trại là mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh mà sự xuất hiện và vận động của nó nảy sinh ra từ những yêu cầu khách quan của quá trình công nghiệp hóa và phát triển cơ chế kinh tế thị trường trong nông nghiệp nông thôn.

IV. NHỮNG MÔ HÌNH LÀM GIÀU TỪ KINH TẾ TRANG TRẠI.

IV.1. Ông Ngô Minh Phường

Ông Ngô Minh Phường ở xã Cam Bình-Cam Ranh, ông thành lập trang trại nuôi tôm hùm lồng từ năm 2001 với vốn đầu tư 1,4 tỷ đồng, 70 lồng, mỗi lồng 9m², lao động thuê thường xuyên hàng năm là 07 người. Đến nay lãi ròng hàng năm từ nuôi tôm hùm ông thu về trên 500 triệu đồng.

IV.2. Ông Mai Xuân Hùng

Trước năm 1990, gia đình ông Mai Xuân Hùng cũng như nhiều gia đình nông dân khác ở thôn Văn Tứ Đông, xã Cam Hòa, thị xã Cam Ranh cuộc sống chật vật, khó khăn trong điều kiện sản xuất, kinh tế của một vùng đất pha cát ven biển; Kinh tế thu nhập hàng năm chủ yếu từ cây xoài, cây lúa và cây mì. Riêng gia đình ông lại càng khó khăn hơn, do đông con (9 nhân khẩu), các con còn đang ở lứa tuổi cấp sách tới trường.

Nhà nghèo, đông con, đất sản xuất ít ông Hùng luôn trăn trở tìm lời giải cho bài toán khó trong việc tìm ra con đường làm ăn hiệu quả để đưa gia đình thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn hiện tại. Được sinh hoạt trong tổ chức Hội Nông dân ở thôn, thông qua các cuộc vận động, tập huấn của chương trình khuyến nông, khuyến ngư tại địa phương; cùng với sự nỗ lực của bản thân, ông luôn chịu khó tìm tòi, học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật trên sách, báo và phong trào nuôi tôm sú thịt đang phát triển tại địa phương. Ông thấy xã mình có những vùng đất nhiễm mặn từ lâu sản xuất trồng trọt không hiệu quả, nhưng lại có các yếu tố tự nhiên thuận lợi phù hợp cho việc phát triển nuôi con tôm sú, nên quyết định chuyển hướng làm ăn mới bằng nghề nuôi tôm.

Cái khó : " Vạn sự khởi đầu nan" đối với ông thật là lớn, vì nghề nuôi tôm là một việc làm khá mới mẻ, cộng thêm cái khó về vốn liếng đầu tư ban đầu, để nuôi con tôm quá lớn. Song khó khăn không thể kìm hãm được ý chí quyết tâm thoát nghèo của người đàn ông đã qua cái tuổi trung niên, từng trải và giàu nghị lực này. Ông dần do suy tính, rồi quyết định khoanh vùng đắp 0,5 ha làm địa bằng chính sức lao động của gia đình và bàn cùng gia đình huy động vốn để nuôi thử lứa tôm đầu.

Người có công trời không phụ. Sau 4 tháng, cần cù, chăm chỉ lao động, ăn ngủ cùng với con tôm ở địa. Lứa tôm đầu tiên thu hoạch, bất ngờ cho ông thu nhập cao gấp chục lần so với trồng lúa, trồng mì. Như được tiếp thêm sức mạnh, ông phấn khởi chẳng những tiếp tục đầu tư nuôi mà còn khai thác mở rộng thêm diện tích địa vào các năm sau. Đến nay địa tôm của ông lên đến 2,2 ha.

Được sự quan tâm của chính quyền địa phương, Hội nông dân khích lệ, động viên tạo điều kiện cho người nông dân phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương. Qua phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi, ông Hùng đã tham dự nhiều lớp tập huấn, hội thảo về kỹ thuật nuôi tôm sú thế nào để đạt hiệu quả bền vững, của các chuyên gia trong và ngoài nước; cộng với khả năng học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật có hiệu quả

trong việc nuôi tôm sú xuất khẩu.

Với mô hình nuôi tôm sú bán thâm canh, áp dụng qui trình kỹ thuật nuôi hợp lý trong việc sử dụng có hiệu quả các chế phẩm vi sinh với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh. Số lượng tôm nuôi thả tỉ lệ vừa phải, chất lượng con giống tốt; môi trường nước tự nhiên trong lành, thức ăn tươi được chế biến kỹ, đặc biệt không có chất kháng sinh, hoá chất kích thích. Tôm ông nuôi phát triển tự nhiên và lớn đều, ít dịch bệnh; chi phí đầu tư nuôi trong một vụ ít. Tôm thương phẩm không có dư lượng kháng sinh; đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu vào những thị trường khó tính nhất trên thế giới như: Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản .v.v. Đó là những yếu tố tạo nên mô hình nuôi tôm sú bền vững, là bí quyết thành công trong nghề nuôi tôm sú của ông Mai Xuân Hùng hơn 10 năm qua.

Sự cần mẫn, cẩn thận với ý chí, quyết tâm chiến thắng đói nghèo, tiến tới làm giàu chính đáng bằng kinh nghiệm, tri thức và sức lao động của mình. Nhờ vậy mà hơn 10 năm nuôi tôm sú, gia đình ông Hùng chưa hề bị thất thu. Đặc biệt từ năm 1998 đến nay, thị trường con tôm giá cả bấp bênh, chất lượng con giống kém, nhưng năm nào gia đình ông cũng thu lãi từ 200 đến 300 triệu đồng, có thời điểm được giá như năm 2000 tiền lãi lên đến 500 triệu đồng.

Nhờ nuôi tôm sú có lãi, gia đình ông thoát được cảnh đói nghèo. Dư ăn, dư để, ông chăm lo cho con cái học hành thành đạt (có 3 cháu đã tốt nghiệp đại học, 1 cháu đang học đại học Bách khoa, các cháu còn lại đều tốt nghiệp PTTH) và tạo điều kiện vốn liếng kha khá cho các con lập nghiệp, ổn định cuộc sống riêng.

Nhiều năm liền ông Mai xuân Hùng đạt danh hiệu Nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi cấp tỉnh, được đi dự Hội nghị Nông dân sản xuất-kinh doanh giỏi toàn quốc lần thứ 2 tại Hà Nội và trong Hội nghị này ông được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

IV.3. Ông Nguyễn Văn Ngừ

Ông Nguyễn Văn Ngừ ở khóm 4, Thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, ông thành lập trang trại từ năm 1983, với 400m² nuôi tôm hùm bè, số giống thả 5.000 con, 5 lao động, trong đó thuê ngoài 3, doanh thu hàng năm 500 triệu đồng, trừ chi phí còn lại lãi hàng năm là 200 triệu đồng.

IV.4. Anh Nguyễn Hữu Điền

Anh Nguyễn Hữu Điền ở thôn Tân Mỹ, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, anh Điền thành lập trang trại từ năm 1996 đến năm 2004 với 30 ha đất, vừa để trồng cỏ, làm chuồng trại, vừa để thả đàn bò, anh thường xuyên có 50 con bò lấy thịt và 200 con bò sinh sản, giải quyết cho 5 lao động làm thuê. Mỗi năm thu lãi 170 triệu đồng.

IV.5. Ông Lê Văn Hai

Ông Lê Văn Hai ở thôn Hòa Diêm, xã Cam Thịnh Đông, thị xã Cam Ranh, ông Hai thành lập trang trại từ năm 1995 đến năm 2004 ông có đàn bò

hơn 50 con, đàn dê từ 130-150 con, ông có 7 ha đất, trong đó trồng cỏ chăn nuôi 2 ha. Ông thường xuyên thuê 2 lao động để chăn dắt, ngoài ra ông còn cho một số hộ gia đình nuôi bò sinh sản, khi bán bò con, người nuôi được hưởng 40% số tiền bán được.

Hàng năm thu lãi từ chăn nuôi được 120 triệu đồng.

IV.6. Anh Đậu Dương Trần Nguyễn

Năm 1996, sau khi tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội (Khoa Công nghệ thông tin), anh Đậu Dương Trần Nguyễn vào làm việc tại TP Hồ Chí Minh, đến tháng 01 năm 1999 anh trở về Cam Đức-Cam Ranh, nơi trôn nhau cắt rốn của mình. Trong tay không một đồng vốn, anh được gia đình "hậu thuẫn" cho một ít vốn và vay mượn thêm bà con ruột thịt. Gom góp gần 100 triệu đồng, anh Nguyễn khẩn gởi lên Sơn Bình-Khánh Sơn để xin việc làm vừa kết hợp làm vườn trong thời gian chờ việc. Vừa làm, vừa học, vừa tích lũy, đến cuối năm 2003, diện tích vườn cây của anh đã lên 7 ha với 850 gốc cà phê (thu trung bình 3 tấn nhân/năm); 1.200 trụ hồ tiêu (trung bình 3,5 tấn/năm); 60 gốc bưởi Năm Roi và da xanh; 70 gốc chôm chôm Thái Lan; 120 gốc sầu riêng cơm vàng hạt lép; 1.000 gốc cam; 2.000 gốc cây dó bầu; 300 gốc điều ghép. Tổng vốn mà anh đầu tư xoay vòng trong 5 năm đã lên hơn 1 tỷ đồng. Năm 2004 tuy thu hoạch chưa nhiều (cà phê và hồ tiêu giá thấp), bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cam đều mới cho trái bói nhưng anh đã tổng thu trên 110 triệu đồng. Theo người dân trong vùng giá trị những khu vườn của anh Nguyễn phải từ 5-7 tỷ đồng. Anh Nguyễn tâm sự "mình sẽ đầu tư tiếp để chứng minh vùng đất Khánh Sơn làm trang trại tốt. Đây là nguồn sống của mình. Thực ra, đi học chi để lấy kiến thức làm mọi việc mà thôi".

IV.7. Ông Huỳnh Công Uẩn

Ông huỳnh Công Uẩn ở xã Cam Phú-Cam Ranh với 1,1 ha địa ông nuôi tôm từ năm 1996, đến năm 1999 ông chuyển sang nuôi cá mú, với vốn đầu tư 600 triệu đồng, bình quân hàng năm thu 5 tấn cá, lãi từ 100-200 triệu đồng/năm.

IV.8. Ông Nguyễn Chiến Thắng

Ông Nguyễn Chiến Thắng quê ở Nghệ An, đi bộ đội đến 1988 về nghỉ hưu, năm 1990 ông chuyển gia đình vào xã Ninh Sim, huyện Ninh Hòa. Tại đây ông xin và được xã cấp 5 ha đất đồi hoang để phát triển sản xuất. năm 1998 ông trồng thí điểm 1 ha mía, kết quả cây mía phát triển rất tốt. Ông tiếp tục mở rộng diện tích trồng mía, từ 5 ha ban đầu, hiện nay diện tích đất của ông đã lên tới 40 ha, trong đó đất trồng mía là 20 ha. Ông đầu tư 60 triệu đồng mua 13 con bò lai, phát triển đàn dê 30 con, trồng 8000 m² cỏ voi, 100 gốc măng Đài Loan, nuôi 2 con hươu sao lấy nhung và nuôi cá... Vào vụ thu hoạch mía, trang trại của ông giải quyết việc làm cho hơn 30 lao động.

Hàng năm, trang trại của ông Thắng trừ chi phí còn lãi 100-120 triệu.

IV.9. Ông Lê Văn Hiệp

Năm 1994, bất chấp sự ngăn cản của gia đình, bạn bè, họ hàng, ông Hiệp đem 100 triệu đồng đầu tư lập trang trại dưới chân Hòn Bà. Sự nghiệp lập trang trại của ông bắt đầu bằng việc trồng 10 ha cà phê. Sau 3 năm, khi thu hoạch thì cà phê mất giá. Càng để càng lỗ, thế là 10 ha cà phê bị phá bỏ. Tráng tay, ông thuyết phục vợ và các con bán căn nhà 3 tầng đây đủ tiện nghi ở thị trấn Diên Khánh, lấy tiền làm vốn. Ông đầu tư khai thác 79 ha trồng xoài, sầu riêng Thái Lan, mít Malaixia, mít Tố Nữ, bưởi Năm Roi, ổi, quế Trà Mi...Hiện tại trang trại của ông đã được đầu tư 1,5 tỷ đồng.

IV.10. Anh Hoàng Văn Vũ

Anh Hoàng Văn Vũ quê ở thôn Phước Hạ, xã Phước Đồng, TP Nha Trang. Năm 2000 sau khi học xong lớp trung cấp thú y đã quyết định chọn mô hình phát triển kinh tế trang trại để tạo việc làm cho bản thân và làm giàu cho gia đình. Với số vốn ban đầu là 50 triệu đồng, anh đầu tư xây dựng 150 m² chuồng trại và 60 con heo thịt, sau khi xuất chuồng anh tái đầu tư trở lại, cộng với số tiền vay ngân hàng 20 triệu, anh mở mang diện tích chuồng lên 360 m², đào 400 m² ao thả cá và mở cửa hàng thuốc thú y. Đến năm 2004 anh tiếp tục mở rộng diện tích chuồng nuôi heo lên 500 m², với 30 con nái xuất chuồng 60 lứa/năm, heo thịt xuất chuồng 3-4 lứa/năm, mỗi lứa 50 con, 2 con đực giống, 10 con bò, 100 con gà, 100 con vịt xiêm. Với mô hình chăn nuôi trên anh tạo thêm việc làm cho 2 lao động thường xuyên tại địa phương với mức thu nhập bình quân 750.000 đồng/tháng, bản thân anh thu lợi nhuận hàng năm trên 100 triệu đồng.

Chủ nhiệm đề tài



Th.S: Nguyễn Chí Tâm